

NGƯỜI KINH BẮC

Số ra 1 tháng/kỳ

TẠP CHÍ SÁNG TÁC - NGHIÊN CỨU - THÔNG TIN VĂN HỌC NGHỆ THUẬT

Số 186

NĂM THỨ XXVII



THÁNG 7 - 2024

TỔNG BIÊN TẬP
NHÀ BÁO LÊ THANH HUYỀN

THAM GIA BIÊN TẬP

NGUYỄN NHƯ HẠO
NGUYỄN ANH THUẤN
NGUYỄN THÁI SƠN
LÊ VIẾT ANH
NGUYỄN TRỌNG TĨNH
KIM PHÚC

THƯ KÝ TÒA SOẠN
HOÀNG YẾN

Email tòa soạn
tapchinguoiKinhbac@gmail.com
Website: nguoiKinhbac.vn
Điện thoại: 0222.3875.551

Giấy phép xuất bản
Số: 138/GP-BTTTT

Bộ Thông tin - Truyền thông
Cấp ngày 19/4/2023

Tòa soạn
Số 01 Lý Thái Tổ - TP. Bắc Ninh

In 1000 cuốn, KT 19 x 27cm,
100 trang, in và nộm lưu chiều
tháng 7 - 2024

In tại:
XÍ NGHIỆP IN/NHÀ MÁY Z176

KỶ NIỆM 112 NĂM NGÀY SINH TỔNG BÍ THƯ NGUYỄN VĂN CỪ (9/7/1912 - 9/7/2024)

- * Tổng Bí thư Nguyễn Văn Cừ
Phan Thị An Ngọc 3
- HỌC TẬP LÀM THEO TƯ TƯỞNG, ĐẠO ĐỨC, PHONG CÁCH
HỒ CHÍ MINH**
- * Cái tâm, cái tầm của "người thuyền trưởng"
Hoàng Ngọc Bính 7
- KỶ NIỆM 77 NĂM NGÀY THƯỜNG BINH LIỆT SỸ
(27/7/1947 - 27/7/2024)**
- * Vẻ đẹp của người lính qua bài thơ "Áo trận"
Nguyễn Anh Thuấn 9
- * "Lính Trường Sơn - Ký ức chiến tranh" -
Tuyển tập Ký và hồi ký mang nhiều ý nghĩa
Phạm Huy Chương 11
- Trang thơ Người Kinh Bắc** 14-15
- * Linh thiêng Liệt sĩ Trường Sơn
Bạch Liên 16
- * Bác tôi
Dương Đức Nghiêm 18
- Truyện ngắn: Nhụy của tình yêu**
Nguyễn Xuân Tường 21
- Tản văn: Những ngày đã qua**
Lưu Thị Phụng 28
- Truyện ngắn: Ngọt ngào nơi đá núi**
Nguyễn Thanh Nga 31
- VĂN HIẾN BẮC NINH - KINH BẮC**
- * Làng Sẻ
Thanh Hải 36
- * Sự tích và kiến trúc dân gian đình Khúc Toại
Nguyễn Văn An 41
- * Làng Tiên sĩ Lương Xá
Vũ Ngọc Hòa 44



NGƯỜI Kinh Bắc

NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI

- * "Trạng nguyên" Đặng Xuân: Lịch sử, truyện ký và giai thoại
Lê Viết Nga 48
- Trang thơ Người Kinh Bắc** 52-53

BIỂN ĐẢO QUÊ HƯƠNG - BIÊN CƯƠNG TỔ QUỐC

- * Cột mốc văn hóa tâm linh giữa Trường Sa
Lê Thị Huyền 54

CHÂN DUNG HỘI VIÊN

- * Không chỉ là nhà thơ Hoàng Giá 57
- * Nhà văn thương binh Duy Đắc 88
- Truyện ngắn: Đêm nay trăng muôn**
Vũ Thế Thược 62

TÁC GIẢ - TÁC PHẨM

- * "Từ giấc mơ con đến ước mơ lớn" - Cuốn sách là cẩm nang với người làm khuyến học ở cơ sở
Nghiêm Đình Thường 68
- * Đôi điều tâm đắc nhân đọc tập thơ "Lắng sâu nghĩa tình" của tác giả Nguyễn Trọng Liễu
Vũ Tuấn Anh 73
- Trang thơ cộng tác viên** 76

LÝ LUẬN - PHÊ BÌNH

- * Một số vấn đề về biểu diễn dân ca và ca khúc mang âm hưởng âm nhạc dân gian
Nguyễn Trung 77
- Bút ký: Hoa tuyết rơi lung trời** Nguyễn Tiến Lộc 82
- Tản văn: Tìm lại những mùa ngâu**
Nguyễn Hà Hải 89
- Truyện ngắn: Khoảng lặng chiến tranh**
Trần Quốc Cường 92

ÂM NHẠC

- * Yêu người con gái Bắc Ninh
Nhạc: Trọng Tĩnh Thơ: Nguyễn Viết Tại 98
- * Lá tình yêu
Nhạc: Trần Ngọc Sơn Thơ: Mạc Mạc 99

MỸ THUẬT

- * Bìa 1: Ngày nắng đẹp - Bội màu - Nguyễn Văn Triền
- * Bìa 4: Nguyễn Văn Thuật, Trọng Thủy, Nguyễn Bá Sơn, Nguyễn Văn Hưng, Hồng My, Nguyễn Công Hà

NHIẾP ẢNH

- * Bìa 2: Thanh Huyền, Hoàng Yến
- * Bìa 3: Lê Kham, Quyền Hà, Nguyễn Văn Trường, Nguyễn Thị Hào, Nguyễn Trọng Hiếu, Hoàng Anh

TỔNG BÍ THƯ

Nguyễn Văn Cừ

PHAN THỊ AN NGỌC

Đã qua hơn 90 năm hình thành và phát triển, với 12 Tổng Bí thư lãnh đạo chèo lái con thuyền cách mạng Việt Nam, đồng chí Nguyễn Văn Cừ (sinh năm 1912) là Tổng Bí thư thứ tư đồng thời là Tổng Bí thư trẻ tuổi nhất của Đảng ta. Trong cuộc đời hoạt động cách mạng của mình, đồng chí luôn là nhà lãnh đạo xuất sắc của Đảng, một chiến sĩ cộng sản mẫu mực, người con ưu tú của quê hương Bắc Ninh đã cống hiến trọn đời cho độc lập của dân tộc và hạnh phúc của nhân dân thể hiện qua những mốc son quan trọng.

Năm 1927 (15 tuổi): là mốc son đầu tiên đánh dấu cuộc đời hoạt động cách mạng của đồng chí Nguyễn Văn Cừ.

Vào khoảng giữa năm - mùa thi năm 1927, được ông Nguyễn Duy Tiềm đỡ đầu, Nguyễn Văn Cừ lên Hà Nội dự thi và đỗ vào trường Bảo hộ, tức trường Bưởi với kết quả xuất sắc. Trường Bưởi (nay là trường THPT Chu Văn An, Hà Nội) là một ngôi trường THPT lớn nhất Đông Dương lúc bấy giờ. Chính quyền thực dân lập trường Bưởi

với mục đích “đào tạo ra những công chức người bản xứ ít tốn tiền cho ngân sách thuộc địa”. Trong thời gian học tập ở Trường Bưởi, với sự nỗ lực của bản thân, Nguyễn Văn Cừ đã trưởng thành nhanh chóng. Đồng chí không chỉ tiếp thu được kiến thức văn hóa mà còn được bồi dưỡng tinh thần yêu nước và cách mạng nhờ được nghe những người có lý tưởng cách mạng lớp trên kể về các phong trào yêu nước ở trường Bưởi và Hà Nội trong những năm trước đó.

Năm 1928 (16 tuổi): đồng chí được kết nạp vào Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên (VNCMTN) tại trường Bưởi.

Được kết nạp vào Hội, Nguyễn Văn Cừ được bí mật được tiếp cận với các nguồn báo chí tiến bộ của đồng chí Nguyễn Ái Quốc từ nước ngoài chuyển về như: Đường cách mệnh, Báo Thanh niên... đồng thời có thời gian tham gia công tác của Hội, lại sẵn có lòng yêu nước, tinh thần chống chế độ thực dân, Nguyễn Văn Cừ nhanh chóng nhận ra sự đúng đắn của con đường cứu nước mà lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc đã lựa

chọn. Vì bị tình nghi tham gia “Hội kín”, lại trực tiếp đấu tranh đả kích những người nịnh Tây trong trường học, đồng chí bị đuổi học khi đang học dở năm thứ hai.

Sau khi bị đuổi học, Nguyễn Văn Cừ không trở về quê mà ở lại Hà Nội tìm cách kiếm sống và hoạt động cách mạng. Đồng chí đã đi dạy học ở làng Hà Lỗ (nay thuộc Đông Anh, Hà Nội), được gặp gỡ với các đồng chí của mình, đặc biệt là được gặp gỡ đồng chí Ngô Gia Tự, Bí thư Tỉnh bộ Hội VNCOMTN tỉnh Bắc Ninh, là người cùng quê mà anh ngưỡng mộ từ khi còn học ở trường Bưởi. Được sự diễn giải, phân tích của đồng chí Ngô Gia Tự về tác phẩm **Đường cách mệnh** cùng nhiều tài liệu quan trọng khác, Nguyễn Văn Cừ mới hiểu một cách có hệ thống, sâu sắc những quan điểm của lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc và thấy mình trưởng thành lên không chỉ về nhận thức lý luận và cả về ý thức giai cấp. Từ đây, đồng chí đã đem những kiến thức hiểu biết mới học được về lý luận cách mạng, tuyên truyền, giác ngộ trong quần chúng để xây dựng các cơ sở cách mạng ở những nơi đến làm việc, đặc biệt là thời gian đi “Vô sản hóa” ở vùng mỏ than Vàng Danh (Uông Bí, Quảng Ninh) và thành lập Chi bộ Hội VNCOMTN tại đây.

Năm 1929 (17 tuổi): Đồng chí Nguyễn Văn Cừ trở thành một trong những đảng viên đầu tiên của Đông Dương Cộng sản Đảng, 1 trong 3 tổ chức tiền thân của Đảng Cộng sản Việt Nam.

Đồng chí được điều động về Hải Phòng phụ trách việc xây dựng một trạm liên lạc của Trung ương Đảng với nước ngoài bằng đường biển. Rồi được điều về làm cán bộ đảng chuyên trách tại cơ quan Tỉnh ủy Hải Phòng, phụ trách công tác kiểm tra hoạt động của tổ chức Đảng ở khu mỏ.

Đồng chí thường xuyên đi chấp mỗi liên lạc giữa Hải Phòng - Hòn Gai - Cẩm Phả - Cửa Ông - Hòn Gai - Mạo Khê... dẫn đến việc chuyển đổi về mặt tổ chức Chi bộ Hội VNCOMTN thành Chi bộ Đông Dương Cộng sản Đảng.

Năm 1930 (18 tuổi): Đồng chí Nguyễn Văn Cừ là phái viên của Trung ương Đảng tại vùng mỏ, đại diện Xứ ủy tại Đặc khu ủy mỏ và trở thành Bí thư Đặc khu ủy vùng mỏ than Đông Bắc. Là phái viên của Trung ương Đảng tại vùng mỏ, đồng chí đến hoạt động ở hầu hết các mỏ than vùng Đông Bắc, đặc biệt là dành nhiều thời gian về Mạo Khê giúp đỡ công tác của Chi bộ và duyệt bài cho tờ báo Than do Chi bộ Mạo Khê xuất bản. Với sự hoạt động năng nổ và hiệu quả của đồng chí, từ tháng 2 đến tháng 4, 5 Chi bộ mới là Hòn Gai, Cẩm Phả, Cửa Ông, Uông Bí, Vàng Danh ra đời và phong trào đấu tranh của công nhân vùng mỏ phát triển sôi nổi, rộng khắp với nhiều hình thức phong phú, hòa nhịp với cao trào cách mạng của cả nước. Để thực hiện sự chỉ đạo thống nhất, Nguyễn Văn Cừ đề xuất với cấp trên cơ cấu lại tổ chức Đảng trên toàn vùng mỏ, thành lập cấp bộ Đặc khu ủy mỏ, được Xứ ủy đồng ý và Trung ương chuẩn y ra quyết định thành lập Đặc khu ủy mỏ, Nguyễn Văn Cừ được cử làm đại diện của Xứ ủy tại Đặc khu mỏ và trở thành Bí thư Đặc khu ủy vùng mỏ than Đông Bắc.

Năm 1931 (19 tuổi): đồng chí bị địch bắt giam cầm tại nhà lao Hải Phòng, Hỏa Lò (Hà Nội) sau đây ra Côn Đảo tới tháng 11 năm 1936 được trao trả tự do.

Tại Côn Đảo, đồng chí bị giam cầm ở khám 3, banh 2 là nơi giam giữ tù chính trị. Để thống nhất và điều hành công việc, Banh 2 bí mật thành lập Chi bộ, Nguyễn

Văn Cừ được cử vào Ban Chi ủy. Thực hiện chủ trương “biến nhà tù đế quốc thành trường học cách mạng”, Nguyễn Văn Cừ lao vào nghiên cứu học tập các môn học một cách say mê nên nhanh chóng tiếp thu được nhiều kiến thức và đứng ra làm “giảng viên” truyền lại cho anh em. Đồng chí còn tham gia viết bài cho báo “Người tù đỏ” và tập san “Ý kiến chung” ở trong tù, đồng thời tham gia dịch các sách kinh điển từ tiếng Pháp hoặc chép thành nhiều bản để anh em có tài liệu nghiên cứu. Với việc chịu khó học hỏi, trao đổi kinh nghiệm, đã giúp Nguyễn Văn Cừ trưởng thành hơn về mọi mặt.

Năm 1937 (25 tuổi): Nguyễn Văn Cừ được bầu làm Thường vụ Xứ ủy Bắc Kỳ,

đại diện Xứ ủy bên cạnh Trung ương Đảng, Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Ban Thường vụ Liên Xứ ủy Bắc - Trung Kỳ.

Trong thời kỳ này, đồng chí đã tiến hành móc nối liên lạc, xây dựng các cơ sở cách mạng và khôi phục phong trào cách mạng trong cả nước; lãnh đạo công tác vận động quần chúng, phát động phong trào đấu tranh đòi dân sinh dân chủ, tiến tới thành lập Mặt trận Dân chủ thống nhất và đưa Đảng ra hoạt động công khai.

Năm 1938 (26 tuổi): Đồng chí được bầu là Tổng Bí thư Đảng Cộng sản Đông Dương. Trên cương vị là Tổng Bí thư của Đảng, đồng chí đã vượt gian nguy có mặt ở cả ba miền để lãnh đạo phong trào cách mạng cả nước:



Tượng đài đồng chí Nguyễn Văn Cừ tại Khu lưu niệm thành phố Từ Sơn, Bắc Ninh.

Chỉ đạo thực hiện nghị quyết Trung ương, đẩy mạnh tranh đấu công khai trên mặt trận báo chí tuyên truyền, cho xuất bản báo chí và trở thành cây bút của nhiều tờ báo công khai của Đảng như: Tin tức, Lao động, Hà Thành thời báo, Tiền phong, Dân chúng, Tiến lên, Bạn dân... Trong đó có báo Dân chúng là cơ quan ngôn luận công khai đầu tiên của Trung ương Đảng. Nguyễn Văn Cừ với bút danh Trí Thành đã có nhiều bài viết xuất sắc đăng trên báo Dân Chúng được xếp vào hàng mẫu mực của dòng văn chính luận trên báo chí cách mạng Việt Nam.

Phát động phong trào đấu tranh hợp pháp đòi tự do dân chủ, hòa bình, xây dựng và mở rộng các tổ chức đoàn thể quần chúng. Dưới sự lãnh đạo của Nguyễn Văn Cừ, Mặt trận Dân chủ thống nhất Đông Dương đã tạo ra một phong trào quần chúng rộng lớn, thu hút được đông đảo các tầng lớp nhân dân tham gia. Tiêu biểu là cuộc biểu tình biểu dương lực lượng kỷ niệm ngày quốc tế lao động 1/5/1938 ở khu Đấu Xảo, Hà Nội, thu hút được hơn 2 vạn quần chúng nhân dân tham gia, gây được tiếng vang lớn trong cả nước, làm cho quần chúng lao động ngày càng tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng.

Để tăng cường sự đoàn kết thống nhất về mặt tư tưởng và nâng cao sức chiến đấu của Đảng bằng **"Tự chỉ trích"** Bôn sê vích. Tháng 6/1939, với bút danh Trí Cường, Tổng Bí thư Nguyễn Văn Cừ đã viết và cho in cuốn **"Tự chỉ trích"** đưa ra những nguyên lý tự phê bình và phê bình Mác xít, kết hợp nhuần nhuyễn giữa lý luận với thực tiễn. Cho đến nay, tác phẩm vẫn còn nguyên giá trị trong công tác xây dựng và củng cố Đảng.

Chuyển hướng chỉ đạo chiến lược của Đảng: Ngày 6/11/1939, Tổng Bí thư

Nguyễn Văn Cừ đã triệu tập Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng lần thứ 6, tại Bà Điểm (Hóc Môn, Gia Định) quyết định chuyển hướng chỉ đạo chiến lược cách mạng Việt Nam; quyết định chuyển toàn bộ hoạt động công khai và bán công khai của Đảng vào bí mật; đưa nhiệm vụ giải phóng dân tộc lên hàng đầu, chuyển từ đấu tranh đòi quyền dân sinh dân chủ sang đấu tranh trực tiếp đánh đổ chính quyền của đế quốc và tay sai, thành lập Mặt trận dân tộc phản đế Đông Dương. Quyết định thay đổi chiến lược và phương pháp cách mạng trong tình hình mới của Hội nghị Trung ương lần thứ 6 là rất đúng đắn, sáng suốt, thể hiện tư duy chính trị nhạy bén, năng lực sáng tạo lớn của Ban chấp hành Trung ương Đảng, đứng đầu là Tổng Bí thư Nguyễn Văn Cừ.

Năm 1940 (28 tuổi): đồng chí Nguyễn Văn Cừ bị địch bắt tại đường Nguyễn Tấn Nghiệm (nay là đường Trần Đình Xu, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh).

Năm 1941 (29 tuổi): Thực dân Pháp đã xử bắn đồng chí Nguyễn Văn Cừ tại Ngã Ba Giồng, xã Bà Điểm, huyện Hóc Môn, tỉnh Gia Định (nay thuộc thành phố Hồ Chí Minh).

Với 13 năm hoạt động cách mạng liên tục, 12 năm tuổi Đảng, 7 năm trong nhà tù đế quốc, 2 năm trên cương vị là Tổng Bí thư, là những dấu son quan trọng trong cuộc đời hoạt động cách mạng của đồng chí Nguyễn Văn Cừ. Gương hy sinh quên mình của đồng chí Nguyễn Văn Cừ mãi là tấm gương sáng cho mọi thế hệ học tập và noi theo./.

CÁI TÂM, CÁI TẦM CỦA NGƯỜI THUYỀN TRƯỞNG

HOÀNG NGỌC BÌNH

So với đồng nghiệp, Giám đốc Agribank Chi nhánh Bắc Ninh II Ngô Đình Thảo đến với ngành ngân hàng hơi muộn, năm 1991, khi 25 tuổi được rời quân ngũ, chàng trai trẻ quê ở phường Tân Hồng, thành phố Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh mới trở thành cán bộ ngân hàng rồi gắn bó từ đó đến nay.

Hôm nay, sau 33 năm gắn bó với nghề, trải qua biết bao khó khăn vất vả, Ngô Đình Thảo đã tự học, tự rèn, không ngừng nâng cao trình độ chuyên môn và phẩm chất đạo đức nghề nghiệp, trở thành người Giám đốc ngân hàng giàu năng lực và tinh thần trách nhiệm, tất cả vị sự lớn mạnh, phát triển không ngừng của đơn vị, được Đảng tin, dân mến, đồng nghiệp mến yêu, quý trọng và nể phục.

Ông kể: Cái khó của người lính sau khi rời quân ngũ rồi đi học chuyên môn là kiến thức văn hóa đã “roi vãi” nhiều, thế là

phải lao vào học ngày, học đêm để tiếp thu tốt nhất các bài giảng. Sau khi ra trường, vừa công tác cũng vừa phải tranh thủ mọi lúc, mọi nơi, kể cả ngày nghỉ để tiếp tục học tập nâng cao trình độ chuyên môn. Trải qua nhiều tháng năm đèn sách và miệt mài khổ luyện, Ngô Đình Thảo đã trang bị cho mình kiến thức chuyên môn, bản lĩnh chính trị vững vàng, hoàn thành xuất sắc mọi nhiệm vụ được giao.

Nhớ lại những ngày cách đây 6 năm, khi vừa được đề bạt làm Bí thư Chi bộ, Giám đốc Agribank Chi nhánh Bắc Ninh II, đúng vào thời điểm tình hình phát triển kinh tế xã hội trong tỉnh gặp rất nhiều khó khăn do đại dịch Covid 19 xảy ra, các ngành kinh doanh dịch vụ đã phải chịu ảnh hưởng nặng nề, nhiều cơ sở phải hoạt động cầm chừng, nhiều doanh nghiệp phải đóng cửa, các làng nghề truyền thống trước đây phát triển rất mạnh, nay hàng hóa tồn kho

lớn, thị trường tiêu thụ sản phẩm nhỏ giọt, dẫn tới nhu cầu sử dụng vốn rất thấp... đã trở thành những thách thức không nhỏ, khiến Ngô Đình Thảo như “ngồi trên đồng lúa”. Ông trần trụi: Việc đầu tư tín dụng không có khả năng duy trì và phát triển thì phải dần thu hẹp đối với các ngành nghề và khách hàng sản xuất, kinh doanh kém hiệu quả, tập trung đầu tư vốn cho các hộ sản xuất kinh doanh trong lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn; tăng cường chất lượng thẩm định, kiểm tra, kiểm soát, mạnh dạn tiếp cận, tháo gỡ khó khăn đối với các doanh nghiệp; tăng cường công tác quảng bá thương hiệu và phát triển dịch vụ, tìm kiếm khai thác khách hàng mới... Và những bước đi táo bạo, có tính đột phá và chiến lược do ông đề ra đã đúng hướng, mang lại hiệu quả rõ rệt, số dư nợ được duy trì ổn định và không ngừng phát triển, năm sau cao hơn năm trước.

Là người lãnh đạo dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm, Ngô Đình Thảo còn là người cán bộ tận tụy, hết lòng với công việc, thường xuyên quan tâm đến đời sống vật chất, tinh thần của cán bộ và nhân viên, động viên mọi người phát huy tinh thần lao động sáng tạo, tích cực học tập nâng cao trình độ chuyên môn, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao. Ông còn dành nhiều thời gian, tâm sức nghiên cứu các đề tài khoa học, chỉ trong 3 năm, 2018 - 2020, Ngô Đình Thảo đã “trình làng” được 3 đề tài khoa học ứng dụng hiệu quả vào thực tiễn hoạt động của đơn vị, được cấp trên khen ngợi, đồng nghiệp đánh giá cao.

Bằng những thành tích xuất sắc của mình, Chi nhánh Agribank Bắc Ninh II nhiều năm liên tục đạt danh hiệu “Đơn vị trong sạch vững mạnh”, “Đơn vị hoàn thành xuất sắc kế hoạch kinh doanh”, “Tập thể lao động xuất sắc”... Thành quả đó thuộc về mỗi cán bộ, nhân viên trong đơn vị, nhưng không thể không kể đến công lao của Giám đốc Ngô Đình Thảo, người “Thuyền trưởng” vừa có tâm, có tầm, vừa giàu tình thương yêu và tinh thần trách nhiệm, đã chèo lái con thuyền Chi nhánh Agribank Bắc Ninh II vượt qua biết bao sóng to gió cả để cập bến bờ viên mãn.

Kể từ năm 2019 trở lại đây, với 5 năm liên tục được trao tặng danh hiệu “Chiến sỹ thi đua” cấp cơ sở, nhiều Bằng khen của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Tổng Liên đoàn lao động Việt Nam, Công đoàn Ngân hàng Việt Nam, Chủ tịch Hội đồng thành viên Agribank, UBND tỉnh Bắc Ninh, cùng nhiều phần thưởng cao quý khác, đã ghi nhận những đóng góp to lớn, tinh thần làm việc tận tụy, hết mình đối với ngành ngân hàng mà ông đã dành cả cuộc đời gắn bó và công hiến. Nay đã sang tuổi 61, chỉ còn ít thời gian nữa là ông sẽ nghỉ hưu, nhưng bằng kinh nghiệm và bề dày công tác của mình, Giám đốc Ngô Đình Thảo đã, đang và sẽ tiếp tục trở thành điểm tựa, là người truyền lửa và động lực phấn đấu cho mỗi cán bộ nhân viên trong đơn vị, xây dựng Chi nhánh Agribank Bắc Ninh II ngày càng vững mạnh toàn diện, xứng đáng là người bạn gần gũi và tin cậy của nhân dân./.



VẺ ĐẸP CỦA NGƯỜI LÍNH QUA BÀI THƠ

Áo Trận

NGUYỄN ANH THUẤN

Trung tá - Cựu chiến binh Trần Thế Long, hội viên Hội VHNT tỉnh Bắc Ninh, quê ở xã Việt Đoàn, huyện Tiên Du, là một người lính đã trực tiếp tham gia nhiều chiến dịch lớn từ Đường 9 - Nam Lào đến giải phóng hoàn toàn miền Nam. Ông đã in nhiều tập thơ văn với chủ đề tôn vinh vẻ đẹp và phẩm chất cao quý của người lính cách mạng. Gian khổ tột cùng, hy sinh lớn lao, bom đạn khốc liệt... càng tô thắm thêm phẩm chất ngời sáng của họ. Dưới đây là

một bài thơ ông viết nhân kỷ niệm ngày Thương binh Liệt sỹ nhiều năm về trước:

ÁO TRẬN

Áo này đánh trận bảy mươi (1970)
Đồng Chum nổi bão
Pháo ròi Phu Khâm
Mùa mưa đất lở vách hầm
Mối đùn áo mục
Tìm dằm bờ vai...
Áo này đổ lửa bảy hai (1972)

*Chốt thành Quảng Trị tám hai đêm ngày
Giăng giăng cát biển pháo bày
Chôn nhau...
Bom đạn lại cày nhau lên!
Thia lia đau đón phần mềm
Bộn đồng bom vương nổ rền như bẫm...
Áo này chiến dịch bảy lăm (1975)
Hành quân thần tốc ăn nằm thùng xe
Tin vui thắng trận đội về
Đêm đêm vợ nhớ lại về áo chồng...*

*Bây giờ nhà ống tường bông
Mùa hè áo mỏng, mùa đông đổi màu
Áo xưa... gấp để gói đầu
Lòng ta vẫn mãi xanh màu Áo xanh...*

Bài thơ **Áo Trận** của Trần Thế Long đã chọn ba chiến dịch lịch sử trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước: Đó là chiến dịch Đường 9 - Nam Lào 1969 - 1970, chiến dịch Quảng Trị năm 1972 và chiến dịch Hồ Chí Minh năm 1975. Ở mỗi chiến dịch lịch sử này, Trần Thế Long đã khắc họa nên những dấu ấn sâu đậm nhất đối với người lính:

- Là bão lửa ở cánh đồng Chum và những gian khổ mà người lính phải chịu trong mùa mưa dai dẳng ở Nam Lào năm 1970: *Đồng Chum nổi bão/ Pháo ròi Phu Khâm/ Mùa mưa đất lở vách hầm/ Mối đùn áo mục, tím dầm bờ vai...*

- Là sự ác liệt nơi thành cổ Quảng Trị trong mùa hè đỏ lửa năm 1972. Người lính đã phải chịu đựng quá nhiều pháo dàn pháo bày, bom tấn, mìn vương. Ác liệt đến nỗi nhiều người lính đã phải hy sinh đến vài lần: *Giăng giăng cát biển pháo bày/ Chôn nhau - bom đạn lại cày nhau lên/ Thia lia đau đón phần mềm/ Bộn đồng bom vương nổ rền như bẫm...*

- Là cuộc hành quân thần tốc trong chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử mùa xuân năm 1975: *Hành quân thần tốc ăn nằm thùng xe/ Tin vui thắng trận đội về/Đêm đêm vợ nhớ... lại về áo chồng!* Cái khác biệt của thơ Trần Thế Long là anh không tả nhiều về người lính nơi chiến trường mà lại quay về hậu phương. Nơi người vợ nghe tin thắng trận lại vuốt ve chiếc áo lính của chồng mình. Nó gửi đi một thông điệp: Không có hậu phương vững vàng, thủy chung thì sẽ không có chiến thắng vẻ vang ngoài tiền tuyến. Đó chính là tính nhân văn cao cả của chiến tranh nhân dân. Là nguồn cội sức mạnh đại đoàn kết của toàn dân tộc.

Bốn câu kết của bài thơ như một khúc vĩ thanh. Sau khi chiến tranh kết thúc, người lính trở về với đời thường, cuộc sống dần thay đổi với nhà ống tường hoa, quần áo đủ màu đủ kiểu nhưng tấm Áo lính - Áo trận đã từng xông pha trận mạc năm xưa vẫn được trân trọng gói ở đầu giường. Và tấm lòng của người lính Cụ Hồ vẫn thanh cao, bình dị, thủy chung với bạn bè, với đồng đội, với lý tưởng vì dân cao đẹp của mình. Những tấm áo dày dặn chiến trận, thấm đẫm mồ hôi và máu, làm nên bao nhiêu kỳ tích trong chiến tranh chính là biểu tượng cao đẹp của anh bộ đội Cụ Hồ. Đó cũng chính là hình tượng tuyệt vời nhất của dân tộc ta trong lịch sử và trong công cuộc dựng nước và giữ nước. Kỷ niệm ngày Thương binh Liệt sỹ 27 tháng 7 năm nay, thêm một lần nữa tôn vinh các anh, những người lính đã hiến dâng đời mình cho Tổ quốc và luôn luôn giữ vững phẩm chất cao quý của anh bộ đội Cụ Hồ./.

“LÍNH TRƯỜNG SƠN - KÝ ỨC CHIẾN TRANH”

Tuyển tập ký và hồi ký mang nhiều ý nghĩa

PHẠM HUY CHƯƠNG

Trong cuộc trường chinh vĩ đại của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước giành độc lập - tự do cho dân tộc, nghe theo tiếng gọi thiêng liêng của Bác Hồ “Không có gì quý hơn Độc lập - Tự do”, lớp lớp thanh niên từ mọi miền đất nước đã lên đường ra trận. Trong đội ngũ điệp điệp trùng trùng lên đường cứu nước ấy, đã có hàng vạn những chàng trai, cô gái bằng máu xương đã làm nên đường Trường Sơn - Đường Hồ Chí Minh huyền thoại. Chiến trường Trường Sơn đã kết tinh và tỏa sáng tinh hoa của sự sáng tạo nghệ thuật quân sự của cuộc chiến tranh nhân dân; tỏa sáng về tinh thần đoàn kết quốc tế cao cả, về tình yêu đất nước và sự hy sinh của con người, vì độc lập - tự do của Tổ quốc... Đó là những giá trị lịch sử và truyền thống hào hùng đánh giặc giữ nước của dân tộc mà mỗi chúng ta phải có trách nhiệm gìn giữ và phát huy.

Tròn 5 năm trước, nhân dịp kỷ niệm 60 năm ngày mở đường Hồ Chí Minh - Ngày truyền thống bộ đội Trường Sơn (19/5/1959 - 19/5/2019), thực hiện chương



trình hoạt động của Trung ương Hội Truyền thông Trường Sơn - Đường Hồ Chí Minh Việt Nam. Hội Truyền thông Trường Sơn tỉnh Bắc Ninh phát động cuộc thi viết những kỷ niệm sâu sắc về Trường Sơn nói riêng và về cuộc kháng chiến chống Mỹ

cứu nước của dân tộc nói chung. Những bài viết tốt nhất từ cuộc thi đã được tập hợp in thành cuốn sách **“Lính Trường Sơn - Ký ức chiến tranh”**. Tập sách được trực tiếp Trung tướng Đồng Sỹ Nguyên - Nguyên Ủy viên Bộ Chính trị, Nguyên Phó Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng, nguyên Tư lệnh Bộ Tư lệnh trường Sơn viết tâm thư cho sách. Được phát hành rộng khắp trong nội bộ các chiến sỹ Trường Sơn trong tỉnh và phục vụ bạn đọc tại các Thư viện của tỉnh.

Kỷ niệm 65 năm ngày Truyền thống mở đường Trường Sơn (19/5/1959 - 19/5/2024) và kỷ niệm 80 năm ngày thành lập Quân đội nhân dân Việt Nam (22/12/1944 - 22/12/2024), 70 năm chiến thắng Điện Biên Phủ (7/5/1954 - 7/5/2024) và hướng đến kỷ niệm 50 năm ngày miền Nam hoàn toàn giải phóng, thống nhất đất nước (30/4/1975 - 30/4/2025). Hội Truyền thống Trường Sơn tỉnh Bắc Ninh tiếp tục phát động cuộc thi **“Hào khí Trường Sơn” “Chiến sỹ Trường Sơn anh hùng năm xưa và cuộc sống hôm nay”** đã tập hợp và tuyển chọn bổ sung những tác phẩm văn xuôi tiêu biểu nhất trong hai cuộc thi sáng tác. Với 140 tác phẩm của 112 tác giả đề xuất bản thành **“Tuyển tập ký và hồi ký - Lính Trường Sơn Ký ức chiến tranh”**. Cuốn sách gồm hai phần: Phần một **“Gặp nhau trên đỉnh Trường Sơn”**; Phần hai **“Lính Trường Sơn ra trận”**. Cuốn sách đặc biệt được đón nhận sự quan tâm của đồng chí Nguyễn Anh Tuấn - UVBCHTW Đảng, Bí thư Tỉnh ủy, Trưởng đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh viết bút thư cho tập sách gửi các chiến sỹ bộ đội Trường Sơn tỉnh Bắc Ninh hôm nay. Như tiếp thêm nguồn sinh lực mới của quê hương văn hiến cách mạng

Bắc Ninh, để các chiến sỹ Trường Sơn trên quê hương làm được thêm nhiều việc lợi ích cho quê hương đất nước.

Bạn đọc mở từ trang đầu đến trang cuối sẽ được thu hút, hấp dẫn bởi: Các tác giả của những bài viết trong cuốn sách này là người trong cuộc hoặc được trực tiếp nghe các nhân chứng kể lại những sự việc, con người, những câu chuyện có thật trong cuộc sống và chiến đấu gian khổ, ác liệt ở mặt trận Trường Sơn, trên các chiến trường B,C,K đã được các tác giả khai thác, phản ánh sinh động một cách chân thật. Có chiến sỹ giải phóng quân nào vào chiến trường B, C, K mà không phải vượt qua đường Trường Sơn huyền thoại. Trường Sơn đã giúp họ tôi luyện trở thành những chiến sỹ **“Chân trần, chí thép”**. Những chiến sỹ TNXP, bộ đội công binh ngày đêm bám cầu, bám đường giữ mạch máu giao thông thông suốt; những anh chị nuôi quân, những chiến sỹ quân y ngày đêm chăm sóc từng bữa ăn, viên thuốc chữa bệnh cho bộ đội đảm bảo sức khỏe vượt đại ngàn Trường Sơn; những chiến sỹ thông tin, đường ống xăng dầu dững cảm vượt qua bom đạn để đưa những **“Cánh sóng diệu kỳ”**, những **“Dòng sông mang lửa”** tuôn chảy ra chiến trường; những chiến sỹ xe tăng thiết giáp, chiến sỹ bộ binh, chiến sỹ đặc công... dững cảm kiên cường, bền gan giữ vững trận địa. Khi giáp giặc thù quyết chí **“một chọi mười”**, **“một thắng trăm”** làm khiếp vía quân thù.

Cuốn sách **“Ký và hồi ký - Lính Trường Sơn - Ký ức chiến tranh”** của Hội Truyền thống Trường Sơn - Đường Hồ Chí Minh tỉnh Bắc Ninh vừa được Nhà xuất bản QĐND in và phát hành, sách có

855 trang, khổ 16 cm x 25 cm, là những ghi chép, chuyện kể chiến trường với cảm xúc chân thật của những người lính trong cuộc chiến đấu vẻ vang của dân tộc. Có thể về bút pháp, văn chương... chưa đáp ứng được mong mỏi của bạn đọc, nhưng đó là tấm lòng, là những điều được viết ra từ gan ruột, từ hồi ức đầy gian khổ, hy sinh, đầy nước mắt và cả máu xương của bao người lính Trường Sơn năm xưa đã góp phần làm nên Trường Sơn huyền thoại.

Hy vọng cuốn sách sẽ góp thêm tư liệu sống động vào trang sử hào hùng của bộ đội Trường Sơn anh hùng, của QĐND Việt Nam anh hùng. Rất mong nhận được ý kiến đóng góp của bạn đọc gần xa.

Cuốn sách **“Tuyển tập Ký và hồi ký - Lính Trường Sơn - Ký ức chiến tranh”** xin được coi là nén tâm hương nghĩa tình đồng đội, tưởng nhớ và đời đời biết ơn những người con ưu tú của quê hương, đất nước đã “Quyết tử cho Tổ quốc quyết sinh”. Hội Trường Sơn tỉnh Bắc Ninh xin trân trọng giới thiệu cùng các đồng chí và bạn đọc./.

NGUYỄN THỊ NAM

Tự hào con của người cộng sản

Con tự hào là con gái của cha
Người chiến sỹ xông pha miền lửa đạn
Ngàn gian khó và nguy nan không nản
Vẫn hiên ngang khí phách anh hùng.

Vững chân đồng dạ sắt chí kiên trung
Cha ngang dọc vẫy vùng thời trai trẻ
Để vợ dại con thơ từ biệt mẹ
Quyết tòng chinh đi diệt kẻ giặc thù.

Đường quân hành năm ấy giữa mùa thu
Cùng đồng đội vượt sương mù bom rú
Chí sục sôi lòng hờn căm áp ủ
Lấy chí trai đền nợ nước, thù nhà.

Con ra đời khi đất nước non sông
Tan bóng giặc sắc cầu vòng trở lại
Kỷ niệm cũ lòng vẫn vương hoang hoải
Sinh con tên ghi dấu mãi chiến trường./.



ĐẶNG DANH THẢ

Nhớ về anh

Có một lần anh về phép đầu xuân
Tết năm ấy mẹ thày vui lắm
Quên sao những bữa cơm đầm ấm
Anh yêu chiều em út thơ ngây.

Thấm thoát anh trả phép tới ngày
Tìm trong túi anh cho hai hào bạc
Em nhìn anh cái nhìn ngơ ngác
Anh dặn rằng: Nhớ học giỏi chăm ngoan.

Sáng tiễn anh trời mưa gió như chan
Người chị cả quàng cho anh tấm áo
Qua dòng sông bóng con thuyền chao đảo
Em quay về nước mắt cứ vòng quanh.

Rồi một chiều nhà nhận được tin anh
Lẽ truy điệu gọi tên hồn liệt sĩ
Quê hương tiễn anh về yên nghỉ
Cả gia đình quận thất trắng màu tang.

Sống anh hùng khi ngã xuống về vang
Trong tim em anh mãi là bất tử
Những ngày này nơi nào hồn viễn xứ?
Nén hương lòng lại thắm gọi tên anh!

NGUYỄN THỊ THỦY

Nghĩa trang

Đất nước mình qua bao cuộc chiến tranh
Vẫn còn đó nỗi đau thương mất mát
Mộ gió mãi ôm vạ ngàn se thắt
Nén hương trầm... lắng giọt lệ vào trong...

Bao người đi theo tiếng gọi non sông
Máu đỏ thắm lá cờ hồng bất tử
Sử mãi lưu tên bảng vàng danh dự
Mùa qua mùa sao mộ cứ nhiều thêm.

Nghĩa trang đây các anh khắp mọi miền
Còn nhiều mộ chưa tuổi tên quê quán...
Khi ra trận quyết tâm giành chiến thắng
Dầu trên đầu mưa nắng với đạn bom...

Hy sinh này cho trái ngọt hoa thơm
Mỗi mộ chí sẽ nảy mầm phúc lộc
Nhắc hậu thế nhớ một thời tàn khốc
Máu xương vùi cho Tổ quốc hồi sinh./.



PHƯƠNG ĐĂNG

Bia đá tạc ghi

Nghĩa trang Trường Sơn
Một ngày chúng tôi về thăm
Dâng nén tâm nhang
Nghiêng mình bên hàng bia mộ.

Vì nước vì dân
Các anh chị không tiếc máu xương
Hiến dâng trọn tuổi thanh xuân cho dân tộc
Để có hôm nay lộc biếc đơm chồi.

Các anh chị sống mãi tuổi đôi mươi
Bia đá tạc ghi muôn đời tưởng nhớ...

LÊ XUÂN ĐẠM

Đón anh về

Quê hương đón anh về
Trong nghĩa trang anh nằm cùng đồng đội
Hàng mộ chí sáng ngời tên liệt sĩ
Tuổi thanh xuân hiến dâng
cho hạnh phúc con người.

Đón anh về trong tình yêu của cha
Đón anh về trong vòng tay của mẹ
Nơi anh nằm ấm bàn tay trẻ
Tình nghĩa bạn bè, làng xóm quê ta.

Đón anh về sau bao năm đi xa
Đất quê mẹ ru anh yên nghỉ
Thắp nén hương thơm, nhớ ơn liệt sĩ
Tôi tự hào, nước mắt ướt đầm mi./.

NGUYỄN TẮT ĐÌNH VÂN

Còn lại trong tôi

Dậm dãi mưa nắng Trường Sơn
Bom cày đạn xới chập chờn thâu đêm
Tôi vui tiếng nổ nhô lên
Bên người đồng đội đi quên nhẩn lời.

Tuổi xanh dâng hiến bao người
Để non nước thấm đất trời tươi hoa
Cho màu xuân khắp nước nhà
Quản chi bom đạn xông pha chiến trường.

Đồng đội để lại nhớ thương
Ôn sâu nghĩa nặng quê hương nhớ người
Đồng đội còn mãi trong tôi
Những ngày lưng núi võng đôi ngò cùng.

Nắm cơm gói muối ăn chung
Nhuờn nhau viên thuốc sốt rừng khỏi run
Hành quân mưa ướt lấm bùn
Bom rừng cháy lửa khói ngun ngút trời.

Bao người đồng đội đi rồi
Vẫn còn đọng lại trong tôi... tiếng cười./.





LINH THIÊN LIỆT SĨ TRƯỜNG SƠN

BẠCH LIÊN

Nghĩa trang quốc gia Trường Sơn là một nghĩa trang liệt sĩ lớn nhất cả nước được khởi công xây dựng tháng 10 năm 1975 tức là sau ngày toàn Thắng 30/4 đúng nửa năm, để tri ân những anh hùng liệt sĩ đã hy sinh vì độc lập - tự do của Tổ quốc. Công trình thiêng liêng này được khánh thành ngày 10/4/1977. Thời điểm đó có 10.263 ngôi mộ liệt sĩ được quy tập về đây. Quê hương các liệt sĩ ở khắp mọi miền đất nước, Hải Phòng, Hà Nội, Thanh Hoá, Nghệ An, Hà Bắc, Thái Bình, Nam Định...

Hôm khánh thành nhà nước ta tổ chức rất trọng thể được truyền đi trên mọi phương tiện thông tin đại chúng. Tôi rất xúc động theo dõi trên màn hình ti vi. Trước cảnh các bà mẹ liệt sĩ, các vợ liệt sĩ vật vã than khóc ở các mộ liệt sĩ mà tôi cũng nức nở khóc theo, không sao cầm được nước mắt. Tôi thầm ước nguyện: Bao giờ có điều kiện kinh tế thì nơi thăm quan đầu tiên của tôi sẽ là nghĩa trang liệt sĩ Trường Sơn. Tâm nguyện này lúc nào cũng đau đáu trong tôi. Mãi đến trưa ngày 16/8/2008 chị Khuê bạn đồng nghiệp đã nghỉ hưu báo cho tôi hay chị đang tổ chức một chuyên ô tô 45 chỗ ngồi cho các gái trai, dâu rể và mời một số bạn bè thân quen cùng đi để viếng nghĩa

trang Đồng Lộc, nghĩa trang Trường Sơn và thăm Thành Cổ Quảng Trị, nếu tôi sắp xếp đi được thì đến tập trung ở nhà chị lúc 14h ngày hôm ấy.

Còn gì vui hơn thế, tôi nhận lời ngay, mặc dù tôi đang bị cảm cúm khá nặng không thể ăn uống gì mấy, tuy vậy tôi vẫn có cảm hứng muốn làm một bài thơ để viếng liệt sĩ ở Trường Sơn. Chỉ còn 2, 3 tiếng đồng hồ nữa là lên đường rồi, nhưng với cảm xúc dâng trào tôi kịp thời ra bài thơ 28 câu lục bát với tiêu đề: **“Tâm tình với liệt sĩ ở nghĩa trang Trường Sơn”**.

Xin trích một đoạn:

*Đã lâu khao khát mỗi mòn
Thăm nơi an nghỉ Trường Sơn bi hùng
Ngàn ngàn chiến sĩ kiên trung
Tuổi xuân gửi lại núi rừng thiêng liêng
Chỉ vì Tổ quốc mẹ hiền
Chỉ vì cuộc sống bình yên nhà nhà
Nỗi lòng thương cảm xót xa
Bùi ngùi tưởng nhớ lệ nhòa khôn người*

*Chiến tranh dù đã xa rồi
Nặng tình ân nghĩa chẳng voi dạ này
Ơi người dưới mộ có hay
Đường xa dặm thăm nơi này đến thăm...*

Bài thơ này tôi đọc cho những chị em cùng chuyên đi nghe, ai nấy đều rất

cảm động lấy tay lau nước mắt. Chị Khuê chuẩn bị rất chu đáo cho chuyến đi. Mỗi điểm đến đều đầy đủ lễ vật dâng cúng và còn có cả quà tặng cho những người quân trang.

Chuyến xe nghĩa tình khởi hành lúc 2 giờ chiều. Vì đang bị ốm lại đi đường dài nên tôi khá mệt mỏi. Đến 18 giờ thì đến Thanh Hóa, đoàn tạm nghỉ để ăn tối, rồi tiếp tục cuộc hành trình. Thấy tôi phờ phạc chị Khuê trưởng đoàn cứ động viên tôi cố ăn chút ít để lấy sức mà đi, khi lên xe để đi tiếp tôi tưởng chừng muốn đổ quỵ, có người trách trưởng đoàn: “Chị ấy ốm yếu thế mà mời đi làm gì, nhờ xảy ra điều gì thì gay lắm đấy”. Mọi người thu xếp hành lý gọn gàng ở ghế cuối cùng để cho tôi nằm nghỉ. Tôi thầm thì khấn: “Các liệt sĩ Trường Sơn ơi! Tôi có ước nguyện đi viếng thăm nghĩa trang Trường Sơn từ lâu lắm rồi nay mới có điều kiện, vậy mà tôi lại đang ốm yếu quá, các liệt sĩ linh thiêng hãy phù hộ cho tôi mạnh khoẻ để tôi được thoả ước nguyện này.

Và một điều thật kỳ diệu đã xảy ra: Sau khi khấn nguyện được 20 phút thì tự nhiên tôi cảm thấy trong người vô cùng nhẹ nhõm, sáng khoái như chưa hề đau ốm bao giờ. Tôi lập tức trở về chỗ ngồi cũ nói cười vui vẻ trước sự ngạc nhiên của cả đoàn. Tôi cười nói: “Các liệt sĩ đã phù hộ cho tôi đấy...”. Tôi mạnh khoẻ sung sức theo đoàn suốt 3,4 ngày để thăm viếng đủ các nơi cho tới khi về sức khoẻ vẫn bình thường. Có một điều may mắn với đoàn chúng tôi là chị Khuê vốn có mối quan hệ tốt với các vị sư ở chùa Cam Lộ nên chị đã thỉnh mời được Hoà thượng Thích Thiện Tấn và 5 vị Đại đức đang trụ trì ở chùa Cam Lộ đến nghĩa trang Trường Sơn

làm lễ cầu siêu cho các liệt sĩ. Trời Quảng Trị hôm đó nóng như nung, nhiệt độ ngoài trời lên tới 45 độ C nhưng chúng tôi vẫn thành kính chấp tay niệm Phật chứ không chạy dạt vào các bóng râm để tránh nắng. Được biết lễ ra 7 giờ sáng ngày hôm sau Hoà thượng Thích Thiện Tấn phải đáp máy bay sang Mỹ để đi công cán nhưng hoà thượng đã ưu ái đoàn chúng tôi. Nghĩa cử này quý hoá biết chừng nào.

Rời nghĩa trang liệt sĩ Trường Sơn ra về tôi chợt nghĩ ra mấy câu thơ nhắn nhủ với rừng xanh:

*Thiên liêng một dải Trường Sơn
Bao người dũng sĩ gửi hồn nơi đây
Vi vu rừng hát đêm ngày
Ru anh giấc ngủ nồng say muôn đời
Nai ơi! Nhẹ bước chân thôi
Suối ơi! Hãy hát lên bài ca xưa
Hương rừng ngào ngạt xa đưa
Phong lan hãy nở bốn mùa nghe hoa...*

(Nói với ngàn xanh)

Cuộc hành trình về với miền đất thiêng đã cung cấp cho tôi những tình cảm rung động để cho ra đời một số bài thơ: **Mùi bông hoa đỏ, Hồn Đồng Lộc, Khóm cỏ diệp kỳ; Qua sông Thạch Hãn; Với chiếc lá đề thiêng, Nhấn ai, Thăm Thành Cổ Quảng Trị...** Những bài thơ này tôi đưa vào thi phẩm **Hoa bất tử** do Nhà xuất bản cấp phép năm 2012 và những bài thơ đó cũng có mặt trong các tuyển thơ toàn quốc: **Việt Nam trong tôi, Đất nước, Màu hoa đỏ; Quê hương và nỗi nhớ**.

Với nghĩa trang liệt sĩ Trường Sơn còn có nhiều chuyện tâm linh kỳ lạ lắm, câu chuyện trên của tôi có thể coi một trong chuyện tâm linh kỳ lạ đó. Ai dám bảo chết là hết, các liệt sĩ của chúng ta "Sống anh hùng, thác bất tử", linh thiêng lắm./.



27-7 không chỉ là dịp để mỗi chúng ta ghi nhớ công ơn các anh hùng liệt sĩ, những thương binh, bệnh binh đã không tiếc một phần máu xương của mình cho độc lập dân tộc, cho tự do, hạnh phúc của nhân dân mà đó còn là dịp để giáo dục thế hệ trẻ về truyền thống “uống nước nhớ nguồn”, “ăn quả nhớ người trồng cây” của dân tộc ta từ bao đời nay.

Chúng tôi, những người may mắn và hạnh phúc sinh ra trong thời bình, nhưng qua những nhân chứng lịch sử, qua trang sử hào hùng của dân tộc đều luôn tự hào về các thế hệ cha ông đi trước. Các bác, các anh ra đi để lại sự bình yên cho Tổ quốc. Những lần đến viếng nghĩa trang liệt sĩ là từng ấy lần tôi không khỏi xúc động, bồi hồi, giọt nước mắt khẽ rơi như đang tưởng nhớ về những người đã quên mình để bảo vệ nền độc lập, tự do cho dân tộc.

Đâu đó trên đất nước này vẫn còn những phần xương thịt của các bác, các anh đã hòa cùng với cỏ cây, đất trời; vẫn còn đó những cánh thư viết vội cho người thân chưa tìm được địa chỉ, những dòng nhật ký vẫn còn nguyên màu mực mà người thì

chẳng đâu hay... Hầu hết các bác, các anh đã tiên đoán được cái chết sẽ đến với mình bất cứ lúc nào, nhưng vẫn tràn đầy niềm lạc quan, yêu đời vì biết rằng chính mình đã góp được phần nhỏ bé cho Tổ quốc bình yên, cho người thân được an toàn.

Bác Dương Ngọc Oanh sinh ra trong một gia đình có truyền thống cách mạng, có bố (tức ông nội tôi) là cán bộ tiền khởi nghĩa, tham gia hoạt động cách mạng trước năm 1945. Từ nhỏ, bác đã được ông bà tôi nuôi ăn học. Khi còn ngồi trên ghế nhà trường, vào tháng 3 năm 1962 bác đã tình nguyện làm đơn đăng ký nghĩa vụ quân sự (lúc này bác mới 17 tuổi) và trong tâm thế luôn sẵn sàng đi phục vụ Tổ quốc.

Sau khi học xong cấp 3 (hệ 10/10) bác tôi đã thi và trúng tuyển vào trường Trung cao cấp cơ điện Hà Nội, thuộc Bộ Công nghiệp nặng. Sau 3 năm học với chuyên ngành chế tạo cơ khí, bác đã tốt nghiệp ra trường, trở về địa phương và xây dựng gia đình với bác gái là người cùng quê.

Cũng như bao người bình thường khác, bác tôi cũng có ước mơ, hoài bão, cũng mong muốn có một cuộc sống bên gia



đình, người thân thật yên bình, hạnh phúc. Nhưng khi đất nước lâm nguy thì tất cả mọi chuyện riêng đều gác lại để nhường cho sự nghiệp chung - sự nghiệp đấu tranh bảo vệ Tổ quốc. Vợ chồng mới cưới ở bên nhau vẹn vẹn có 10 ngày, chưa êm chăn, bén gối thì Chủ tịch Ủy ban hành chính thành phố Hà Nội Trần Duy Hưng đã ký Quyết định điều động bác ra phục vụ tại ngũ. Theo tiếng gọi thiêng liêng của Tổ quốc, bác sẵn sàng lên đường nhập ngũ với vai trò là thợ kỹ thuật sửa chữa tại đơn vị 3940 thuộc Trung đoàn 285, Bộ Tư lệnh Phòng không - Không quân. Thế là ước mơ ngày nào của bác nay đã thành hiện thực.

Là một người thợ kỹ thuật nhưng bác lại có một tâm hồn văn chương lai láng, vì thế bác luôn mang theo cuốn nhật ký để ghi chép những gì cho riêng mình để làm kỷ niệm.

Trong nhật ký, ngày 30/6/1965 là ngày bác lên đường nhập ngũ, bác viết:

*“Ngày hôm ấy tôi vào bộ đội
Thỏa ước mơ tôi đang đợi, đang chờ
Tuổi trẻ như sức sống vẫn thơ
Ra cứu nước đang mong chờ tuổi trẻ
Và cũng từ ngày ấy
Cho tới nay đã bấy nhiêu ngày
Núi đồi cũng tới, rừng cây cũng vào
Đường đời gian khổ biết bao
Nhưng lý tưởng sống ánh sao sáng ngời”.*

Chẳng gì có thể tả hết niềm vui sướng biết nhường nào khi bác được đứng trong hàng ngũ, được hiến dâng tuổi trẻ của mình cho đất nước. Dẫu chặng đường còn nhiều gian nan, vất vả đang ở phía trước nhưng không gì có thể làm lay chuyển tinh thần người chiến sĩ. Người lính ấy mang một lý tưởng sống cao đẹp, luôn phơi phới, lạc quan, yêu đời.

Với mục tiêu cao cả ra đi là để cứu

nước, để gìn giữ mùa xuân mãi mãi cho muôn đời, có như vậy thì người dân mới được hưởng hạnh phúc, ấm no, bác đã viết trong nhật ký rằng:

*“Tắm bánh chưng xanh gói vẹn tình
Sao vàng trên mũ sáng long lanh
Anh đi hẹn giữ mùa xuân mãi
Chim hót, hoa chào, em tiễn anh”.*

Ngày 15/01/1966, tức ngày 24 tháng 12 năm Ất Tỵ là lúc cả nước chuẩn bị đón Tết Nguyên đán, bác đã không về nhà mà cùng với đồng đội đón Tết tại đơn vị. Trong nhật ký, bác viết để nhắn nhủ người vợ thương yêu của mình chuẩn bị bước sang năm mới:

*“Em yêu thương!
Năm mới chúc em có nghị lực phi thường
Có sức khỏe, có tình thương dào dạt
Chúc vợ chồng mình
đẹp như bài ca khúc hát
Chúc tuổi trẻ ta thơm ngát hương nồng
Và năm mới!
Chúc vợ chồng mình có con trai đầu lòng
Đó là điều anh mong anh đợi
Là nguồn vui phơi phới của đôi ta”.*

Tuổi trẻ là thế, sức xuân căng tràn là thế. Với tâm nguyện mau chóng đánh thắng giặc để trở về quê hương, trở về bên gia đình, những người thân yêu nhất. Thế nhưng chiến tranh có ai nói trước được điều gì, trong một lần chiến đấu với máy bay địch bác tôi đã anh dũng hy sinh vào ngày 11/5/1966, khi ấy bác vừa tròn 21 tuổi. Sự hy sinh anh dũng của bác cùng với các đồng đội là biểu tượng thiêng liêng, bất tử của chủ nghĩa anh hùng cách mạng.

Thế là bao ước mơ, dự định của bác sẽ không bao giờ thực hiện được nữa, bác ra đi để lại nỗi đau cho gia đình, người thân và đồng đội. Nỗi đau của người cha,

người mẹ mất con, của người vợ trẻ mới 19 tuổi đã phải mất chồng, của những người em mất anh. Nhưng thật tự hào và vinh quang vì bác đã góp một phần nhỏ bé của mình để giành lại độc lập cho dân tộc.

Trong thư gửi về gia đình của đơn vị 3940 có đoạn viết: *“Thật là vinh dự cho gia đình và địa phương ta đã đóng góp cho Tổ quốc con em yêu quý của mình trước nguy cơ đất nước bị xâm lược. Vinh dự cho trường kỹ thuật đã đào tạo ra những học sinh biết đem hiểu biết của nghề nghiệp phục vụ cho trận đánh thắng lợi, biết hy sinh và dám hy sinh cho lợi ích của cách mạng. Đồng chí Oanh và biết bao những người con ưu tú khác của biết bao gia đình đã và đang hy sinh chính là để góp phần giành lấy thắng lợi vẻ vang cho Tổ quốc, giành lấy hạnh phúc, ấm no, độc lập vĩnh viễn đời đời cho con cháu chúng ta được hưởng...”*.

Giờ đây chiến tranh đã lùi vào dĩ vãng, nhưng mỗi tác đất của quê hương đã chứa đựng tâm hồn và thể xác của các bác, các anh, để bây giờ chúng tôi, những người thanh niên Việt Nam được sống trong hòa bình, ấm no và hạnh phúc. Chúng tôi sẽ nguyện bước tiếp con đường mà bác và các đồng đội của bác đã chọn. Nguyện sống, lao động và học tập thật tốt để xứng đáng với những hy sinh to lớn của các bác, các anh và có thể chúng ta không nhắc đến sự thù hận nữa, nhưng chúng ta mãi mãi không được quên./.

PHẠM ĐÌNH THÁI

Tháng hương trầm

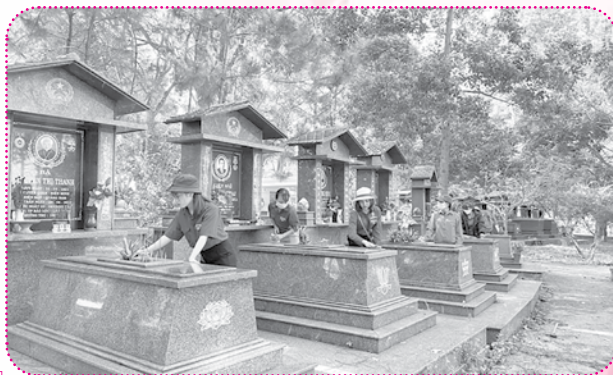
Mẹ chuẩn bị rất lâu
Nhiều năm hương làm từ Trầm quý hiếm
Tháng Bảy đến rồi
Tháng ngát hương trầm trong nghĩa trang liệt sĩ.

Các cháu thanh niên
Gọi thắp hương trong nghĩa trang liệt sĩ
Là ngày tri ân.

Tháng thắp hương trầm
Là tháng của toàn dân
Tháng nhớ ơn các anh hùng, liệt sĩ.

Để ta biết
Tác đất này
Trải qua bao thế kỷ
Những hy sinh bền bỉ
Của cả một dân tộc anh hùng.

Tháng hương trầm
Trời đất cứ rung rung...



Nhụy của tình yên

NGUYỄN XUÂN TƯỜNG

Như có điều hệ trọng xảy ra với cô con gái rệu đang ở nước ngoài, cặp vợ chồng nhà Thu - Vũ đứng ngồi không yên. Gặp dịp hãng Vietrantour khuyến mại Tour đi Hoa Giang, họ bèn đăng ký.

Là khuyến mại nên phải chấp nhận bay lúc nửa đêm. Xe đón tận cửa nhà. Lái xe chưa bám còi đã thấy bên hai chiếc va ly hai người đứng đợi. Động thái khẩn trương, khẽ khàng, không để ảnh hưởng đến giấc khuya của hàng xóm.

Hiện ra một quầy bar nhà ga hàng không vắng ngắt; ba con chuột cống lưng lửng nần nẫn xông thẳng vào quầy sục sạo.

Thủ tục gửi đồ xong, quay ra vẫn thấy lũ chuột. Sân bay quốc tế mà để loài gây ô nhiễm, bệnh dịch ngang nhiên xuất hiện thế. Rồi cũng qua cái cảm giác khó chịu ấy khi cùng đoàn phi hành lao lên trời đêm. Mênh mông cô quạnh. Hiu hắt vài vì sao mờ ảo.

Cố gắng quên đi lũ chuột.

Con gọi điện: sáng chủ nhật tới bố

mẹ nghỉ tại khách sạn nào thì con sẽ tới đó. Thành phố thương mại rộng ngút tầm mắt với bố mẹ thôi, với con giờ như lòng bàn tay rời.

Bây giờ thì nổi khao khát du lịch đã bị trộn vào nỗi mong sắp được gặp con.

Hằng Nga có mặt nơi phòng tiếp tân của khách sạn khi bố mẹ vừa dùng xong bữa chiều. Hết một cô gái Hoa Giang. Váy bó xẻ sườn màu hoàng yến. Túi xách khoác tay điệu dàng như khách quốc tế dự hội thảo... Nét quý phái biệt lập khác hẳn vẻ chan hòa với người Việt của các hướng dẫn viên người bản xứ.

Con đã bảo vệ xong đề tài hơn một tháng, nhưng liên tục các tờ báo biết tin đều đặt lịch phỏng vấn. Họ vừa tự hào vừa ngạc nhiên thấy một người nước ngoài hiểu sâu sắc về đất nước họ.

Thưa bố mẹ! Phải vất vả con mới thoát được đám phóng viên để tới đây đây.

Nhìn nét mặt con bố cũng đoán ra. Chắc là luận án rất xuất sắc.

Nhưng mà sao trông con đã chẳng

còn giống người Việt tí nào. Mẹ Thu cũng ngỡ ngàng.

Ôi, mẹ rõ thật là. Ở đâu phải âu đấy. Miễn rằng tâm hồn con mãi mãi là người Việt. Nghỉ ngơi, lát con đưa bố mẹ ra khu vực tháp truyền hình chơi. Tôi sẽ đi xem đèn hoa ven dòng Hoa Giang.

Mẹ con chẳng thật lại là giả à. Thế con có định về nước lấy chồng không, hay lại mê mẩn thằng nước ngoài nào rồi.

Bà rõ hay nghĩ vớ vẩn - bố Vũ trách - nó yêu đương lãng nhãng thì làm sao làm được luận án xuất sắc.

Ông vớ vẩn thì có - mẹ Thu không chịu yêu nhau
b â y
giờ

thì nó làm giúp nhau luận án ấy chứ. Bà đừng lo chuyện gòi không cột nữa.

Hoan hô bố! Lúc nào bố cũng cấp tiến. Xin mẹ hãy bình tâm như bố. Chiều tối ngồi trà nước trên du thuyền ngắm cảnh, con sẽ thừa bố mẹ việc hệ trọng.

Chiếc taxi đưa họ tới khu vực tháp truyền hình. Ngồi xuống ghé đá bên con mẹ Thu càng bồn chồn. Hệ trọng của bọn trẻ chỉ có thể là hết hy vọng của người mẹ muốn được gần gũi con. Bầy chim non ra khỏi tổ, đang bay về phía chân trời xa tím.

Trước mặt, vẫn dòng Hoa Giang. Tàu bè đi lại như mắc cửi, mắc cửi lòng mẹ sợ xa con; chưa xa hẳn nhưng như là xa nữa.

Ba năm Hằng Nga ra nước ngoài là ba năm chỉ có điện thoại về. Lúc nào cũng kêu bận; không biết được rằng người mẹ này thèm nhìn từng nét chữ con viết. Giờ thì nó chỉ viết thứ chữ nước người ta, nói thứ tiếng của người ta. Như là mọi thứ đang không cho nó nhớ về quê. Khoa học công nghệ tiến triển khiến con người sớm tự lập, sớm xa gia đình. Cuộc đời của bố mẹ thì đã bước sang buổi xế chiều mỗi lúc mỗi thấy buồn, vắng. Đứa con đã không còn là của riêng bố mẹ. Nó chẳng còn cần đến những đồng tiền dành dụm của bậc sinh thành. Động nói đến là việc hệ trọng. Niềm vui trốn chạy tuổi già. Tuổi già man mác chút niềm vui.

Đôi bờ Hoa Giang lên đèn. Hệ thống chiếu sáng vận hành bằng tia Laze mỗi đêm tốn kém hàng chục ngàn dola cứ nhấp nháy đổi màu, đổi hình liên tục, chẳng làm cho lòng mẹ Thu vui. Cầm ly



nước cam uống, sau đôi phút vẫn chưa thấy con gái nói, mẹ sốt ruột giục: Nào, điều hệ trọng gì thì nói ngay đi. Mẹ trút cả ly nước cam sang cốc của con gái và lại gay gắt hỏi: Định tính nước ở lại làm dâu nước người ta phải không. Nói trước, mẹ không khuyến mại tình yêu con cái cho ai; cho mẹ uống thuốc ngủ rồi hãy nói chuyện đó.

Cọ má vào vai mẹ, Hằng Nga hà hít mùi da thịt quen thuộc thoảng hương nước hoa Sài Gòn, đầu dụi: Thì mẹ cứ ngắm đèn dọc bờ sông đã nào. Bố con còn chưa phải cần đến thuốc ngủ nữa là.

Bố chị ấy à, đợi bố chị sốt ruột thì có mà cả hàng huyện đi mua chổi quét lá đường.

Vâng, thì tuân lệnh mẹ, đến lúc con xin phép công bố điều hệ trọng của đời con rồi, thưa bố mẹ! Đây là...

Ánh mắt mẹ Thu thẳng thốt. Hóa ra đúng như dự đoán, chàng rể ngoại quốc xuất hiện, cung kính cúi đầu, giọng nói ngọng riu: con là LaKy - con - xin - kính chào - bố - mẹ - ạ!

Im lặng suốt từ lúc mua vé xuống du thuyền bây giờ bố Vũ mới gật đầu chào thanh niên vừa xuất hiện. Chậm rãi nói: Mời cậu ngồi xuống đây. Hằng Nga, con trình bày đầu đuôi sự tình cho bố mẹ nghe. Cảm nhận sinh học của mẹ con chính xác đấy. Con cứ bình tĩnh, từng bước giải mã các vấn đề.

Bàn tay bố nắm lấy bàn tay mẹ: Em đừng vội thất vọng. Đừng coi đây là họa. Trong họa còn có phúc. Tình thương yêu trong trắng sẽ làm xanh cảnh nặng trĩu các mối quan hệ.

Không còn biết chiếc du thuyền khởi

hành lúc nào và đến đoạn nào. Những dãy nhà trang trí đèn laze kỳ ảo cũng đã chẳng còn tác dụng thu hút đôi mắt từng thêm khát du lịch của mẹ. Mẹ nhìn chằm chằm vào chàng trai mà Hằng Nga giới thiệu là bạn đời. Cậu ta không vạm vỡ nhưng cao ráo và phúc hậu...

... Tình cảm xuất phát từ công việc. Nếu Hằng Nga không về Viện nghiên cứu của LaKy làm đề tài thì không biết sau khi bị cô con gái nhà Chủ tịch huyện dắt mũi, rồi bỏ rơi, LaKy sẽ còn mang bộ mặt thất tình đến bao giờ. Từ chỗ lần đầu được yêu đến khi bị ngậy đại khô héo vì tình yêu, đến đoạn, nhìn mọi người như nhìn những cỗ máy biết chạy, biết sai bảo. Chính Hằng Nga trong cảnh được LaKy giúp đỡ lại cũng như một cái máy, một cái máy biết sợ vi rút phá hoại. Bà Viện trưởng đọc được những ngõ ngàng của Hằng Nga thì ôn tồn giải thích: Chỉ từ buổi sút mẻ mối tình với con gái ông Chủ tịch LaKy mới như vậy. Thực ra, hai cô cậu ấy cũng chưa có gì sâu sắc lắm. Sau hai lần cô gái công khai coi LaKy là robot của riêng mình, mâu thuẫn mới ngày càng rạn nứt. Khi tan vỡ, cậu thì tỏ ra đau xót tới ngơ ngẩn, còn cô nàng thì trái lại vui sướng tuyên bố đã thoát khỏi một tơ duyên nhầm lẫn; tình yêu thời @ không chấp nhận những robot làm xấu hổ nhau. Nhưng, Hằng Nga thưa với Viện trưởng, anh ta vẫn rất sâu sắc, chu đáo trong công việc. Thì chính vì vậy mà khi Viện bàn cần chuyển vị trí công việc cho một trong hai người để không khí làm việc bình thường thì xét về hiệu quả năng suất ai cũng nhất trí giữ LaKy ở lại, đưa cô ta đi. Công việc đang khuyết người thay thế

mà từ buổi người thực tập (là Hằng Nga) về thể chỗ đã làm tốt, còn hơn cả khi cô ta đảm nhiệm. Cả LaKy nữa cũng làm tốt hơn nhiều dù rằng, đôi lúc yên lặng một mình vẫn hiện nét ngu ngơ. Song, hình như có một năng lượng mới đang làm cho cây đời này xanh trở lại. Bà Viện trưởng khẳng định với Hằng Nga: Sự dụi dằng khéo léo của người con gái là liều thuốc kịp thời chữa căn bệnh thất tình cho chàng trí thức nhân hậu. Một hôm, Hằng Nga đi khảo cứu nơi xa, bà Viện trưởng dặn: Không nên cho ai biết, đặc biệt với LaKy. Vắng Hằng Nga một buổi sáng LaKy đã xồn xồn như kẻ lấm mòm bị mắ môm rây vào người. Cậu vò đầu bứt tai. Tình yêu làm lộ phần tâm khảm. Hỏi bà Viện trưởng, bà hứa nếu gặp sẽ giúp và mời Hằng Nga trở lại. Lại đùa rằng khoản mỗi láỉ tốn kém cậu có vui về chi trả không? Rằng, với LaKy cô ấy là ngàn vàng khôn sánh. Hỏi, cậu không sợ về Việt Nam rồi Hằng Nga sẽ không trở lại? Rằng cháu tin vào đôi mắt đen láy thủy chung ấy.

Bà Viện trưởng nói, nếu Hằng Nga thể hiện đúng như cậu mong muốn Viện sẽ giúp đỡ. Hằng Nga trở lại, mừng quá, LaKy giữ chặt hai bàn tay: Nga cứ ở đây, đừng đi đâu nữa. Ô, tôi còn phải về Việt Nam công tác, báo hiếu với bố mẹ, họ hàng làng nước chứ. Không sao, điều đó thì LaKy hoàn toàn chấp nhận. Chúng ta sẽ dùng khoản thu nhập và các kỳ phép, bù trừ công lao bố mẹ, sẽ vun đắp tình cảm hai nước. Anh trai của LaKy, một Giám đốc doanh nghiệp đã hứa sẵn sàng ủng hộ nếu LaKy này được người có đức hạnh và tài sắc vượt con ông Chủ tịch kia. Hằng Nga nhận lời LaKy, nể lời LaKy này đi!

Nhìn vào khuôn mặt bị chao chát trước tình yêu thấy vấn đề không dễ tự thoát ra, Hằng Nga yêu cầu lãnh đạo Viện can thiệp, bởi nếu không sẽ thật khó hoàn thành đề tài. Chuyện tình cảm đôi với đời một trí thức nữ trên đất thiên hạ phải nghiêm túc và cẩn trọng.

LaKy là con trai thuộc một dòng họ nhỏ ở ven dòng Hoa Giang. Tuy đến nay mới chỉ có sáu, bảy đời nhưng tiếng thơm cụ tú già, tú trẻ họ Laky một thời dạy học quanh vùng đã được truyền tụng. Không phải là dòng tộc có gen làm quan to nhưng lại luôn có ý thức cần mẫn và chu toàn việc cộng đồng; luôn lưu giữ bảo trì một câu đối nổi tiếng:

Tri ngoại bất văn âu mỹ sự

Gia trung thường thỉnh thi thư thanh

(Coi mọi việc bên ngoài đều đẹp; trong nhà cần luôn có âm thanh của bút sách thơ ca; Biểu hiện nhất quán tư tưởng ôn hòa đối thoại). Nhờ việc đưa lên mạng câu đối trên và ba chữ Diệu Chúng Môn trên cổng trước nhà thờ mà mới đây họ Lý đã nhận được thư báo tin vừa khớp nối tìm về gốc tổ. Nghe Hằng Nga thuật lại chuyện ở Viện ngôn ngữ học mà bố Vũ thấy lạ, như hao hao lời tổng kết sáu đời gia tộc nhà mình.

Bốn phương tám hướng nhân loại đều chung một nỗi niềm khát vọng thanh bình, nghệ thuật. Khác chẳng, chi họ quê ông phát tích từ xứ Thanh về miền hạ lưu sông Đuống màu mỡ lập nghiệp. Truyền thống hiếu học đến đời chị em với Hằng Nga vẫn được giữ gìn. Giỗ họ vừa qua đại diện cho 28 chủ hộ gọi nhau đến nhà thờ, hi hã trao phần thưởng hiếu học của gia

tộc cho ba Tiến sĩ mới về nước, bốn cử nhân và 5 học sinh giỏi cấp phổ thông. Trường hợp Hằng Nga cũng được biểu dương bởi đã thực hiện tốt sự giáo dục của gia đình. Bà Thu nhận phần thưởng cho con gái, hứa sẽ có bản phôi tô (màu) tấm bằng chứng nhận bảo vệ luận án suất sắc của con gái. Để nói với các hậu duệ rằng, sự hiếu học của dòng họ mình không chỉ bo bo trong nội tộc. Một dân tộc hiếu học phải giúp nhân loại xích lại gần nhau.

Bây giờ thì vấn đề với bà không còn đơn giản.

Bà vẫn nhớ lời hứa trước gia tộc nhà chồng, đợt du lịch này sẽ về trình tổ thành tích kèm các phần thưởng, ngợi khen của báo chí. Đang vinh hoa, sao bỗng sủng nỏ bên sườn. Ở đâu nảy ra cái họa xuất hiện cậu con rể này?

Bà lo những công sức của mình sắp đổ xuống sông. Xuất giá tòng phu, Hằng Nga của bà sẽ thành công dân nước họ. Sau lưng sẽ chỉ còn những chỉ trích “Tò vò mà nuôi con nhện”... Vậy mà ông chồng chữ nghĩa lại bảo sẽ góp phần cho mỗi bang giao hai nước thêm gần gũi. Cứ hã huyện, kỳ hội làng tháng Ba tới về mà nghe người ta nói. May mà bà chưa thực hiện cái ý định ghép duyên Hằng Nga với một Tiến sĩ...

Chiếc du thuyền sau một vòng cua trên dòng Hoa Giang đục ngầu, dưới lung linh ánh đèn laze hai bên bờ, đưa khách trở về vị trí xuất phát. Nét mặt bà Thu nặng



Minh họa: LƯU QUANG LÂM

nề hơn. Trộn chút cảm giác xót tiền. Vào một cái bay ra khỏi túi hàng triệu Việt Nam đồng. Chỉ vì cái tính sỹ, đã đến đây lẽ gì lại không biết du thuyền và laze Hoa Giang. Thằng du lịch nó tài, siêu tài.

Chàng rể LaKy về cung cúc mời bố mẹ vợ lên Taxi tới nhà hàng ăn nhẹ bữa

đêm Hoa Giang. Đi để biết khách sạn ăn đêm xứ người thôi. Trong bụng còn đang tức anh ách, ăn với uống nổi gì. Bà rí tai Hằng Nga: Này, không phải sỹ rờm đâu nhà, chớ có vung tiền ra.

Ô mẹ, anh ấy mời thì anh ấy trả, bố mẹ cứ phớt ăng lê, thoải mái cho con nhờ. Chuyện về nước bên tư pháp Việt Nam họ làm thủ tục như thế nào thì ngày mai con

sẽ đến khách sạn bàn với bố mẹ. Việc của cơ quan Tư pháp bên này đã có người nhà LaKy lo chu tất. Nói chung đơn giản. Con chỉ chưa rành rẽ bên mình.

Thì liệu mà đến sớm. Mai bảy giờ sáng bố mẹ đi tiếp tour cuối.

Mẹ không hứa lo nhanh gọn việc trong nước, mẹ đánh trống lảng.

Bồi bàn đã bày biện xong. Hằng Nga ra hiệu cho LaKy mời...

Về khách sạn nghỉ, vừa tắm giặt mẹ Thu vừa nghĩ lan man. Nhoàng một cái, thế là con bé thành của nước người ta thật sao. Chuyện như đùa. Bà chưa tin, chí ít cũng là chưa chấp nhận. Có phải mấy thì cũng phải thế nào chứ. Bà tính bàn bạc với chồng. Cứ mặc đồ lót, ngồi chễm chệ trên đệm mà bàn cũng có mắc gì. Khách sạn, phòng đôi lứa trẻ cũng như già. Du lịch cấp tốc chỉ có nghỉ đêm. Quần áo ướt phải ủi là khô trước khi đi tour tiếp, thành thử hôm nào xong việc ra giường đã thấy ông chồng vào giấc ngon lành. Suốt tuần lễ sống đời vợ chồng son, đi lại có xe chất lượng cao... Thế mà ai nấy ngủ vùi ngủ dấp, chả đoái hoài gì đến chuyện khác. Hôm nay, có điều hệ trọng chắc sẽ phải khác; lúc này trong bụng tắm đã hăm háy ra hiệu. Và lại, cũng đã là đêm cuối cùng nghỉ ở xứ người.

Liếc xéo qua giường đã thấy chồng nằm nghiêng, chân co chân duỗi thẳng đuốt, hai môi thì thít như trẻ mơ, cứ để yên sẽ lại một giấc chưa biết tới lúc nào. Căn buồng sang trọng thế mà không thức hưởng, phí đồng tiền bỏ ra. Ngủ rồi thì cũng có khác gì nhà cấp 4, nhà tranh. Nghĩ vậy, bà liền lay chồng: Dậy, dậy, còn bao nhiêu việc hệ trọng. Ngủ ngay được,

lạ nhỉ. Chồng mở mắt trong ánh đèn mờ dịu, lớp màn gió màu hoàng yến cuộn sóng phủ lên hai người. Vợ đang ghéch mắt nhìn qua cửa sổ cảnh trời đêm. Cũng sao xa, nhà chọc trời. Nhớ về tổ ấm. Gạt bàn tay chồng ra khỏi chỗ gây cảm giác ngột, vợ ngồi nhòm dậy giữa tấm nệm ga trắng muốt: “Anh không nhớ việc gì à?”, Việc gì? Đang mơ sượng thì tỉnh giấc lại y như mơ thế này... Thôi nào, sao anh không điện về nhà thông báo tình hình cái Nga. Bảo thằng Ba sang ngay nhà chú Thực Tư pháp hỏi các thủ tục đăng ký kết hôn xem thế nào?

Định liệu cái gì? Học hành xong, thông đồng bén giọt, có việc làm trong Viện nghiên cứu, lại có tấm chồng tử tế. Chuyện như thế là bậc cha mẹ không mừng thì còn ai mừng. Chẳng nhẽ lại đem tính sĩ dân tộc về nước làm người thất nghiệp chờ chạy chọt, xin xỏ. Em thông rồi hả? Anh nằm chờ em, vừa chợp mắt đã mơ thom vợ một cái dài như thế kỷ.

Chuyện nghiêm túc. Ngày mai đi tham quan, tối mai không được nghỉ. Lên máy bay, phải giữ sức, về nước còn bao nhiêu là việc. Anh vô tâm thế!

Ôi dà, anh còn lạ gì các đám cưới với người nước ngoài. Ba đến mười ngày xác minh cơ sở của điều tra viên, rồi liên hoan nhẹ nơi công sở, rồi hai họ theo phong tục làm lễ nhận dâu rể. Nếu điều tra viên thấy có vấn đề thì chàng rể ngoại quốc trở thành khổ chủ. Phải chờ. Chàng chờ, nàng chờ, kéo theo cả gia đình người ta ăn đợi năm chờ.

Trên tấm nệm ga thom phức, bao nhiêu chuyện nhân duyên vượt biên giới được kể. Có đám thật tung bừng, chàng rể

giàu có, nhưng cũng có đám thật hắt hiu vì cô dâu và cả chàng rể đều nghèo; nhưng cuối cùng, mọi đám đều lên máy bay hoa.

Nghe chồng khuyên chớ lo gì, vợ cũng liu diu mắt. Bà mẹ nào muốn xa con. Ông bố thuộc tuýp người nêu cao bình đẳng tự do luyện ái. Đòi mỗi con người thực ra chỉ đẹp nhất lúc tuổi xanh. Được cho ra cái kiếp trăm năm nào mấy kẻ. Kẻ quyền lực nghiêng trời như Vua Chúa, thừa sơn hào hải vị thì không biết đến hai chữ điều độ, để nỗi không thầy thuốc nào cứu nổi; kẻ quá nặng tình nhân thế trước biển đời bão tố cũng chẳng biết làm gì hơn ngoài khuyên can một chữ Hòa.

Khi ánh bình minh rọi vào bức màn gió màu hoàng yến một lúc lâu hai người mới thức dậy. Duy nhất một đêm quá giấc.

Từ 6 giờ, dưới phòng tiếp tân khách sạn đã có người đợi. Không phải Hằng Nga mà là LaKy. Con gái bị ho cúm, sợ lây sang bố mẹ. LaKy chuyển quà đến. Nếu buổi tối bệnh vẫn chưa thuyên giảm thì có lẽ vẫn chỉ có LaKy tiễn bố mẹ ở sân bay quốc tế.

Hỏi qua điện thoại, để bố mẹ ở lại chăm sóc con? Khoản tiền nong đem theo dự phòng bố mẹ vẫn chưa tiêu đến. Đáp, chậm nhất thì nửa tháng sau con cũng sẽ về nước. Bố mẹ cứ về trước lo giúp con thủ tục.

Tiếng ho đỏ một hồi trong điện thoại. Nó đang nằm trong bệnh Viện hay ở nhà riêng - bà Thu sốt ruột hỏi LaKy. Chậm chội nghe tiếng được tiếng không, chỉ suy ra ý tứ bố mẹ vợ đang lo lắng: Y joen-Bệnh Viện, LaKy ra hiệu không sao.

Nhận những món quà từ tay LaKy,

không phân biệt nổi nó là của con gái hay con rể, càng làm cho nỗi lòng mẹ trào dâng. Ông Vũ nhân mạnh, rất tin ở nền y học sở tại. Tới nay cần ở bên cạnh giường bệnh chăm sóc cho Hằng Nga. Bố mẹ vợ không cần phải đưa tiễn. Phiên dịch truyền đạt, chàng rể nói bố mẹ cứ yên tâm, sẽ làm theo mọi ý chỉ của nhạc phụ, nhạc mẫu. Anh ta nói rất quý trọng con gái trí thức Việt Nam, vừa thông minh lại vừa chân thực, chịu khó...

Tạm biệt! Giục già LaKy đi lo việc. Vấn đề quan trọng cần tập trung trước mắt là sớm phục hồi sức khỏe cho Hằng Nga. Chứng kiến cảnh La Ky bán khoán lần bán trước đôi mắt bà Thu đỏ hoe vì con gái ốm, ông Vũ vừa nắm bàn tay vợ chia sẻ vừa ra hiệu bảo LaKy đi nhanh. Lát nữa thôi, theo tour du lịch vào cửa chùa, nỗi lòng thiếu phụ sẽ lại tan ra dưới chân những bô tát cứu nhân độ thế, vô khứ vô lai.

Đêm trên sân bay chờ về nước, chốc chốc chiếc di động của mẹ Thu lại réo chuông. Lúc là tiếng của Hằng Nga nơi giường bệnh, vắng tiếng ho. Lúc là tiếng của LaKy. Bảo nó phải học nói tiếng Việt cho tốt vào, nếu không mẹ vợ khó duyệt, bà Thu ra ý chỉ. Vâng, con sẽ “cô gâng”, bật ra lời đáp của La Ky.

Khuya khoắt. Số hành khách non nửa số ghé, lũ hành ngữ gà ngủ gật.

Xuống sân bay nước nhà vẫn trong đêm. Bốn bề vẫn màu đen huyền lờng lẻo. Cùng lúc tiếng gà tổ quốc eo óc gáy. Cánh cửa ngôi nhà thân thuộc và công tắc đèn bật mở, bừng sáng./.



NHỮNG NGÀY ĐÃ QUA



LƯU THỊ PHỤNG

Đang giữa mùa hè, thời tiết mấy hôm nắng như đổ lửa, rồi thả vài cơn mưa như vuốt ve các sĩ tử sau những năm đèn sách để hoàn thành một kỳ thi tốt nghiệp. Nghe đám học trò xôn xao bàn luận về bài thi, Thy lại nhớ về một thời Thy đang học phổ thông. Cũng sau môn thi cuối cùng, mấy đứa xì xụp bờ ao bên trường ngồi hóng gió.

Ngày nắng nóng hầm hập, thế mà cây cối vẫn điệu đà khoác lên mình một tấm áo mới. Phụng trải một tấm thảm đỏ chói chang góc sân trường. Bằng lăng tím nồng nàn ngả mình theo làn gió đưa đưa. Khóm mướp các thầy cô mới trồng ngọn đã vươn khắp giàn, nở những bông hoa vàng bừng sáng cả góc ao. Sau cơn mưa, mọi thứ như tươi tắn, mỡ màng, tràn đầy sức sống hơn. Mấy chú ong bầu mình đen bóng từ đâu bay tới, lượn lờ thám thính, rồi xì xụp đám hoa, gật gù trong hương thơm nồng nàn của những quả mướp non tơ lửng lơ treo mình trong gió. Bầu trời

trong veo, trải lên không gian một màu xanh dịu dàng, thơ thới.

Từ ngày chuyển đổi cơ chế thị trường, đời sống quê Thy có nhiều đổi khác. Lớp thanh niên trai gái nhiều đứa đi học, đi làm ở nơi xa. Số không đi thoát ly, ở nhà tham gia sản xuất có cơ hội phát triển kinh tế, lúc xây dựng gia đình đều tách hộ ra ở riêng. Công cuộc lập ao xây nhà cao tầng, có cả biệt thự đã làm cho bộ mặt làng quê vươn tầm nông thôn hóa. Mấy chị em Thy đều đi công tác xa nên quỹ đất nhà Thy không bị cắt xẻ. Vì thế, chỉ còn duy nhất một cái ao của nhà Thy. Mẹ bảo: "Giữ được cái ao là giữ lại được hồn làng trong đấy".

Mỗi lần về quê, Thy đều rủ mấy đứa bạn ra bờ ao. Chỗ đấy là nơi giành cho những cuộc tụ tập quen thuộc đã có từ thuở nào. Những bông hoa bèo lam tím trông thật dịu dàng. Bóng cây bên bờ in xuống mặt nước thẫm một màu xanh. Cả bọn ngồi lặng lẽ chiêm nghiệm bản nhạc không lời của những chú ve sàu đang làm rộn ràng

con gió nồm Nam. Nhưng giữa một vùng thênh thênh những nắng và gió ấy, cảm giác trống vắng trong Thy chợt ùa về. Thy nhớ ánh mắt Tuấn đượm buồn, nhớ lần nó ngáp ngừng chạm vào tay Thy, thềm thì: "Ba mươi năm nữa, chúng mình sẽ như thế nào nhỉ?" Giời ạ, nghĩ dài thế làm gì. Lúc ấy Thy đã hồn nhiên buông lời ráo hoảnh, cảm giác bên mang tai luồng hơi nóng thoáng qua...

Có đến ba mươi năm kể từ ngày học xong cấp 3, nhiều lúc Thy đã gác lại những trần trở mưu sinh, tản mạn ngồi lần giở từng trang lưu bút. Thy băng khuâng khi nhớ về một thời trẻ dại. Nét bút gầy gầy ngày ấy của Tuấn, những dòng chữ mang nặng tâm tư: "Thy ơi! Khi màn hòa ca của lũ ve sâu kia dừng lại, là mùa hè ngắn ngor tiền chúng mình mỗi đứa đi mỗi nơi rồi..." Nhớ ngày ấy, Thy đã bật cười: "Này sến súa vừa thôi chứ". Hình như sự hững hờ của Thy đã làm khuôn mặt Tuấn trầm ngâm? Rồi Tuấn lên đường sau đợt tuyển quân năm ấy, gác lại giấc mơ bước vào đại học. Còn Thy, cô vô tư mang theo những

nụ cười rỗ rảng, những bông hoa phượng vĩ đầy ắp dĩ vãng tuổi học trò, cả hình ảnh chiếc vòng bằng lăng tím Tuấn đã choàng lên đầu ngày Thy bước vào giảng đường. Thình thoảng, Thy nhận được thư của Tuấn từ chiến trường gửi về. Những dòng chữ viết vội trong nỗi nhớ quê, nhớ mùa thi trước khi lên đường như dội vào tâm khảm Thy một sự xốn xang. Xen trong nỗi bận rộn học hành, vui cùng những người bạn mới, không ít lần Thy ước có Tuấn ở bên...

Thy học chuyên ngành môi trường. Cô khao khát sẽ góp phần mang lại cuộc sống xanh sạch đẹp. Cô nghĩ về một mái ấm có Tuấn và những đứa con. Những dòng thư gửi về nhung nhớ kỷ niệm xưa, không dám chạm đến một lời yêu thương, vậy mà trong trực giác, cả hai đứa mặc định như đã là của nhau. Nhiều khi cô cười vu vơ trong giấc mơ, cuốn chặt tâm chần trong đêm gió rét, thổn thức mơ màng...

Một ngày khi Thy chuẩn bị bước lên bục bảo vệ đồ án tốt nghiệp, có tiếng gọi làm cô giật mình. Một anh bộ đội khoác ba lô, tay ôm một bó hoa đang đứng ngăn ra nhìn cô. Đứa bạn ghé vào tai Thy: "Anh ý mang thư của Tuấn từ chiến trường về. Bạn cố lên rồi lát nữa đọc nhé". Đêm ấy, Thy đã áp lá thư vào bầu ngực thanh tân, nước mắt ứa ra: "Tuấn ơi! Thy sẽ đợi!"

Vậy mà, đấy là những dòng chữ cuối cùng Tuấn gửi cho Thy. Tuấn đã hy sinh đúng vào cái ngày đơn vị tiên quân về thành phố Hồ Chí Minh, ngày quân đội ta cắm lá cờ đỏ sao vàng lên nóc Dinh Độc Lập, khẳng định chủ quyền giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước.



Ba năm sau, người chiến sĩ tặng Thy bó hoa ngày cô tốt nghiệp đại học đã trở lại tìm cô. Nhìn thấy anh một bên tay áo thông xuống, lúc lại phát phơ trong gió, lòng Thy nhói đau. Chiến tranh thật khủng khiếp. Chiến tranh đã lấy đi những yêu thương, đã để lại những mất mát đau lòng. Một khoảng thời gian dài họ bên nhau, cùng chia sẻ những kỷ niệm về Tuấn, về những ác nghiệt mà chiến tranh gây ra. Rồi chính người thương binh ấy đã xoa dịu nỗi niềm khắc khoải mà Thy đang chịu đựng, thay Tuấn sưởi ấm trái tim nhiều lúc lạnh lẽo bóp nghẹt lòng ngực cô.

Tháng Bảy nồng nàn hoa trái khắp

nơi nơi. Tháng Bảy chứng kiến một kỳ thi tốt nghiệp chuyên giai đoạn của lớp trẻ. Mái trường đại học sẽ đón nhận để tiếp tục luyện rèn một thế hệ cho tương lai.

Mỗi tháng Bảy về lại phảng phất làn khói nhang tưởng nhớ, nhắc nhở lòng tri ân những liệt sĩ đã quên thân mình vì nước vì dân. Chiến tranh đã lùi xa gần năm mươi năm, nhưng những di chứng của chiến tranh vẫn còn để lại. Nỗi đau trên thân thể của những người thương binh, trong tâm can, kể cả dấu ấn của tuổi học trò vẫn như một cuốn phim. Dẫu chỉ còn là những kỷ niệm, nhưng nó nhắc ta luôn nhớ về một thời đã qua./.



NGỌT NGÀO NƠI ĐÁ NÚI

NGUYỄN THANH NGA

Những ngọn núi phía Tây Bắc thật đẹp đẽ trong lung chùng mây trắng và sương mù. Thiên nhiên rộng lớn mà con người thì nhỏ bé. Giữa cái mênh mông ấy, Dưa bước đi trong chiều nhạt nắng, dáng người cô nằm lọt thỏm giữa những ngọn núi nhấp nhô.

Trong căn nhà lụp xụp và cheo leo trên khoảng núi xa mờ. Chỉ có Dưa và mẹ sống ở đó. Họ làm bạn với cơn gió quất vào vách núi những đêm mùa đông. Họ quen cái nắng lửa nung dọi vào đá núi bông rất ngày hè oi ả. Và những ngày mùa thu, họ yêu ánh vàng dịu dàng sau lưng chiều bẽ nắng. Dưa bước vào căn nhà nhỏ, gấp lại cho mẹ chiếc váy thổ cẩm vừa phơi. Chiếc gùi đan bằng tre nằm gọn trong góc nhà. Một hộp diêm, một con dao quắm. Đó là tất cả đồ nghề để Dưa đi tìm tổ ong mật, chúng cũng sống cheo leo trên vách núi cao.

- Mẹ ở nhà chịu khó ăn bát ngô bung, con hầm sẵn trong niêu đất, vui ở đồng tro ấm! Con đi lên núi tìm ong mật.

Dưa nói với mẹ và bước chân đi trong buổi bình minh hun hút gió. Mẹ Dưa đã già lắm rồi, trước đây hai mẹ con thường cùng nhau lên núi tìm mật ong. Nhưng hiện giờ bà không khỏe, cái ốm cái đau quật tằm lưng bà ê buốt. Bà chỉ có thể ngồi trong căn nhà thông thoáng gió, châm đóm lửa và hơ tay cho cái lạnh tan ra.

Dãy núi cao, chúng khắc hình thù vào không gian như ai đó tạc tượng. Dáng núi như nàng thiếu nữ nằm phơi sương, để lộ ra khuôn ngực nhấp nhô, mềm mại. Dưa bám chặt vào vách đá, nhích từng bước chân, tai cô lần tìm tiếng vo ve phát ra quanh đó. Âm thanh quen thuộc và hấp dẫn đối với Dưa, bởi nó dẫn cô tìm thấy nguồn sống thật ngọt ngào. Lúc đó, Dưa sẽ dùng cành cây tươi, giắt trong chiếc gùi, bật diêm lấy

lửa để tạo khói. Ong mật sợ khói bay ra, những bánh sáp ong xếp chồng lên nhau, lộ ra vài giọt mật óng vàng. Dưa lấy sáp ong, bẻ một miếng cho vào miệng để cảm nhận cái ngọt ngào tan nơi đầu lưỡi đến tê dại. Bàn tay Dưa lại thoăn thoắt nâng niu từng bánh sáp ong và bỏ vào gùi, men theo vách núi. Tay Dưa bám vào đá, những ngón tay chai sần vì đá cứng, mặt cô sưng tấy vì vết ong châm. Nhưng không hề hấn gì, Dưa bỏ lại cho lũ ong một bánh sáp để chúng có thể sống sót qua mùa đông. Dưa nặng nề khoác chiếc gùi đầy ắp chiến lợi phẩm và tìm đường về nhà. Dãy núi nâu trầm như nuốt trọn người con gái nhỏ bé vào khoảng không bao la.

Sáng nay, Dưa chiết mật ong ra những lọ thủy tinh, chắt vào trong chiếc túi vải đã ố màu. Cô buộc lại mái tóc cho gọn gàng. Bất ngờ, cô gặp lại mình trong mảnh gương soi bị vỡ một nửa, gài trên liếp cửa. Khuôn mặt của Dưa, thật chẳng có gì đáng gọi là xinh xắn. Đôi mắt Dưa nhỏ, gò má cao, làn da ngăm đen bánh mật. Tay của Dưa, đôi bàn tay với những thớ gân thi nhau nổi lên thách thức. Có lẽ vì không có nhan sắc nên Dưa chẳng có ai ước hỏi. Cô chưa biết cảm giác ngủ cùng một người đàn ông như thế nào? Có mềm mại và ấm áp như nằm cạnh mẹ cô không? Nhiều đêm, Dưa nghe tiếng kèn lá của một ai đó. Tiếng kèn nhỏ nhưng vọng vào vách núi dội lại thật rõ ràng và da diết. Dưa định chạy đi tìm, nhưng khi cô mở cánh cửa ra rồi, lại ngậm ngùi quay vào. Cô tủi thân nhận ra tiếng kèn đó không phải dành cho cô.

Sáng nay, Dưa mang mật ong xuống núi, men theo con đường mòn qua từng đoạn dốc cheo leo. Vài bông hoa rừng nhỏ

li ti chẳng có tên vẫn thắm nở, chúng biêng biếc một màu tím tím. Dưa hái một bông hoa, cài lên mái tóc xơ rối và đi tiếp.

Thị trấn Rủ mùa đông phủ sương mù. Những cành cây ảm ướt và tối tăm một màu thiếu nắng. Dưa bước chậm rãi đến quán tạp hóa khi đôi chân đã mỏi nhừ:

- Tôi muốn bán mật ong.

Người đàn ông nhìn Dưa một lượt từ trên xuống dưới và trả lời:

- Vẫn giá cũ nhé!

- Anh trả tôi thêm chút đi, đây là mật ong tự nhiên, tôi đã bán rẻ cho anh nhiều lần rồi mà!

- Tự nhiên hay nhân tạo thì cũng đều ngọt, giá chỉ thế thôi.

Dưa nhận lại tiền từ tay người đàn ông đó. Bốn chai thủy tinh đựng đầy mật ong, Dưa thu được hai triệu đồng. Cô rất vui và ra chợ mua cho mẹ một cái khăn len. Cô ngắm nghía chiếc vòng tay bằng bạc lấp lánh rồi quyết định mua nó.

Dưa về tới nhà, trời lúc này cũng bắt đầu nhá nhem tối. Cô bất ngờ thấy một gia đình khác ở đâu tới đây dựng lều và dặt theo một đàn dê vây quanh.

- Mẹ! Mẹ có biết họ là ai không?

- Mấy bố con nuôi dê! Họ thấy nơi đây đủ ẩm và sườn núi có nhiều cỏ nên họ ở lại. Họ vừa mang sang cho mẹ mấy cái bánh bao, cô con gái lớn của người đàn ông kia tự làm.

Dưa vẫn đều đặn hàng ngày, cô lần theo vách đá và tìm kiếm tổ ong mật. Cũng có hôm cô chắt đầy bánh sáp ong trong chiếc gùi, nhưng cũng có hôm cô trở về tay không. Hôm đó, hộp diêm và những cành cây tươi nằm vện nguyên trong chiếc gùi của cô không dùng đến.

Người đàn ông thường nhìn Dua mỗi khi cô vắt mật ong từ bánh sáp. Đôi khi, ánh nhìn ấy khiến Dua thấy ngượng ngùng, pha chút thẹn thùng, đỏ mặt. Chưa bao giờ có một người đàn ông nào để ý Dua. Ánh mắt anh ta đang nhìn về phía cô, nó như ánh nắng xiên vào người cô mềm mại, ấm áp và một cảm giác nhồn nhột đến khó tả.

Có đôi lúc, Dua nhìn về căn lều nơi gia đình người đàn ông kia sống. Con cái của họ chơi với nhau, tiếng cười của chúng quần quýt bên sườn núi. Dua thấy người đàn ông làm việc rất chăm chỉ và tỉ mỉ chăm sóc từng con dê. Anh ta để lộ chiếc cổ rướn cao, yết hầu nhô lên đầy uy lực. Thật khó để miêu tả cảm xúc của Dua lúc nhìn thấy anh ta như vậy. Người Dua rạo rức khát khao bản năng thêm muốn. Đôi khi Dua nghĩ về việc gán gửi một người khác giới, chắc nó sẽ ngọt ngào như giọt mật, nhưng đôi khi lại nhối buốt như bị ong châm khắp mặt sưng phù. Tất cả cảm giác đó, chỉ là cô tưởng tượng chứ chưa hề trải qua.

Hôm nay, Dua lại men theo từng vách núi đi tìm tổ ong. Cô phải đi xa hơn mọi ngày. Người đàn ông không đi chăn dê, con gái lớn của anh ta làm việc đó. Còn anh ta, cũng chiếc gùi và nắm lá cây tươi đằng sau. Anh ta đi tìm mật ong giống như cô. Dua hiểu rằng, thì ra cái nhìn của anh ta hôm trước, không phải anh ta ngắm cô, mà để học mót kinh nghiệm chiết mật ong.

- Cô không giống người H'Mông, nhưng lại mặc trang phục của họ?

- Vâng, tôi là người Kinh, mẹ con tôi lưu lạc từ Lạng Sơn lên đây sau một trận tàn quét của giặc năm 1979.

- Cô có định xuống núi tìm đường về nhà không?

- Không! Mẹ tôi đã già, mẹ bảo nhà tôi chẳng còn ai.

Người đàn ông tìm thấy một tổ ong sau hốc đá. Vài con ong bay ra kêu vo ve. Anh ta reo lên khi thấy chúng:

- Ôi! Mật ngọt đây rồi!

Mặc cho vài con bâu vào mặt anh ta, châm ngòi nhọn tiêm vào làn da của anh ta để tự vệ. Khuôn mặt anh ta nhăn nhó chịu đựng, làn khói tỏa ra từ cành lá cây tươi, khói uốn lượn theo chiều gió rồi bay về phía tổ ong, ong sợ khói bay đi thật nhanh như kẻ trộm bị phát giác bỏ của chạy lấy người. Anh ta gom bánh sáp ong cất vào trong chiếc gùi, không để lại cho lũ ong một ít thức ăn nào trong tổ. Dua nhìn anh ta, lòng cô buồn bã, cô tiếp tục men theo vách đá mong tìm kiếm hi vọng sẽ thấy một tổ ong nào đó quanh đây.

Lũ trẻ con của người đàn ông kia thường đến ngôi nhà của hai mẹ con Dua nhiều hơn mỗi ngày. Chúng chơi trốn tìm khắp các ngõ ngách. Chúng cười khách khách. Đợt này Dua thấy trong lòng nhiều buồn phiền. Nhưng có lũ trẻ, chúng mang lại cho cô hình ảnh vui nhộn và tươi sáng. Trò chuyện với chúng, cô như được thả mình vào thế giới tuổi thơ, thế giới ngày xưa cô tựa hồ chẳng bao giờ lục lại trong ngăn trí nhớ.

- Bố cháu không nên cạnh tranh lấy hết sáp ong trong vách đá của cô. Một đứa nói:

- Không phải của cô. Của núi, của rừng cháu ạ!

-Vâng! Nhưng dù thế nào nhà cháu vẫn còn đàn dê. Cô chỉ có ong.

Dua lắng nghe đứa trẻ hơn mười tuổi mà hiểu chuyện, cô chìm vào lặng im

Minh họa: **LƯU QUANG LÂM**

không nói. Cả ngày hôm nay, Dua đi mòn đôi chân mà không tìm thấy tổ ong nào. Cô chỉ thấy những con ong cắn xé nhau, đấu tranh với nhau. Con nào thắng, chúng hỉ hả lấy đi chút phấn hoa còn sót lại từ đôi phương rồi bay đi mất. Cuộc tàn sát khốc liệt để sinh tồn. Dua thương chúng, đó là lý do cô thường để lại một bánh sáp ong làm thức ăn cho chúng. Ít nhất chúng có thể sống sót qua một mùa đông, ít nhất chúng

có thể đợi tới mùa xuân hoa nở khắp lưng đồi.

Mấy hôm nay mẹ Dua ốm nặng hơn. Bà ho suốt đêm và không ăn uống được gì. Dua rất buồn, một cảm giác mất mát xâm chiếm trong tim cô đến đau thắt. Cô không đi tìm mật ong, cô ở nhà chăm mẹ. Số tiền dành dụm để trong chiếc rương gỗ, cô dùng dần để xuống núi mua thuốc cho mẹ cô. Thuốc thì đắt nhưng không làm cho bệnh tình mẹ cô thuyên giảm.

Một ngày cuối đông, cái lạnh quất vào vách núi đến đau rát. Mẹ cô nhắm mắt buông tay.

Dua gào lên trong đau đớn tuyệt vọng. Lũ trẻ hiểu chuyện, chúng buồn bã ngồi quanh bếp lửa. Người đàn ông kia xuống núi tìm thầy mo. Thầy mo vẫn đến và cúng đủ ba ngày cơm canh theo tục an táng của người H'Mông, mặc dù thủ tục đã cất gọn đi gần hết. Mẹ cô được chôn cất trên một sườn núi thoải thoải cỏ mọc xanh mướt và nở đầy hoa dại. Loài hoa màu tím biêng biếc.

Căn nhà trở nên trống trải hơn bao giờ hết, Dưa rất sợ và không biết bao lâu nữa cô mới có thể quen được cảm giác này.

Cũng trong đêm ấy, trăng chằm chằm trên ngọn núi có dáng nằm như thiếu nữ, căn lều lặng yên, lũ trẻ và đàn dê đang ngủ rất say. Người đàn ông kia tìm đến Dưa. Họ cùng nằm trong chiếc chăn bông, anh ta ôm trọn thân hình cô ấm áp. Dưa xoay người lại, chạm vào bộ râu cứng cứng. Nụ hôn anh ta đặt lên môi cô ngọt ngào như mật, khắp người cô rạo rực như hàng ngàn mũi ong châm. Cho đến khi trăng mờ mệt mỏi dần dần chìm vào mây. Dưa mãi nguyện, nhắm mắt cho hàng mi cong khép giắc ngủ thật say.

Một tuần sau, người đàn ông đến trước mặt cô và nói:

- Máy bố con anh sắp chuyển đi Dưa ạ!

Người đàn ông đưa lại cho Dưa chiếc gùi, hộp diêm và mấy chai thủy tinh chứa đầy mật ong.

- Em cầm lấy mấy thứ này! Chúng không còn cần thiết với anh nữa.

Dưa đón lấy đồ vật từ tay người đàn ông. Sự hụt hẫng trào dâng trong cô, một cảm giác khiến cô chẳng lấy gì làm vui vẻ.

- Anh không thể ở lại đợi mùa xuân đến rồi hãy đi sao?

- Không được! Anh phải rời đi trước khi mùa xuân đến. Hay... Dưa đi cùng anh? Máy đứa trẻ cũng cần có mẹ, mẹ chúng thì mất rồi.

- Không đâu! Em cũng có mẹ. Mẹ em vẫn còn nằm lại ở sườn dốc kia. Em không thể đi.

- Ừ, tiếc thật! Lúc này, trông em thật đẹp, Dưa ạ!

Dưa không giấu nổi vẻ ngượng ngùng

và lằng lằng sau lời khen ấy. Nó khiến cô hạnh phúc khi nhận ra chiếc gương vỡ treo trên liếp cửa, gương phản lại khuôn mặt cô xấu xí là sai. Rõ ràng, người đàn ông kia vừa khen cô xinh đẹp!

Lũ trẻ và người đàn ông chào Dưa trong một ngày cuối đông. Má lũ trẻ đỏ ửng lên vì lạnh hoặc vì nứt nẻ. Dưa vẫy tay chào chúng, họ đi cùng đàn dê khuất xa dần về phía con đường mòn dốc núi.

Dưa ở lại, một cảm giác trống trải mênh mang xâm chiếm lấy cô. Ngày hôm ấy, rõ ràng là một ngày cuối đông, cơn gió hắt yếu ớt mà sao cô thấy lạnh đến tê người. Nỗi nhớ không hình dạng vờ vập lấy cô, bao vây cô đến nghẹt thở.

*

* *

Mùa xuân cuối cùng cũng đến, Dưa nặng nề hơn khi trong người cô mang một sinh linh nhỏ bé tựa mình trong bụng. Cô đeo gùi, đi men theo từng vách đá. Chiếc gùi mới, người đàn ông để lại cho cô. Một con đường đi khác, Dưa tìm thấy để không trùng lặp với mọi ngày. Cô gặp một tổ ong ngay trong vách đá, thật gần con đường mới khai phá của cô. Dưa nở nụ cười thật tươi, lấy diêm đốt lên làn khói xám. Khói uồn lượn bay quanh, Dưa nhìn xuống chiếc bụng đang nhô lên khỏi lớp áo thổ cẩm dày, hạt mầm trong bụng khiến cô vui, cô thấy trước mặt tràn ngập dư vị ngọt ngào của mật ong, tan trong một ngày mùa xuân đầy nắng./.

LÀNG SẺ

THANH HẢI

Vào cuối thế kỷ XIX, làng Sẻ còn gọi là Kẻ Sẻ hoặc Khả Lễ là một thôn của xã Bồ Sơn, tổng Khắc Niệm huyện Tiên Du, sau chuyển về huyện Võ Giàng, tỉnh Bắc Ninh. Phía Bắc giáp làng Quan họ Hòa Đình, phía Nam giáp Ném Thượng và làng Quan họ Ném Sơn xã Khắc Niệm, phía Đông giáp làng Quan họ Bồ Sơn (làng Bò), phía Tây giáp làng Quan họ Xuân Ổ (làng Ó) và làng Quan họ Dương Ổ (làng Đổng Cao). Qua nhiều lần thay đổi địa giới hành chính, nay làng Sẻ là khu phố Khả Lễ thuộc phường Võ Cường, thành phố Bắc Ninh với hình thái đô thị nhưng giữ được nhiều dấu ấn văn hóa cổ truyền.

Nơi đây sớm là điểm tụ cư của người Việt cổ, danh tướng nhà Trần từng lập đồn binh đánh giặc Nguyên Mông tại núi Cao và núi Thần, gần con sông Tiêu Tương (theo sự tích). Cư dân ban đầu chỉ có 6 dòng họ sống ở quanh đồng Nội, dần chuyển đến đất bãi Trai bên sườn Nam núi Thần, sau lại chuyển về phía Đông Nam núi Cao, rồi ở lan ra khắp hai sườn núi tập trung thành làng xóm trù mật với 18 dòng

họ như ngày nay. Người dân làng Sẻ rất tự hào về địa thế làng mình. Tại đây còn lưu truyền câu ca:

*Bò Bò, Sẻ Sẻ,
Cóc mẹ cóc con,
Huyết ở sườn non,
Phú gia địch quốc.*

Theo cuốn thần tích làng Khả Lễ (ký hiệu AEa7/30 lưu tại Viện Hán Nôm), Thành hoàng làng là 3 vị tướng thời Trần là Chánh Đạo, Nghiêm Trị và Quảng Pháp, là con của người họ Phùng ở xã Thụy Hậu, huyện Lương Giang phủ Thiệu Thiên, đạo Thanh Hoa với người vợ họ Lê. Khi giặc Nguyên xâm lược nước ta, ba vị tướng quân trên đường truy đuổi giặc, qua trang Sẻ thấy địa hình thích hợp cho luyện binh nên ba ông đã lập trại làm nơi đóng quân để chinh đốn đội ngũ và rèn luyện binh sĩ. Phá giặc Nguyên xong, các ông về nơi đỉnh núi đầu làng phía Tây rồi hóa về trời vào ngày 24 tháng 11, dân bản trại hành biểu tấu lên triều đình. Nhà vua sai người về làm lễ và gia phong cho ba ông là Trung đẳng thần. Từ đó về sau đều tỏ linh ứng, phò trợ Vua Lê Thái Tổ dẹp giặc Minh thắng lợi, được

phong Phó Tế Cương Nghị anh linh, sắc chỉ ban cho trang Sẻ được tu sửa lại miếu điện để tiếp tục thờ phụng.

Đình, đền, chùa làng Sẻ được xây dựng từ lâu đời và đã bị phá huỷ trong kháng chiến chống Pháp sau này được dần tu bổ lại. Đền làng nằm ngay bên phải nhà đại bái đình làng, phụng thờ song thân của ba vị thành hoàng là thánh mẫu Trần Thị huý Nhân” và “Thánh phụ Phạm Công huý Chất” được xây dựng từ thời Lê, đến năm 1954 xây dựng lại theo kiến trúc kiểu chữ Nhị. Làng trước đây có hai chùa là chùa Linh Quang trên đỉnh núi Cao, tam quan xây dựng lại thời Duy Tân năm thứ sáu (tháng 10 năm Nhâm Tý - 1912) còn lại đến ngày nay; chùa Tây Thiên xây dựng từ thời Trần tại khu vực đồng Nội nay không rõ nền móng cũ. Năm 2003, làng hoàn thành việc xây lại đình làng theo kiến trúc kiểu chữ đình, ngăn giữa Tiền tế và Hậu cung là bức cửa võng được chạm lộng tinh xảo, sơn son thếp vàng, được UBND tỉnh xếp hạng là di tích lịch sử văn hoá năm 2009. Đồi chiếu với bản kê khai bia đá vào năm 1922 (ký hiệu TTHN -1461, Viện TTKHXH) và Tổng tập thác bản văn khắc Hán Nôm (bản rập số 5148 đến 5158) thì làng có 4 bia đá trong đình, 6 bia đá chùa Tây Thiên và 3 bia đá chùa Linh Quang dựng vào thế kỷ 17 đến thế kỷ 19.

Làng Sẻ xưa được chia ra thành 4 giáp với 4 xóm là xóm Đình, xóm Giữa, xóm Xi, xóm Dộc. Trước năm 1960 làng vẫn còn 3 cổng lớn là cổng Đình ở đầu làng, cổng Điểm (cổng chùa) ở giữa làng và cổng Dộc (cổng Vôi) cuối làng được xây bằng gạch theo hình cuốn tò vò, có 2 cánh bằng gỗ lim dày chắc, bên dưới mỗi

cánh có một bánh xe giúp đóng mở dễ dàng. Ngoài hai then, chốt mỗi cổng còn có một thanh gỗ trắc làm toang để chèn ngang khi đóng cổng. Giáp Trung phụ trách các việc đèn nhang nghi lễ đình, giáp Đông có nhiệm vụ trông nom quét dọn tu sửa nghe giáp Đông, giáp Tây phụ trách nghe giáp Tây, giáp Bắc phụ trách nghe giáp Bắc.

Hội lệ xưa ở làng Sẻ do các giáp đứng ra tổ chức đảm nhiệm, mỗi năm một giáp luân phiên phụ trách tế lễ trong dịp hội làng đầu xuân. Ngay từ trong tết, các cụ đã phân người giặt và phơi khô chiếu, ao trước đình được dọn sạch bèo và đường làng, ngõ xóm được tổng dọn sạch sẽ. Cử người sang mời chạ anh làng Bái Uyên (làng Bưởi) thuộc tổng Nội Duệ xưa.

Đội trống gồm 6 người gồm 1 thanh la, 1 trống bỏi và 4 trống con ra đình nhận trống để tập từ trước Tết nguyên đán. Ngày mùng 4 tháng Giêng, các cụ trong ban khánh tiết (đến tuổi 49) ra đình quét dọn, lau chùi bàn thờ, đồ thờ, âm chén và cử người đi sắm lễ. Giáp đương cai cắt cử hai người bồi tế, còn ba giáp kia mỗi giáp cắt ba người (không chọn người vừa có tang hoặc tàn tật). Các ông Cai đám, Thủ từ và 6 ông quan trọng được chọn cử từ các giáp đến ăn, ngủ tại đình trong suốt thời gian lễ hội. Chủ tế dùng người có quan tước, nếu chưa có bậc ấy thì cử người trong Tư văn (59 tuổi trở xuống), luân thứ được làm chủ tế, mỗi người một năm. Nếu đã vào chủ tế mà đang có tang thì lấy người bồi tế nhất để làm lễ thay. Việc viết văn tế do khoa mục quan tước đảm nhiệm, nếu chưa có ngôi ấy thì dùng những người chức dịch làm việc trước đây để viết cho dân làng (nếu đang có tang thì thay người khác).

Ngôi thứ trong đình được chia thành 4 ban đẳng hạng hai bên Đông Tây, nhưng sau này là ban Hương lão, ban chức sắc và Chức dịch, ban Nhiêu tế, và ban dân đình.

Đến ngày mùng 5 làng mở lễ nhập tịch. Lễ vật tế thần gồm xôi, lợn, gà, rượu và “cỗ ngọc” được chuẩn bị ở gian nhà ngay bên trái đình.

Chính hội mùng 6, làng tổ chức rước thần từ 3 nghè Xa Đông, Xa Tây, nghè Diệp về đình để thực hiện các nghi thức tế lễ. Đội trống đón các quan viên ở chạ Bái Uyên ở nghè giáp tây và rước về đình tế hội đồng kính lễ đương cảnh Thành hoàng ngũ đức thượng đẳng tối linh và dâng hương cầu phúc tại ban thờ song thân của ba vị thành hoàng. Các cụ bà lên chùa lễ Phật, đón tiếp khách thập phương và hát “Kể hạnh”. Các cụ ngồi hai hàng ở gian giữa của tam quan, ở giữa đặt trầu cau, nước uống và một cái mõ to, một cụ gõ nhẹ tay và đều đều như để cầm trịch. Hai người hát xong một bài thì đến hai người khác đối lại. Cứ như vậy kéo dài cho đến tối (từ năm 1912 dân làng điều chỉnh hội chùa về ngày mùng 6 tháng Giêng cùng với hội đình). Ở sân Diêm Trung quân (vị trí Nhà văn hóa cũ) từ sáng tới chiều có nhiều trò vui, đu, vật dân tộc, cờ tướng, chơi gà, chèo, tuồng, Quan họ... Các bọn Quan họ tổ chức hát đến khuya ở lễ hội rồi về nhà hát đến hôm sau.

Trong những ngày chính hội, nơi đây có nhiều tục độc đáo như tục hát thờ thần; trò “đọc mục lục” của các trai đình trong làng thi đọc được chữ nho trên tấm lụa to ở giữa đình theo giọng văn tế, người nào đọc trôi chảy mà không có lỗi thì được nhận phần thưởng của làng.

Ngày mùng 8 rã đám, dân làng tổ chức “Lễ hạ cây đám”, cây đám làm bằng cây gỗ tròn dài bằng chiều ngang gian giữa của trung đình, đường kính từ 10-12cm, sơn màu đỏ bóng và vẽ những con rồng uốn khúc bằng nhũ vàng, đặt trên giá đỡ cao chừng 1,7m. Khi làm lễ hạ cây đám ở trung đình, hai ông “quan trọng” cầm khăn đỏ đi từ hậu cung ra lột khăn vào đầu cây đám rồi cùng hạ xuống ngang vai, cùng bước ra khỏi ngưỡng cửa trung đình, lúc này đội trống đi trước sẽ đánh trống dẫn ra ngoài, đến sát bờ ao trước đình thì rẽ sang hai bên để hai ông nhẹ nhàng đẩy cây đám xuống ao, đội trống cũng đồng loạt ném dùi trống xuống cùng. Pháo nổ, báo hiệu hội làng kết thúc. Đến ngày 11, các giáp làm lễ hoàn cung đưa các ngài thờ - bài vị thành hoàng trở lại ba nghè.

Là một làng cổ có bề dày lịch sử nên tổ chức làng xóm, dân cư, các phong tục tập quán, tục lệ ở làng Sẻ khá chặt chẽ, ổn định. Người dân sống hòa thuận, đoàn kết với những quy lệ do chính mình đặt ra, xây dựng, duy trì, kế thừa và phát triển, đó là hương ước, quy ước của làng. Qua nội dung các bản Hương ước xưa như Hương ước năm 1922 (ký hiệu HUN-69, Viện TTKHXH), các bản quy ước xây dựng làng văn hóa cho thấy, nhiều thuần phong, mỹ tục và các quy tắc ứng xử liên quan đến mọi mặt đời sống được duy trì như bổn phận làm con cháu, việc học hành của trẻ nhỏ, những điều giáo huấn về nếp sống gia đình, công ơn tổ tiên, về bảo vệ tính mệnh và tài sản chung của làng, về giữ vệ sinh của giếng làng, kiểm soát dịch bệnh, vận hành cầu cống, việc cưới hỏi... Nhờ đó mà truyền thống tương thân tương ái,

tình làng, nghĩa xóm, tinh thần đoàn kết giúp đỡ lẫn nhau trong cộng đồng dân cư ngày càng được củng cố và phát huy.

Trước đây người dân làng Sẻ sống bằng các nghề nông nghiệp không có nghề phụ, phần lớn ruộng lại chỉ cấy được một vụ, có một số ít ruộng ở gần chân núi để trồng màu, những chân ruộng ở trước cửa làng và trên vùng đồng Ném kết hợp trồng thêm vụ màu sau khi thu hoạch lúa. Theo thống kê năm 1978 thì làng có diện tích tự nhiên khoảng hơn 535 mẫu, 410 mẫu đất nông nghiệp, 29 mẫu đất ở, 96 mẫu ao chuôm, đồi núi, đa số sinh sống bằng nghề trồng lúa, rau màu, ươm giống rau, trồng hoa cung cấp cho thị trường. Đến nay do đô thị phát triển, diện tích đất canh tác ngày càng thu hẹp nên nhiều người đã chuyển sang kinh doanh dịch vụ, vận tải, phát triển các nghề phụ. Năm 2006, khu phố Khả Lễ có 860 hộ với 3.351 nhân khẩu; đến nay đã tăng lên 1.200 hộ và 5.300 nhân khẩu.

Không chỉ là địa phương giàu truyền thống



văn hóa, làng Sẻ là một quê hương giàu truyền thống cách mạng. Tư liệu lưu trữ tại đình làng còn ghi chép nhiều sự kiện của những ngày đầu kháng chiến chống Pháp, nằm giữa bốn bề là bốt địch ở thôn Hòa Đình, Xuân Ổ, Bò Sơn; dưới sự lãnh đạo của Chi bộ xã, dân làng vừa tổ chức sản xuất vừa đấu tranh với địch, xây dựng cơ sở kháng chiến ngay trong lòng địch, xây dựng hệ thống hầm bí mật quanh làng để vận chuyển vũ khí, che giấu cán bộ của ta. Nhiều cuộc phối hợp trung đội du kích với dân làng Ném Đồi đánh địch, đấu tranh căng thẳng giữa các bô lão làng Sẻ với quân tề, buộc chúng phải nhượng bộ rút quân về bốt, trả lại hơn 4 chục trâu bò đã nhốt tại Đập Cầu về lại cho bà con sản xuất. Tháng 3 năm 1954, du kích địa phương tham gia cùng bộ đội địa phương đánh bốt Hòa Đình, bắt sống hơn 100 tên địch. Trải qua hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ và bảo vệ Tổ quốc, làng có 34 liệt sỹ hy sinh tại các chiến trường, 03 bà mẹ được công nhận là Mẹ Việt Nam anh hùng, 20 người là thương bệnh binh.

Là một làng Quan họ gốc nổi tiếng với 2 bọn Quan họ nữ và 1 bọn Quan họ nam, trong quá trình chơi Quan họ đầu thế kỷ XX các liền anh liền chị làng Sẻ đã tạo ra cho mình những nét độc đáo riêng như các liền anh như

cụ Ngọc, cụ Thoan, cụ Hằng, cụ Độ, cụ Tị, cụ Liêm... Các liền chị: cụ Tín, cụ Phiên... từng kết bạn với các làng Quan họ gốc như Thị Cầu, Chọi (Khúc Toại), Đặng (Đặng Xá), Bưởi (Bái Uyên), Diêm (Viêm Xá), Thanh Sơn, Nura (Y Na), Bò (Bồ Sơn), Vân Khám...

Năm 1988, Câu lạc bộ Quan họ làng Khả Lễ được chính thức thành lập với 21 hội viên, dẫn đầu là hai nghệ nhân trong 25 nghệ nhân Quan họ tiêu biểu của toàn tỉnh Hà Bắc là nghệ nhân Đỗ Thị Tước và Nguyễn Thị Nguyên. Hai cụ đã truyền dạy cho lớp diễn viên đầu tiên của Đoàn Quan họ Hà Bắc nay là Nhà hát Dân ca Quan họ Bắc Ninh và nhiều học trò trong vùng. Quá trình tham gia Quan họ của hai cụ được bắt đầu rất sớm ở tuổi niên thiếu. Cụ Đỗ Thị Tước năm 11 tuổi theo học cụ Tín, cụ Phiên; đến năm 13 tuổi bắt đầu theo các bạn Quan họ đi sang làng Bồ Sơn, Xuân Ổ, Hòa Đình, Đặng Xá, Đông Cao, Thổ Hà... Cụ Nguyễn Thị Nguyên học hát từ mẹ lúc 14 tuổi, hát đôi với cụ Tước và cụ Tô Thị Hợp. Dưới sự dìu dắt của các nghệ nhân, Quan họ làng Khả Lễ tham gia thi hát đối đáp Quan họ đầu xuân đã đoạt nhiều giải cao, tiêu biểu như đôi liền chị Diêm Thị Hương - con gái cụ Tước và chị Trần Thị Thủy đạt giải Nhất sân 150 câu năm 2002. Ban chủ nhiệm câu lạc bộ Quan họ Khả Lễ cũng tích cực phát triển, lan tỏa các hình thức mới như Quan họ sân khấu, tham gia các cuộc văn nghệ của địa phương, thường xuyên tổ chức hát Quan họ dưới thuyền, nhất là từng bước phục hồi loại hình hát canh truyền thống để các lớp trẻ tuổi được tiếp cận, bảo tồn.

Nghệ nhân Trương Khắc Chuyên (Chủ nhiệm), Nghệ nhân Trần Thị Thủy (Phó Chủ nhiệm) cho biết: Khi trước đời sống khó khăn, các liền anh liền chị nơi đây vẫn quyết tâm giữ nghề chơi Quan họ, đến nay cuộc sống đã sung túc hơn xưa, lại được địa phương rất quan tâm nên hoạt động của Câu lạc bộ Quan họ Khả Lễ có nhiều thuận lợi. Tuy làng đã có Nhà văn hóa mới xây rất khang trang, rộng rãi, nhưng các nghệ nhân và liền anh liền chị Quan họ vẫn mong muốn thời gian tới sớm được tỉnh Bắc Ninh xây dựng “Nhà chứa Quan họ” để duy trì hoạt động bảo tồn phù hợp với đặc thù của việc chơi Quan họ, tổ chức các sinh hoạt văn hóa Quan họ, giao lưu, truyền dạy nhằm bảo tồn và phát huy hơn nữa giá trị quý báu của di sản văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Tư liệu “làng Sẻ - quá trình hình thành và phát triển” lưu tại đình làng Khả Lễ, phường Võ Cường, thành phố Bắc Ninh.

- Làng và Nghệ nhân quan họ, Sở VH TT & DL Bắc Ninh - Viện VHNT Việt Nam, H.2008.

- Lịch sử đảng bộ phường Võ Cường, 2017.

Sự tích và kiến trúc dân gian

ĐÌNH KHÚC TOẠI

NGUYỄN VĂN AN

Khúc Toại tên Nôm là làng Chọi xưa thuộc tổng Châm Khê, huyện Võ Giàng, phủ Từ Sơn (nay thuộc khu phố Khúc Toại, phường Khúc Xuyên, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh). Đình Khúc Toại nằm bên bờ Nam sông Ngũ Huyện Khê, nhìn về hướng Đông Nam, đây là công trình tín ngưỡng còn bảo lưu được khá nguyên sơ nghệ thuật kiến trúc thời Lê - Nguyễn.

Đình Khúc Toại vốn được khởi dựng từ thời Lê Trung Hưng, đến thời Nguyễn trùng tu vào các năm Đình Mùi niên hiệu Thành Thái 19 (1907), Quý Sửu niên hiệu Duy Tân 7 (1913), Mậu Thìn niên hiệu Bảo Đại 3 (1928). Hiện nay, đình Khúc Toại có bình đồ kiến trúc kiểu chữ Đinh, là sự liên kết của 5 gian, 2 chái tòa Đại đình và 3 gian Hậu cung. Chiều rộng các gian không đều nhau, nền đình lát gạch Bát Tràng, xung quanh vỉa đá tảng. Bộ

khung toà Đại đình được làm bằng gỗ lim, liên kết bởi 9 bộ vì kèo theo kiểu thức thượng giá chiêng, con chồng, hạ câu đầu, kẻ trường, trợ đỡ cho bộ khung đình là hệ thống cột lực lưỡng phân đều theo 9 hàng cột ngang và 6 hàng cột dọc, cột cái chu vi 2,5m, cột quân 1,8m và cột con 1m, toàn bộ cột đều có chân tảng tạc bằng đá xanh kê đỡ bên dưới.

Nghệ thuật chạm khắc trang trí ở đình Khúc Toại có thể so sánh với các ngôi đình cổ nổi tiếng ở xứ Kinh Bắc. Trên hầu hết các cấu kiện gỗ đều được các nghệ nhân dân gian xưa gia công cầu kỳ, sáng tạo. Vẫn là nghệ thuật chạm nổi, chạm lõng, chạm thủng, chạm kênh bong và trang trí đề tài “tứ linh”, “tứ quý”, nhưng ở đây hầu như linh vật nào cũng được thể hiện sinh động ở nhiều trạng thái khác nhau. Đặc biệt, trên bức cửa vồng đình ngoài hình tượng rồng uốn yên ngựa,



châu mặt nguyệt còn chạm cách điệu hình tượng tiên cưỡi mây, thiếu nữ vuốt râu rồng. Trên hệ thống ván dong còn thấy xuất hiện cả voi, chim, sóc trên thân trúc... Hầu hết các bức chạm đều mang đậm phong cách nghệ thuật điêu khắc thế kỷ XVIII - XIX.

Bên cạnh giá trị về mặt kiến trúc điêu khắc, đình Khúc Toại còn bảo lưu được nhiều di vật cổ niên đại tạo tác dưới thời Lê - Nguyễn, tiêu biểu như: 20 đạo sắc phong cho các vị thần thành hoàng, sắc sớm nhất phong vào năm Vĩnh Khánh 2 (1730), sắc cuối cùng phong vào năm Khải Định 9 (1924), 4 tấm bia đá “Thạch bi kỷ tín” dựng vào các năm Bảo Đại 3

(1928), Bảo Đại 8 (1933), 3 bộ ngai thờ, bài vị, 2 kiệu bát cống, sập thờ, hương án gỗ, nôi hương gốm sứ, lọ độc bình, hoành phi, câu đối...

Căn cứ vào hệ thống tư liệu Hán Nôm còn lưu giữ được tại di tích cho biết đình Khúc Toại thờ ba vị thần: Quý Minh đại vương có công đánh giặc ngoại xâm thời Hùng Vương. Hai vị Trung Huệ đại vương (tức Đức Đệ tam) và Đồng Vinh đại vương, truyền thuyết kể rằng: “Vào niên hiệu Hồng Đức đời Vua Lê Thánh Tông (1470 - 1497), làng Khúc Toại có một vị quan võ nổi tiếng tài giỏi. Người ta không nhớ họ tên ngài là gì, chỉ biết rằng, sau khi ngài về thần, dân làng gọi ngài là Đức Đệ tam.



Khi còn làm quan trong triều, Đức Đệ tam kết bạn với một vị võ tướng người làng Đông Thọ (nay thuộc xã Đông Thọ, huyện Yên Phong). Bấy giờ giặc cỏ vùng sơn cước nổi lên như ong. Triều đình nhiều lần cử Đức Đệ tam và vị võ quan người Đông Thọ xuất chinh, lần nào họ cũng thắng trận trở về. Hai ngài lại được triều đình cử cầm quân thị sát vùng biên thù, nghe tài danh của hai ngài, người phương Bắc không dám nhòm ngó bờ cõi nước ta. Sau khi đã dẹp yên giặc giã, nhà Vua sai hai ngài đi tuần hành vùng Kinh Bắc, nhân đi qua làng Khúc Toại, Đức Đệ tam mời bạn về nhà mình chơi. Sau nhiều ngày xông pha nơi chiến trận và vùng rừng núi, bây giờ họ mới được thư thả hàn huyên tại quê nhà, họ tâm sự suốt đêm.

Sáng sớm hôm sau, không hiểu sao, Đức Đệ tam đột ngột qua đời, người bạn làng Đông Thọ ôm bạn khóc thảm thiết. Sau đó, ngài mời dân làng đến làm lễ an táng cho bạn. Công việc xong xuôi, ngài hỏi triều làm biểu tâu với nhà Vua xin

phong cho bạn mình làm Thành hoàng làng Khúc Toại. Dân làng Khúc Toại rất cảm kích trước nghĩa tình thủy chung ấy, nên khi vị võ tướng người Đông Thọ qua đời, người làng cũng tôn ngài làm Thành hoàng. Tình cảm ấy thấu đến triều đình, Vua Lê Thánh Tông bèn gia phong Đức Đệ tam là Trung Huệ đại vương, vị võ tướng người làng Đông Thọ làm Đông Vinh đại vương, cho phép dân làng Khúc Toại đời đời hương khói phụng thờ”.

Hàng năm, lễ hội đình Khúc Toại được tổ chức vào các ngày 4, 5, 6 tháng Giêng âm lịch. Ngày hội là dịp nhân dân Khúc Toại tưởng niệm công lao đánh giặc ngoại xâm cứu nước, phù giúp dân an vật thịnh, mùa màng tốt tươi của các vị thần thành hoàng được thờ tại đình. Đây vốn là nét đẹp văn hóa truyền thống trên vùng quê Bắc Ninh - Kinh Bắc văn hiến.

Đình Khúc Toại được UBND tỉnh xếp hạng là di tích lịch sử văn hóa - Quyết định số 1052/QĐ-UBND ngày 12/08/2008./.

LÀNG TIẾN SỸ LƯƠNG XÁ

VŨ NGỌC HÒA

Bắc Ninh - Kinh Bắc vốn là một vùng đất nổi tiếng về truyền thống khoa bảng. Trong tổng số 845 khoa thi dưới các triều đại phong kiến từ 1075 đến 1919 thì Bắc Ninh có 677 vị đỗ đại khoa, trong đó Trạng nguyên 15 vị; Bảng nhãn 9 vị; Thám hoa 19 vị; 76 vị đỗ đệ nhị giáp Tiến sỹ xuất thân; 241 vị đỗ đệ tam giáp Tiến sỹ xuất thân; 8 vị đỗ phó bảng. Xưa nay, người ta thường nhắc đến những làng Tiến sỹ nổi tiếng xứ Kinh Bắc như Làng Kim Đồi, huyện Quế Võ nay thuộc TP. Bắc Ninh; Làng Tam Sơn, Vĩnh Kiều, đất Đông Ngàn nay là TP. Từ Sơn; Làng Bịu nay thuộc xã Liên Bảo, huyện Tiên Du. Tại vùng đất chiêm trũng khá xa xôi với trung tâm Kinh Bắc có một làng khoa bảng nổi tiếng cũng đáng sánh hàng với các làng khoa bảng đất Đông Ngàn, Võ Giàng xưa mà người ta ít nói đến. Đó là Làng Tiến sỹ Lương Xá.

Làng Lương Xá còn gọi là làng Lường, thuộc tổng Lương Xá, thế kỷ thứ VIII thuộc huyện Thiện Tài. Thời nhà Minh là huyện Lang Tài, đến thời nhà Lê đổi thành Lương Tài thuộc Phủ Thuận An, trấn Kinh Bắc. Nay là thôn Lương xá, xã Phú Lương, huyện Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh.

Làng Lương Xá xưa là một làng cổ nằm giữa hai con sông là sông Trong và sông Ngoài. Theo các tài liệu cổ, những làng có chữ “xá” tức là “nơi ở, nơi quần cư, nơi lập nghiệp...” là những làng xuất hiện từ xa xưa, có lịch sử văn hóa lâu đời. Làng Lương Xá xưa có 12 dòng họ sinh sống thì dòng họ Lương là dòng họ có mặt sớm nhất. Có lẽ vì thế mà người ta gọi làng này là làng Lương Xá hay còn gọi là làng Lường.

Tục truyền, tổng Lương Xá xưa kia có 99 cánh đồng, 99 con đường, cái đồng, cao nhất là đường Con Voi. Mỗi con đường đều mang một dấu ấn và kỷ niệm riêng như: gò Mã Thập, khu Trại Lính, hồ Tắm Ngựa, Chuôm Trường Bản, đất Kiêu Oanh... Lương Xá ngày nay còn thấy xuất hiện nhiều gò đồng, trong làng có nhiều hồ ao, có nhiều đoạn đường được mở rộng song dấu vết của những ao hồ xưa vẫn hiện hữu.

Trải hàng ngàn năm đã qua với bao biến đổi của lịch sử, người dân thôn Lương Xá còn bảo lưu được nhiều công trình có ý nghĩa lịch sử, văn hóa như đình, chùa, nghề, văn chỉ, miếu... Đình Lương Xá được tọa lạc phía Tây làng trên khu đất có hình dáng cô



tiên, đầu về hướng Bắc là gò đồng Cô Tiên, miệng là giếng làng, hai nhũ là vị trí của đình và chùa, hai đầu gôi là hai gò đất cao ở bãi Má Chưng. Đình thờ Thái úy Tô Hiến Thành và 15 vị đại khoa dưới các triều đại phong kiến. Đình còn lưu giữ được nhiều đạo sắc phong, một số đồ thể khí, đặc biệt là bia đá tứ diện “Thường xuân đình bi” được tạo tác từ năm 1700. Đình Lương Xá được Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch xếp hạng Di tích lịch sử - văn hóa cấp Quốc gia theo Quyết định số 815/QĐ-BVHTTDL ngày 09/3/2017. Theo lệ thường từ ngày 11-13 tháng Giêng hàng năm, dân làng Lương Xá mở hội tổ chức các nghi thức rước, tế lễ tri ân Thành hoàng và các bậc tiên hiền, cầu mong mưa thuận gió hòa, quốc thái dân an và các hoạt động vui chơi hội hè.

Theo thư mục “Thần tích - Thần sắc” thống kê năm 1938, sắc phong và tư liệu tại địa phương cho biết: Đình Lương Xá thờ Thành hoàng là Thái úy Tô Hiến Thành (1112 - 1179) ông từng làm Thái phó, Thái úy phụ chính triều Vua Lý Anh Tông và Lý Cao Tông. Tô Hiến Thành là một vị quan văn võ song toàn, nổi tiếng công minh chính trực, có nhiều công lao trong việc xây dựng, củng cố chính quyền, được sử sách lưu danh và nhân dân nhiều nơi thờ làm Thành Hoàng trong đó có làng Lương Xá, xã Phú Lương. Các triều

đại phong kiến sau đều sắc phong mỹ tự để nhân dân mãi mãi hương khói phụng thờ. Ngày nay đình Lương Xá còn bảo lưu 6 trên tổng số 13 đạo sắc phong.

Ngoài Thái úy Tô Hiến Thành, đình Lương Xá còn phối thờ 15 vị đại khoa là người làng Lương Xá như Trạng nguyên Vũ Giới, Thám hoa Phạm Quang Tiến, Hoàng Giáp Vũ Kính, Hoàng Giáp Đào Phùng Thái, Tiến sỹ Phương Kính Trung, Lương Phùng Thời, Vũ Cẩn, Trần Danh Tân và các vị đại khoa là con rể hoặc ở nơi khác về cư trú tại Lương Xá như Hoàng Giáp Hoàng Sĩ Dịch, Hoàng Giáp Nguyễn Đình Tú, Tiến sỹ Hoàng Sĩ Khải, Đoàn Huy Thông, Bùi Quang Cảo, Nguyễn Thu. Trong thân phủ và đặc biệt tám bia đá tứ diện “Thường xuân đình bi” ở đình Lương Xá đã ghi rất rõ tên tuổi, năm mất, danh xưng, tước hiệu của các vị đại khoa của làng.

“Thường xuân đình bi” là tám bia đá cổ bốn mặt được bảo tồn khá nguyên vẹn, ngoài một vài chỗ có vết đạn bắn thời Pháp càn vào làng và một vài chữ bị mờ còn lại chữ khắc ở bốn mặt đều rõ nét. Các nhà nghiên cứu đánh giá “Thường xuân đình bi” là “một pho sử sống phản ánh một cách sinh động về nhiều mặt của xã Lương Xá xưa kia... đặc biệt về truyền thống khoa cử, học tập của quê



huong... mảnh đất văn vật với các dòng họ có nhiều nhân vật lịch sử nổi tiếng đỗ đạt học vị cao nhất dưới nền giáo dục khoa cử phong kiến như Trạng nguyên, Thám hoa, Hoàng Giáp, Tiến sỹ...”

“Thường xuyên đình bi” cho thấy ngót 300 năm từ nửa cuối thế kỷ XV đến giữa thế kỷ XVIII, làng Lương Xá liên tục có người đỗ đại khoa, người đỗ sớm nhất là Tiến sỹ Vũ Kính đỗ năm 1478 đời Lê Thánh Tông, người đỗ sau cùng là Tiến sỹ Trần Danh Tân (Trần Trọng Đổng) đỗ đệ tam giáp đồng Tiến sỹ xuất thân khoa Bính Thìn, niên hiệu Vĩnh Hựu thứ 2 (1736). Thế kỷ XVI là đỉnh cao lịch sử khoa cử của làng Lương Xá với 13 vị đỗ đại khoa. Thật đáng tự hào, một làng nhỏ, dân số không đông mà có số lượng người đỗ đại khoa nhiều như Lương Xá là hiếm có. Đáng tự hào hơn trong đó có tới 2 người đỗ đệ nhất giáp Tiến sỹ là Trạng nguyên Vũ Giới (1577) và Đình nguyên Thám hoa Phạm Quang Tiến (Khoa thi 1565 không lấy Trạng nguyên), 3 người đỗ đệ nhị giáp Tiến sỹ là Đình nguyên Hoàng Giáp Vũ Kính (1544 không lấy Trạng nguyên và Thám hoa), Hoàng Giáp Đào Phùng Thái (1505), Hoàng Giáp Nguyễn Đình Tú (1565). Nhiều khoa thi làng Lương Xá có mấy người cùng đỗ đại khoa như khoa thi Ất Sửu (1565) có 2 người cùng đỗ đại khoa là Phạm Quang

Tiến và Nguyễn Đình Tú, khoa thi Giáp Tuất (1514) cũng có 2 đại khoa là Phương Kính Trung và Đoàn Huy Thông, khoa thi Giáp Thìn (1544) có Hoàng Giáp Vũ Kính và Tiến sỹ Hoàng Sĩ Khải cùng đỗ.

Càng vẻ vang hơn, làng Lương Xá có nhiều dòng họ trong làng có truyền thống khoa bảng như họ: Vũ, Hoàng, Lương, Đào, Phạm, Nguyễn... có nhà mấy anh em, cha con, chú cháu cùng đỗ cao. Cụ tổ họ Vũ là Vũ Lỗ sinh 4 trai, 1 gái thì cả 4 con trai và con rể đều đỗ đạt làm quan to. Con trưởng là Hoàng giáp Vũ Kính, thứ nam là Vũ Du làm quan tới chức Thiếu Khanh, thứ nam là Thượng thư Tiến sỹ Vũ Cẩn, thứ nam nữa là Tri phủ Thượng Hồng Vũ Ban; con rể là Đoàn Hữu Quảng đỗ đệ Nhị giáp xuất thân làm Quan chính tên sự. Con trai Hoàng giáp Vũ Kính là Trạng nguyên Vũ Giới, con rể Vũ Kính là Hoàng Giáp Nguyễn Đình Tú; con trai Hoàng Giáp Hoàng Sĩ Dịch là Tiến sỹ Hoàng Sĩ Khải... Còn rất nhiều người đỗ Trung khoa và Tiểu khoa được bổ nhiều chức vị quan trọng thời phong kiến như Tri Phủ Vũ Ban, Tri huyện Vũ Phiên, Xã sử Lương Phùng Minh, Xã Trưởng Vũ Thái, Xã chính Vũ Hồ, bạc Sur nho Vũ Hải, danh nho Công Lôu Chuyết Trai tiên sinh, Sinh đồ Vũ Giáp, Đoàn Văn Diên, Lâm Tuấn, Lâm Cơ, Hoàng

Công Thường, Lương Phùng Khoa, Phương Hữu Bàn...

Các vị đại khoa làng Lương Xá xưa đều được các triều đại phong kiến trọng dụng bởi có nhiều đóng góp trên các lĩnh vực kinh tế, chính trị, văn hóa, giáo dục... Phần lớn các vị đại khoa đều đảm nhiệm các chức vụ quan trọng trong lục Bộ, lục Tự, Ngự sử đài, Hàn lâm viện... trong đó có 5 Thượng thư, 6 Thị Lang, 1 Đông các Đại học sĩ, 1 Tham trưởng Hàn lâm Viện sự, 1 Tế tửu Quốc tử giám, 1 Đại Lý Tự Khanh, 2 Thừa chính sứ, 7 người được phong tước Hầu, 4 người phong tước Bá. Đứng đầu Ngự sử đài như Vũ Cảnh, Vũ Cận, Hoàng Sĩ Khải...; đứng đầu Hàn lâm Viện như Vũ Kính...; Thượng thư 3 bộ như Lương Phùng Thời; đứng đầu các chức học quan từ trung ương tới địa phương như Tế tửu Quốc tử Giám, Đốc học, Giáo thụ, Huấn đạo...

Ngoài các chức hiệu đã nêu, lĩnh vực văn hóa giáo dục các vị đại khoa làng Lương Xá còn là những bậc phụ tử nổi tiếng được tôn vinh là Đạo học tôn sư, Đạo học sư mô, có người giữ chức Kinh Diên (giảng dạy vua, Thái tử). Không chỉ dạy con cháu tại quê hương, các vị đại khoa Lương Xá còn mở trường đào tạo nhiều nhân tài cho đất nước. Trong “Thường xuân đình bi” tấm bia tứ diện tạo tác từ 324 năm trước (năm 1700) hiện còn bảo lưu tại đình làng Lương Xá còn ghi rõ trường dạy học của Hoàng Giáp Vũ Kính và trường dạy học của Trạng nguyên Vũ Giới đã đào tạo được rất nhiều nhân tài cho đất nước như Trạng nguyên Trần Văn Bảo (người Nam Định), Trạng nguyên Phạm Duy Quyết (Người Chí Linh), Đình nguyên Phạm Quang Tiến (người Lương Xá), Đình nguyên Vũ Văn Khuê (người Gia Bình), Tiến sỹ Nguyễn Cộng, Tiến sỹ Nguyễn Thế Tiêu (người Chí

Linh), các Tiến sỹ Nguyễn Khuê, Vũ Miên (xã Ngọc Trì, Lương Tài), Tiến sỹ Phạm Khuê (huyện Thanh Lâm), Tiến sỹ Nguyễn Tuấn (huyện Thanh Trì)... Có thể nói Lương Xá có những “lò Tiến sỹ” quả thực không ngoa.

Các vị khoa bảng làng Lương Xá cùng với công tích, sự nghiệp của họ đều đã được lịch sử ghi nhận. Các vị đại khoa đều được lưu danh trên hệ thống văn bia tại Văn miếu Quốc tử giám Hà Nội và Văn miếu Bắc Ninh. Tại xã Phú Lương nói chung thôn Lương Xá nói riêng, tên tuổi và ân đức các vị khoa bảng không chỉ được tạc vào bia đá lưu giữ cho muôn đời mà còn được cháu con đời đời khắc cốt ghi tâm. Tên các vị đại khoa Lương Xá được đặt cho nhiều đường phố ở TP Bắc Ninh, thị trấn Lương Tài và nhiều tuyến phố khác.

Phát huy truyền thống tổ tiên, làng Lương Xá ngày nay vẫn luôn là thôn dẫn đầu trong toàn xã Phú Lương cũng như là thôn điển hình của huyện Lương Tài về thành tích khoa bảng và hiếu học với hàng chục Tiến sỹ, Thạc sỹ, Cử nhân, nhiều người giữ các chức vụ quan trọng trong các cơ quan nhà nước như PGS.TS Phương Minh Nam - nguyên Cục trưởng cục Tin học Bộ Công an; TS Phương Hữu Việt - Chủ tịch HĐQT ngân hàng Việt Á, TS Lương Duy Hanh - Phó Vụ trưởng Vụ Khoa học công nghệ - Bộ TNMT; TS Nguyễn Văn Mùi, TS Lương Khắc Định - giảng viên Đại học, TS Trần Thị Thủy, Thượng tá Lương Duy Hãnh, Cử nhân Phương Hữu Thịnh nguyên Chuyên viên Cao cấp Bộ Nội vụ, Thạc sỹ Lương Duy Thiệu - Phó trưởng Ban Nội chính tỉnh Bắc Ninh...

"TRẠNG NGUYÊN" ĐẶNG XUÂN

Lịch sử, truyện ký và giai thoại

LÊ VIẾT NGA

Về nhà khoa bảng Đặng Xuân tương tự như Thám hoa Nguyễn Doãn Văn, quê xã Hương Mặc, huyện Đông Ngàn (nay là thị xã Từ Sơn), tỉnh Bắc Ninh; hay như 46 nhà khoa bảng ghi khắc trong bia “phụ ký” ở Văn miếu Bắc Ninh đều thấy rất ít tư liệu đăng khoa ghi chép về các vị. Điều này đặt ra cho các nhà nghiên cứu về các nhà khoa bảng nêu trên cần dày công nghiên cứu sưu tầm nhiều nguồn tư liệu đăng khoa, mới hiểu thêm sâu hơn về các nhà khoa bảng này. Ông Đặng Xuân - một số tài liệu, sử sách, truyện ký và giai thoại xưa nay phản ánh về ông thường gọi là Trạng nguyên Đặng Xuân nhưng theo tôi - nếu như ông đỗ Trạng nguyên thì lịch sử khó mà lãng quên, không biên chép gì về thân thế, sự nghiệp của ông. Có sách ghi chép Đặng Xuân là người đời Lý, thi đỗ từ thời Lý thì không xác thực vì mãi tới thời Trần - 1247 mới định ra học vị Trạng nguyên. Cho nên gọi ông là nhà khoa bảng Đặng Xuân có lẽ khả dĩ hơn.

1. Một số sách và bia đá ghi khắc về nhà khoa bảng Đặng Xuân:

Sách **Bắc Ninh dư địa chí** của Đỗ Trọng Vỹ, do Đỗ Tuấn Anh dịch, xuất bản năm 1997 ghi: "Đặng Xuân - người xã Sơn Đông, huyện Quế Dương, chưa rõ triều đại nào, chỉ biết truyền lại đền ở phía Đông núi Lãm Sơn là nơi Trạng nguyên đọc sách nay còn tượng thờ".

Sách **"Các vị đại khoa tỉnh Bắc Ninh"** - Lê Viết Nga chủ biên, xuất bản năm 2003, ghi: "Đặng Xuân, người xã Lãm Sơn, huyện Quế Dương (nay là thôn Sơn Đông, xã Nam Sơn). Ông đỗ Trạng nguyên năm nào không rõ".

Bia đá "Phụ ký" ở Văn miếu Bắc Ninh ghi khắc: "Trạng nguyên Đặng Xuân người xã Lãm Sơn Đông; trong chùa có tượng Trạng nguyên, trong núi có mộ của Trạng nguyên, không rõ triều đại nào".

Sách **"Vũ Trung tùy bút"** của Phạm Đình Hồ⁽¹⁾ cho biết: "làng Minh Luân tổng ta có đền thờ quan nhập nội Thượng thư Cao tướng công tên là Cao Y. Ngài ở về

đời vua Thần Tôn nhà Lý (1128 - 1132), có công làm đến chức Thái Bảo, khoảng năm Thuận Phúc (1562 - 1592) nhà Mạc lại được sắc phong, sự này có chép ở từ điển. Thường khi cầu mưa, cầu tạnh thì rất linh ứng. Phía Tây làng Minh Luân gần xã Bình Đê có cái nền nhà cũ của Thừa tướng, truyện Nôm truyền rằng đó là nơi chàng Đặng Xuân đọc sách, nàng Ngọc Châu dệt cửi”.

“Xét Đặng Xuân có ngôi mộ mẹ ở núi Bảo Lãm, huyện Quế Dương. Đời truyền rằng Đặng công thi đỗ từ đời Lý, thế thì quan Thừa tướng là người đời nhà Lý, không còn nghi ngờ gì nữa. Và lại quan

Thượng thư Cao tướng công làm phúc thần làng Minh Luân, nay không còn xét thấy di tích gì cả. Vậy quan Thừa tướng còn có cái nền nhà cũ ở Bình Đê kia, thì không rõ quan tước thế nào? Nhưng cả hai đều đều là người đời nhà Lý, biết đâu quan Thượng thư cùng Thừa tướng chẳng là một. Còn gọi là là Thừa tướng, chẳng qua người dân quen tôn sùng mà gọi như thế thôi”.

Chính Phạm Đình Hổ còn được thấy nền nhà cũ của Đặng Xuân. Ông cho biết:

“Nền nhà cũ quan Thừa tướng ở làng Minh Luân, địa thế quang đặng, mát mẻ có cái ao bán nguyệt và hồ sen là nơi di tích. Ta khi nhỏ thường đi du lãm muốn tìm



nhận lấy, nơi nào là buồng học của Đặng Xuân, nơi nào là buồng dệt của Ngọc Châu, song bờ bụi đào cuộc thay đổi khác đi, sâu thêm biến đổi, không biết di tích là nơi nào”.

Vẫn theo Phạm Đình Hồ, Nhữ Công Chân⁽²⁾ có truyện Nôm về Trạng nguyên Đặng Xuân, hai ông đã được đọc và đến di tích Đặng Xuân ở Minh Luân, Hải Dương⁽²⁾ hai ông còn thấy. Chỉ có điều tại sao lại có hai tên: Cao Y và Đặng Xuân. Chúng tôi cho rằng Cao Y có thể là tên húy, khi đi thi đổi là Xuân, việc này thường thấy, còn Trạng nguyên Đặng Xuân không có tên trong danh sách các nhà khoa bảng vì nhiều lý do như tài liệu thi cử thời Lý, Trần không đủ, các vị khoa bảng có xuất xứ từ truyện nôm như Trạng Gầu (Truyện nôm Tống Trân - Cúc Hoa...) các nhà khoa bảng làm sách Đăng khoa lục căn cứ vào thể lệ thi cử, học vị... của các triều đại thấy có điều còn ngờ nên họ không đưa vào.

Các tư liệu trên chỉ có vậy, và cũng là căn cứ vào truyện ký mà ghi lại thôi, nên tính chính xác khoa học không cao - như quê quán của ông thì không rõ quê nội hay quê ngoại, tượng ở trong đền (miếu) chứ không phải ở chùa; mộ thật (có hài cốt) hay “mộ nghi binh”? Duy chỉ có tư liệu của Phạm Đình Hồ nêu trong “**Vũ Trung tùy bút**” mang tính khoa học hơn - có thể làm căn cứ được.

2. Tư liệu nghiên cứu khảo sát tại xã Nam Sơn:

Tác giả tham luận này đã trực tiếp về xã Nam Sơn để khảo sát nghiên cứu tư liệu về nhà khoa bảng Đặng Xuân. Được biết

từ năm 2006 đã có ông họ Đặng - Đặng Đức Thư, bác sỹ Đặng Thế Tiến, nhà báo Đặng Văn Lộc⁽³⁾ đã về Nam Sơn nghiên cứu khảo sát tư liệu về Trạng nguyên Đặng Xuân. Được sự giúp đỡ nhiệt tình của đồng chí Bí thư Chi bộ Sơn Đông (Nguyễn Văn Na), tôi đã gặp trực tiếp các ông Nguyễn Văn Giáp, sinh năm 1940, nguyên cán bộ Viện Kiểm sát tỉnh Hà Bắc về hưu ; nguyên Bí thư Chi bộ Sơn Đông; Ông Đàm Văn Vui, sinh năm 1954; Ông Nguyễn Thế Phiên, sinh năm 1954 thôn Môn Tự - giáo viên về hưu - cháu ngoại họ Đàm... (Tôi có lưu lại bút tích, chữ ký sau mỗi lời kể của các vị). Tác giả Ngô Đăng Lợi với bài “phát hiện thêm thông tin về Trạng nguyên Đặng Xuân”, các ông đều kể về Trạng nguyên Đặng Xuân như đã kể với các vị họ Đặng nêu trên.

Ông Nguyễn Văn Giáp cho biết: Ở Sơn Đông chỉ có một gia đình họ Đặng từ Thái Bình di cư lên từ năm 1960, còn ở Tự Thôn thì có một chi họ Đặng gốc ở Phù Đổng, Gia Lâm, Hà Nội. Thôn Sơn Đông và Môn Tự thì có họ Đàm, con cháu khá đông, truyền kể thì do họ Đặng cải sang, là hậu duệ Trạng nguyên. Mộ quan Trạng nằm ở phía Nam thôn Sơn Đông, gọi là “Gò Ông Trạng”. (TG - Tôi hỏi cụ Giáp: mộ này thường niên hậu duệ họ Đàm nghe kể là gốc họ nhà Trạng (Đặng Xuân) có tới thắp hương không? Cụ cho hay đây là mộ do dân đắp lên để “lừa” quân triều khi về đây truy sát quan Trạng (tức mộ không có hài cốt) nên không hương khói thường niên. Cách ngôi mộ khoảng hơn 10m là Điện Phiên Giác (Đền) thờ quan Trạng,

gồm ba gian, gian giữa vốn có tượng cụ Đặng Xuân rất to choán gần hết diện tích nhưng đến năm 1949 bị giặc Pháp đi càn đã phá hết, nay chỉ còn dấu nền móng gạch đá. Nghe nói trước ở đây có cả bia đá, nhưng nay không thấy nữa.

Đại diện họ Đàm cho biết: Họ Đàm ở Sơn Đông là chi họ khá lớn có ở đây đã nhiều đời, vốn là hậu duệ nhà Trịnh; sách cúng của họ có ghi: giỗ Trịnh Ông là ngày 20 tháng 6, giỗ Trịnh Bà là ngày 5 tháng 9 - mộ xếp bằng đá, táng tại khu chùa Hàm Long, cùng xã Nam Sơn.

+ Giai thoại:

Ông Nguyễn Thế Phiên, sinh năm 1947 - cháu ngoại họ Đàm là nhà giáo trường phổ thông cơ sở xã Nam Sơn đã nghỉ hưu cho biết về câu chuyện do ông ngoại kể lại: Khi Quan Trịnh Đặng Xuân, không biết phạm tội gì mà bị đày về đây, nhưng bọn nịnh thần vẫn không tha (vì chúng chưa yên lòng), nên đã cho một thích khách về sát hại. Nhưng vì cảm phục tài năng đức độ của quan Trịnh mà không nỡ giết hại, bèn giết một con chó lấy máu bôi lên gương, rồi cùng mấy người dân địa phương đắp một ngôi mộ giả, về báo lại với quan triều là đã giết được quan Trịnh rồi, thế là quan Trịnh thoát nạn, lánh chạy đi nơi khác không ai biết. Có lẽ vì thế mà con cháu họ hàng ở lại phải cải thành họ Đàm.

Họ Đàm nơi đây có truyền thống hiếu học, thi cử nhiều người đỗ đạt - tiến sỹ, cử nhân, tú tài. Tiêu biểu có Đàm Văn Lễ (1452 - 1505) đỗ Đệ tam giáp đồng Tiến sỹ xuất thân (tên đứng thứ 20, khoa Kỷ Sửu niên hiệu Quang Thuận thứ 10 (1469)

đời Lê Thánh Tông. Đàm Văn Lễ là ông nội của Tiến sỹ Đàm Văn Tiết. Ông từng được cử đi sứ sang nhà Minh, làm quan đến chức Lễ bộ Thượng thư, Chương Hàn lâm viện sự. Đàm Văn Tiết (1526-?) sinh năm Bính Tuất. Trước khi đi thi ông đã làm quan Huân đạo, năm 55 tuổi thi đỗ Đệ tam giáp đồng Tiến sỹ xuất thân (tên đứng thứ 9), khoa Canh Thìn, niên hiệu Diên Thành thứ 3 (1580) đời Mạc Mậu Hợp, sau làm quan đến chức Hiến sát sứ⁽³⁾.

Tư liệu về Nhà khoa bảng Đặng Xuân nêu trên vừa có sự kế thừa sử sách, dã sử, truyện ký và giai thoại; vừa là kết quả nghiên cứu trực tiếp tại quê hương - xã Nam Sơn (quê ngoại của cụ Đặng Xuân) - để có một vài nhận xét, đoán định về nhà khoa bảng này, rất mong các nhà nghiên cứu bổ khuyết.

Ghi chú:

(1) Phạm Đình Hồ (1768 - 1839), tự Tùng niên, Bình Trục, bút hiệu Đông Dã Tiều, biệt hiệu Chiêu Hồ tiên sinh, quê ở xã Đa Loan, huyện Đường Hào, tỉnh Hải Dương - một tác giả lớn.

(2) Nhữ Công Chân (1751- ?) quê ở Hoạch Trạch, huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương, đỗ Hoàng Giáp năm Nhâm Thìn - 1772.

(3) Đặng Đức Thư - bài "Trạng nguyên Đặng Xuân sao lại không có tên trong sách "Các nhà khoa bảng Việt Nam". Ngô Đăng Lợi, bài "Phát hiện thêm thông tin về Trạng nguyên Đặng Xuân".

ĐỖ PHƯƠNG LIỄU

Đại Mão những mùa hoa

Người về Đại Mão quê ta đó
Có nghe tha thiết những mùa hoa
Xuân qua, hè tới, thu đông lại
Bâng khuâng hoa níu bước chân qua.

Hoa ban phủ trắng đường liên xã
Xuân đông thương nhớ đầy tháng Ba
Trên đồng hoa mướp hoa cà nở
Thơm bát canh cua bữa cơm nhà.

Sân trường đỏ thắm màu hoa phượng
Tháng Năm lưu luyến chẳng muốn rời
Bâng lãng nở tím ngoài ngõ chợ
Tím cả lòng tôi, tím cả trời.

Muông vàng thả dáng như thiếu nữ
Xoã tóc nghiêng soi bên ao đình
Tháng Bảy hoa sen thơm ngõ Giếng
Thơm chén trà xanh buổi bình minh.

Hoa sữa nồng nàn sân trạm xá
Ai chở hương về trong đêm say
Ai đem thu giấu trong tà áo?
Đi qua làm rớt ở nơi này.

Tháng Mười Một sang vàng hoa cải
Trải dài mê mải lối em đi
Tôi sẽ trồng thêm vài ba luống
Chờ em về hái đóa cúc chi.

Tết này em nhớ về Đại Mão
Để má hồng em thắm sắc đào
Mảnh đất hữu duyên thiên nhiên tạo
Bốn mùa hoa nở đón em vào./.

NGUYỄN THỊ ĐƯƠNG

Mưa Thành Cổ

Mưa hay nước mắt
Nhỏ vào mệnh mông
Giữa chiều cuối hạ
U buồn, trầm ngâm.

Thành xưa nước nở
Nỗi niềm rêu phong
Dường nghe đá khóc
Một chiều - trăm năm!



VŨ THỊ PHÚC

Trăng quê

Trăng bên thềm thao thức
 Tiếng sóng xa vỗ về
 Hoa cau thơm ngào ngạt
 Âm tình nơi làng quê.

Chiều vàng mượt chân đê
 Mạn thuyền nghiêng câu hát
 Thương cánh cò cánh vạc
 Nhặt tìm ánh trăng rơi.

Mênh mông giữa khoảng trời
 Có màu xanh bình dị
 Sao đáng yêu đến thế
 Trăng tròn vui tuổi hoa.

Ta về nơi quê nhà
 Trăng xuống đồng rót mật
 Sinh sôi từ lòng đất
 Trăng nghĩa tình thủy chung./.



NGUYỄN THẾ THỤY

Thăm trường cũ

Hôm nay thăm trường cũ
 Hàng cây thành cỏ thụ
 Mơ màng dấu hình xưa...
 Một thời xa... bão tố...

Như một kẻ bơ vơ
 Chao kỷ niệm... hoang mờ...
 Bóng người xưa... chẳng thấy...
 Khát ánh nhìn tím mơ...

XUÂN LINH

Hoa sen

Hạ về ta lại có Sen
 Thơm lừng hương tỏa mọi miền gần xa
 Đẹp từ trong nhụy đẹp ra
 Hoa sen xứng trọn Quốc hoa muôn đời.



CỘT MỐC VĂN HÓA TÂM LINH

giữa Trường Sa

LÊ THỊ HUYỀN

Với những ai được sinh ra, lớn lên ở làng quê, hẳn trong kí ức thời thơ ấu sẽ không thể quên được tiếng chuông chùa. Có thể chưa từng đặt chân vào chùa, chưa từng nhìn thấy chuông chùa lớn cỡ nào nhưng tiếng chuông chùa âm vang khi chiều xuống sẽ luôn là một âm thanh rất quen thuộc. Nhiều khi tiếng chuông chùa âm vang còn trở thành tín hiệu riêng của những đứa trẻ hẹn nhau thả diều, đá bóng, chơi ô ăn quan, nhảy dây... sau khi đã học xong bài và giúp bố mẹ làm việc nhà. Tiếng chuông chùa ngân nga mỗi ngày không chỉ là điểm nhấn âm thanh của làng quê yên bình mà đã trở thành nét văn hoá thân thuộc đối với mỗi người dân ở làng quê đồng bằng Bắc Bộ.

Nhưng nếu ai đã một lần may mắn được đặt chân đến Trường Sa thì tiếng chuông chùa còn là một âm thanh thật đặc biệt. Đặc biệt vì tiếng chuông chùa ở Trường Sa còn hoà quyện, cộng hưởng với âm thanh của tiếng sóng vỗ rì rào, với gió

biển càng làm cho tiếng chuông âm vang hơn, thiêng liêng hơn. Những mệt mỏi bỗng chốc tan biến khi từng tiếng chuông chùa ngân vang. Một cảm giác thân thuộc và gần gũi.

Từ bao đời nay, ngôi chùa luôn trở thành điểm tựa tâm linh trong cuộc sống mưu sinh, chống chọi với thiên tai, địch hoạ của người Việt. Chùa còn là nơi người Việt gửi gắm khát vọng an yên, nơi mọi người đến nương nhờ đức Phật để tìm chút bình an trong cuộc sống, cầu mong hạnh phúc cho gia đình. Đặt chân đến một số đảo ở Trường Sa, tôi càng hiểu hơn ý nghĩa của câu: Ở đâu có người Việt sinh sống, ở đó có văn hoá tâm linh. Ở đâu có dấu chân của người Việt, ở đó có chùa. Qua tìm hiểu tôi được biết, hình ảnh ngôi chùa ở Trường Sa từ lâu đã luôn là chỗ dựa tinh thần vững chắc cho bà con nơi biển, đảo xa xôi và có ý nghĩa thiêng liêng với mỗi người sinh sống, thực hiện nhiệm vụ ở các đảo. Mọi người đến chùa cũng là hướng

về cội nguồn dân tộc, hướng về đất liền và cầu mong sóng yên, biển lặng, may mắn, an lành...

Trở về với lịch sử, từ thời các chúa Nguyễn và vương triều Nguyễn, khi tổ chức đội Hoàng Sa, Bắc Hải đi khai thác hải sản, sản vật ở Hoàng Sa, Trường Sa và đo đạc thuỷ trình, vẽ bản đồ, cắm mốc... các chúa Nguyễn đã cho dựng miếu để thờ thần, dựng chùa để thờ Phật, trồng cây để dễ nhận ra đảo và tránh tai nạn. Từ những chuyến hải trình đầy bão tố khai thác hải sản, sản vật ấy, ông cha ta qua nhiều đời đã dựng chùa, miếu, tạo lập nơi linh thiêng để cầu cho sóng yên bể lặng, mưu sinh bình an. Theo thời gian, những ngôi chùa, miếu nhỏ được dựng đã bị bão tố, phong ba của biển cả tàn phá, chỉ để lại những dấu tích là những ngôi miếu nhỏ, tấm bia, tảng đá cổ do ngư dân Việt đã tạo dựng. Nhưng cho dù thời gian, thiên nhiên có tàn phá, ý thức giữ gìn truyền thống của người Việt vẫn luôn được trao truyền. Để giờ đây, từ những dấu tích còn lại ấy, người Việt đã dựng lại những ngôi chùa uy nghiêm, những cột mốc tâm linh giữa biển khơi. Cho đến thời điểm hiện tại, huyện đảo Trường Sa có 9 ngôi chùa đã được tôn tạo và dựng lại theo kiểu kiến trúc thuần Việt, gồm: Song Tử Tây, Nam Yết, Sơn Ca, Sinh Tồn, Sinh Tồn Đông, Đá Tây A, Phan Vinh, Trường Sa Đông, Trường Sa.

Chùa ở Trường Sa không có kính, rêu phong, ẩn hiện dưới những tán đa cổ thụ, những hàng rào bao quanh giữa khung cảnh làng quê thanh bình như ở đất liền. Nhưng giữa bốn bề mênh mông sóng vỗ,

những ngôi chùa ở Trường Sa vẫn luôn là một công trình kiến trúc mang dấu ấn riêng của người Việt. Mặc dù quỹ đất trên đảo rất hạn hẹp nhưng chính quyền huyện đảo Trường Sa và các xã đảo vẫn dành cho các ngôi chùa không gian trang trọng nhất. Các ngôi chùa đều có đủ tam quan, sân chùa, gác chuông, nhà chính điện, nhà tiền đường với mái nghiêng, lợp ngói và đầu đao cong vút. Các hoạ tiết, hoa văn trang trí mái, cột, bậc tam cấp đều đục trạm trở hình hoa sen, hoa cúc, hình rồng, mây... Và điều rất đặc biệt là hệ thống tên chùa, văn bia, hoành phi, câu đối, các bức đại tự đều được sơn son thếp vàng và được thể hiện bằng tiếng Việt. Đó chính là sự khẳng định tinh thần tự tôn dân tộc, khẳng định chủ quyền thiêng liêng và nét văn hoá của người Việt.

Khi bước vào không gian văn hoá của chùa Sinh Tồn Đông, Đá Tây A, Trường Sa, nhìn những chiến sĩ hải quân chăm chút từng chậu hoa, cây cảnh, quét dọn không gian nhà chùa, cùng với nhà sư trụ trì chùa nâng niu từng nén nhang thơm cho các đại biểu, kính cẩn nghiêng mình trước đức Phật và các vị thần, các anh hùng liệt sĩ đã hy sinh để bảo vệ chủ quyền biển đảo thiêng liêng... trong tôi một cảm giác bình yên đến lạ. Khoảng cách giữa thế giới tâm linh và thế giới trần tục như được rút ngắn lại. Sự gắn kết giữa con người với con người cũng vì thế mà không còn phân biệt địa vị, nghề nghiệp, giàu nghèo nữa. Tất cả mọi người đều chung một lòng biết ơn, chung một niềm tự hào về giang sơn gấm vóc, chung một trách nhiệm giữ vững

và bảo vệ chủ quyền của cha ông và chung một khát vọng xây dựng, phát triển đất nước ngày càng giàu mạnh, hùng cường.

Ngôi chùa ở Trường Sa đã trở thành một phần không thể thiếu trong đời sống văn hoá tâm linh của các ngư dân trên biển, là nơi để những ngư dân đến tránh trú bão, là điểm tựa tinh thần giữa biển khơi. Tiếng chuông chùa không chỉ gắn kết mọi người với đảo mà còn giúp mọi người giữ vững niềm tin, yên tâm lao động, huấn luyện, công tác nơi đầu sóng ngọn gió, để giữ gìn và bảo vệ vững chắc biển, đảo. Cùng với các thiết chế văn hoá được tạo dựng ở huyện đảo Trường Sa, một niềm tin chắc chắn trong tôi về sự trường tồn của văn hoá dân tộc sẽ là mãi mãi. Bởi mỗi suy nghĩ, mỗi việc làm, mỗi công trình đều được khởi nguồn từ ý thức về chủ quyền thiêng liêng và khẳng định bản sắc văn hoá riêng. Chùa ở Trường Sa sẽ mãi là những cột mốc tâm linh vững chãi, hiên ngang giữa biển khơi, góp phần quan trọng khẳng định chủ quyền và giữ gìn biển đảo thiêng liêng của Tổ quốc./.

NGÔ TRỌNG NGHĨA

Thương lắm Trường Sa ơi!

Đêm nghe Trường Sa hát
Lời yêu thương ngọt ngào
Trăng mở lòng thả nhạc
Nghìn ánh vàng xôn xao
Đáy đảo chìm, đảo nổi
Đáy Nam Yết, Sơn Ca
Hồn thiêng xưa mãi gọi
Giữ yên bình Trường Sa
Trường Sa ơi, thương lắm!
Vùng đảo khơi hiền hòa
Tự nơi lòng sâu thẳm
Trường Sa, tình không xa!
Thương lính đảo ngày đêm
Vững niềm tin giữ đảo
Giữ bằng cả trái tim
Nụ cười xanh màu áo
Trường Sa là máu thịt
Tổ quốc ơi, mẹ hiền
Hãy chung tay gìn giữ
Vùng biển trời thiêng liêng./.



KHÔNG CHỈ LÀ

Nhà thơ

HOÀNG GIÁ

Đó là tôi muốn nói về Nguyễn Anh Thuận - Hội viên Hội Nhà văn Việt Nam - chuyên ngành thơ thì đương nhiên phải là nhà thơ. Nhưng tôi muốn đem đến cho các bạn một sự bất ngờ, một điều khẳng định: Nguyễn Anh Thuận (NAT) không chỉ là nhà thơ mà còn là một nhà văn, viết văn xuôi khá chắc tay và đầy nhiệt huyết.

Chuyện là thế này: Năm 2016, in xong tập tiểu thuyết “**Làng Ba Họ**” tôi đem tặng anh. NAT cảm động lắm, cứ lật đi, lật lại, lúc đêm chiêu, lúc rạng ngời, bảo:

- Cảm quyển sách dày dặn, bệ thế thế này bỗng thấy thèm quá. Liệu em có viết được tiểu thuyết không?

- Sao không?

- Vậy thì em sẽ viết. Mà sẽ là tiểu thuyết đích thực.

Khoảng cuối năm, Thuận điện cho tôi báo tin đã viết được bốn chương. Tôi reo lên, mừng cho bạn, mừng cho đội ngũ tiểu thuyết Bắc Ninh thêm một thành viên mới. Nhưng rồi, cả năm 2017 ngóng đợi

mãi mà không thấy động tĩnh gì. Nóng ruột, tôi điện thoại:

- A lô... Thế cái tiểu thuyết về cuộc đời cô bé cắt cỏ bờ sông Cầu viết tới đâu rồi?

- Tắc quá anh ạ! Có viết mới thấy mấy ông viết tiểu thuyết kiên trì và gian khổ thật. Có lẽ em phải xếp lại để làm cái khác cần hơn, hợp với em hơn. Nhưng em không từ bỏ đâu ông anh ạ. Em sẽ viết văn xuôi. Văn xuôi đích thực.

Lại đích thực. Thất vọng. Tôi tắt máy.

Bẵng đi, cho tới cuối năm 2020, Thuận điện cho tôi, bảo là sẽ in hai tập văn xuôi. Tôi khe khẽ chúc mừng, rồi quên luôn.

Mấy tháng sau, có việc lên Bắc Ninh, tình cờ gặp Thuận. Thuận mừng lắm, bảo định xuống dưới bác, lại sợ cái Covid tai quái. Tiện đây tặng bác hai tập sách văn xuôi Nhà xuất bản Hội Nhà văn mới in.

Trước đó tôi có đọc một số bài bình những bài thơ hay của các nhà thơ lớn Thuận đăng trên các báo. Tôi thấy văn

Thuần hoạt, liên tưởng logic, chịu khám phá, văn chương dí dỏm... Tôi biết NAT có tài nhưng cho rằng chỉ là cảm xúc bất chợt, làm thơ thì hay chứ những người như thế thường là không đủ kiên nhẫn mà mài bút như mấy ông văn xuôi. Vì thế cầm trên tay hai tập văn xuôi của NAT tôi thực sự mừng và xúc động. Hai tập có hai cái tên rất gọi. Một tập là **“Sự kỳ diệu của cái đẹp”** bìa có vân dọc, màu vàng như gỗ vàng tâm. Rất sang trọng. Một tập là: **“Bờ sông vẫn đầy gió”**, màu xanh, không có gì đáng nói.

Đêm ấy, tôi chọn tập gỗ vàng tâm đọc trước. Sách có 217 trang, 47 bài, bình 45 bài thơ của 39 tác giả, bao gồm những nhà thơ lớn như Nguyễn Đình Thi, Hữu Thỉnh, Lò Ngân Sủn, Lê Khánh Mai, Nguyễn Phan Hách... Những nhà thơ trong tình như Giáp Đình Chiến, Thái Khoát, Nguyễn Khắc Đàm, Nguyễn Ngọc Ly... Có cả những người rất ít làm thơ như nhà nghiên cứu Mỹ thuật Nguyễn Lương Ngọc... Đặc biệt, anh bình cả những bài thơ của những tác giả Câu lạc bộ chưa từng ai biết như Nguyễn Đức San, Nhuận Thổ...

Thơ của các nhà thơ lớn, kể cả các nhà thơ trong tình mà NAT đã chọn, bình thì tất nhiên là hay rồi. Cái giới của NAT là tìm ra những ẩn ý, những góc khuất mà tôi cam đoan rằng chưa chắc tác giả nào cũng hiểu hết ý tứ của chính thơ mình. Đọc những lời bình của NAT, người ta luôn bất ngờ, luôn bật ra cái từ “À...à”, “thế đấy” để rồi tấm tắc ngợi khen.

Nhưng khen NAT bình thơ hay thì khác gì khen sông dài, biển rộng. Cái mà tôi ngạc nhiên là có những bài thơ, tôi

(cũng vọc vạch làm thơ) chẳng thấy có gì là hay, thậm chí còn rất dở, thế mà NAT vẫn khen. Bực lắm, nhưng mà phải tâm phục, khẩu phục.

Xin đơn cử bài “Bồng dung... tôi chẳng giật mình” bình bài thơ “Bồng dung” của một tác giả bây giờ tôi mới nghe tên. Xin được chép lại bài thơ:

*Bồng dung trời đổ mưa đông
Bồng dung nước lũ tràn về trắng sông...
Bồng dung em đi lấy chồng
Bồng dung tôi lại hóa thành người dung...
Bồng dung... tôi chẳng giật mình
Trước sau, thiên hạ bao điều bồng dung...*

Trời đất! Thơ với chả thần. Hai câu đầu và cả hai câu còn lại đều mất vần. Lục bát mà mất vần thì khác gì hai thằng ngọng chửi nhau. Thế mà NAT lại chỉ ra những cái hay (không thể chối cãi), cái hợp lý, cái cao tay đầy trải nghiệm của tác giả. Đọc hết bài bình của NAT, tôi bỗng nổi hứng, vỗ đùi kêu to:

*Bồng dung... dở hóa thành hay
Nhà thơ biến ảo thế này mới... kinh!...*

Đêm sau, tôi sờ tới tập màu xanh. Tập này dày hơn, có 34 bài, trong đó 24 bài bình các tập thơ, bài thơ, một bài bình văn, hai tản văn, một tùy bút và sáu bài không thể loại. Theo tôi cả chín bài này đều thuộc dạng tạp văn, cùng lắm là nâng thành tùy bút.

Cũng giống như **“Sự kỳ diệu của cái đẹp”** 24 bài bình vẫn giữ được sự phát hiện, sự cảm thông và cái nhìn nhân văn với những gì mà bạn thơ còn khiêm khuyết. Đặc biệt NAT có những nhận xét rất hay về tập truyện ngắn **“Ánh đèn bên nhà hàng xóm”** của nhà văn Đỗ Công

Tiềm - nhà văn của sự lương thiện đứng như tiêu đề bài viết “Những trang văn nồng ấm tình người”.

Tôi muốn dành những dòng cuối của bài viết này cho chín bài tập văn cuối sách. Với chín bài này tôi nghĩ NAT xứng đáng có tên trong đội ngũ những người viết văn xuôi trong tình.

Trước hết xin bàn tới cách chọn tiêu đề. Tiêu đề một cuốn sách (một bài văn) cực kỳ quan trọng. Nó vừa phải phản ánh đúng nội dung, vừa phải có sức gợi, tạo cảm hứng, gây sự tò mò. Tôi đoán chắc những ai có chút máu văn chương sẽ không thể làm ngơ trước những cuốn sách có những cái tên như **“Thăm thăm bóng người”**, **“Tản mạn trước đèn”** của Đỗ Chu, **“Khúc đồng dao lấm láp”**, **“Dòng sông thời con gái”** của vợ chồng nhà văn Hoàng Phương Nhâm. Khi đặt tên **“Sương khói Dâm Đàm”**, **“Bóng xưa bằng lăng”** cho hai cuốn tiểu thuyết của mình là tôi học Đỗ Chu đấy chứ... Còn NAT có bảy tập thơ thì bốn tập tiêu đề bốn chữ, ba tập tiêu đề năm chữ. Đều rất gợi. Nếu trước mắt bạn là cuốn **“Sự kỳ diệu của cái đẹp”** tôi đoán bạn có thể quay mặt đi. Nhưng thôi, vấn đề này sẽ bàn vào một dịp khác. Xin được quay lại với chín bài tập văn với những tiêu đề **“Nỗi khát khao thành phố”**, **“Một vòm xanh thiết tha”**, **“Bờ sông vẫn đầy gió”**, **“Long đong hàng xóm”**... Rõ ràng NAT cũng như tôi bị cái ông nhà văn râu ba chòm ám ảnh. Ám ảnh mà không xấu. Ngược lại lại rất tốt. Rất gợi, đầy lãng mạn và do đó... rất hay.

Thứ hai: Về đề tài. Khá đa dạng. Từ quá khứ đến hiện tại. Từ vi mô đến vĩ mô.

Từ công việc hàng ngày đến nội tâm của cả một lớp người... NAT có cái nhìn sắc sảo, tế nhị và nhân hậu. Nỗi long đong của nghề hàng xóm, nỗi vất vả của những cô cậu thí sinh, nỗi khát khao được làm người thành phố... được tác giả thấu hiểu, đồng cảm và hướng về phía trước.

Văn phong của NAT tròn trịa, dễ hiểu, nhưng không vì thế mà không có những câu văn hay, những đoạn văn hay. Ví dụ: Kể lại tuổi thơ của mình, NAT viết “Tuổi thơ tôi xao xác gió sông Cầu, ù ù tiếng xay lúa, thập thình tiếng gạo giã trong đêm. Nghe buồn mà thương mền biết bao!”. Nói về màu xanh của vòm cây sấu, NAT tả “Trong khi hai hàng cây bên đường đều trơ trụi lá, khẳng khiu và run rẩy... thì cái vòm xanh hiem hiem, kiêu hãnh này lại làm lòng ông ấm lại” và rút ra kết luận “Hóa ra sự khốc liệt của mùa đông không thể tàn phá tất cả, dù là một chiếc lá xanh”. Cũng vậy, viết về Hà Nội “Một nghìn năm sau, Đại La - Thăng Long - Hà Nội đã là một kinh đô rộng lớn, hoành tráng với trập trùng cao ốc, những đại lộ thênh thang gió thổi, những cây cầu như chỉ có trong mơ...”.

Đấy... Nhiều, rất nhiều những câu văn hay, có tầm khái quát như thế. Đương nhiên, một nhà thơ chuyên nghiệp, thường chỉ quen viết ngắn, tốc ký những khi cảm xúc thăng hoa mà phải ngồi lỳ viết đi, viết lại hàng mấy vạn chữ thì quả là cực hình, không thể không có vài phân sai sót. Cái chính là NAT đã làm được điều mình mong muốn, đã có hơn một cuốn sách “dày dặn, bề thế”, gây được tiếng vang trên diễn đàn văn học, nhất là thể loại văn xuôi.

Xin chúc mừng nhà thơ!

NHÀ VĂN THƯƠNG BINH

DUY ĐẮC

Tôi háo hức tìm đến ông - hội viên hội VHNT Bắc Ninh - Cựu chiến binh, nhà văn Nguyễn Hữu sau khi tôi đọc xong cuốn tiểu thuyết dày 500 trang của ông. Nhà văn Nguyễn Hữu sinh năm 1942 ở khu Đại Tự, phường Thanh Khương, thị xã Thuận Thành. Ông sống nội tâm kín tính một phần cũng do vết thương chiến tranh để lại, rồi những lần gặp nhau đều hơn cuộc đời của một nhà văn thương binh dần dần hé mở.

Ông kể năm ấy khoảng tháng 10/1965 đang học trung cấp lâm nghiệp Hà Bắc, nghe theo tiếng gọi của Đảng, của Bác Hồ "Quyết đập tan mọi âm mưu thù đoạn leo thang phá hoại của bọn xâm lược Mỹ", ông đã viết đơn tình nguyện lên đường nhập ngũ, mặc dù khi đó gia đình



ông là đối tượng được ưu tiên (một mẹ già, một con). Với tâm huyết và nghị lực của một đoàn viên thanh niên không chùn bước trước khó khăn gian khổ, là xạ thủ số 3 pháo cao xạ 37 ly (d74, e285), ông luôn hoàn thành xuất sắc mọi nhiệm vụ, tham gia nhiều trận đánh quyết liệt quần nhau với lũ giặc trời bão vệ thành phố Hoa Phượng Đỏ. Và rồi cuối năm 1967,

trong một trận quyết chiến ác liệt, ông đã bị thương xẹp đốt sống L5 làm tê liệt cả hai chân, mất 55% sức khỏe. Sau thời gian ở trại an dưỡng điều trị, hơn một năm sau ông xin xuất ngũ trở về để được sống trong vòng tay ấm áp của gia đình và quê hương. Thế là bao ước mơ khát vọng trở thành nhà văn từ khi ngồi trên ghế nhà trường nay bỗng tiêu tan vì muốn thành công là phải có sức khỏe. Nhưng với nghị lực của người lính "bộ đội Cụ Hồ" cùng với lời dạy của Người "Thương binh tàn nhưng không phế", trong tình thương yêu của gia đình của làng xóm càng thôi thúc ông phải vượt lên ý chí. Ông bắt đầu tập ngồi dậy, tập men tập đứng rồi tập đi từng bước từng bước một. Lúc đầu phải đu vào dây thừng để ngồi dậy sau bám vào nạng gỗ, mỗi lần nhấc chân lên là hai bên hông lại tê buốt tận xương tủy và cuối cùng ông đã tự đi lại không cần đến nạng gỗ nữa. Vốn là người ham sách ông lao vào đọc và tập viết văn. Ông bộc bạch: sách với tôi luôn là bạn đồng hành, nếu không có sách chắc có lẽ mình cũng đành buông xuôi mặc số phận. Câu chuyện học theo lời Bác mà ông vẫn thường kể với chúng tôi về ý chí, nghị lực của Người những năm tháng Bác ở Pắc Pó (Cao Bằng) lần ấy Bác bị lên cơn sốt rất cao, khi anh cảnh vệ mang cơm vào cho Bác thì thấy Bác cứ vòng tay ôm chặt cột nhà. Thấy lạ, anh hỏi Bác và được Bác cho biết nếu sốt mà nằm lỳ là dễ bị truy tìm mạch, dù mệt mỏi đến đâu cũng cố ngồi dậy.

Với lòng ham mê học hỏi cùng tính cầu thị, ông miệt mài với những bài viết như tập làm thơ, viết truyện, sáng tác kịch bản sân khấu... Lúc đó thấy hoàn cảnh

gia đình ông khó khăn cộng với nghị lực, năng khiếu của ông, UBND đã vận động ông tham gia làm Phó ban Thông tin xã. Với những bản tin, những kịch bản sân khấu ngắn đi biểu diễn ở huyện, tỉnh được rất nhiều khen thưởng, bốn năm liền ông đạt danh hiệu Chiến sỹ thi đua. Với vốn kiến thức tích lũy ông lần lượt cho ra đời nhiều tác phẩm có giá trị như *"Đấu thiên Luy Lâu"*, *"Chùa Dâu lịch sử và truyền thuyết"*, *"Hoa Lan Quận"* rồi "Sáng mãi niềm tin" viết về gương sáng CCB được hội CCB phường Thanh Khương cũng như hội CCB thị xã Thuận thành đánh giá rất cao. Và hơn thế nữa là các tiểu thuyết như: *"Cõi thực"*, *"Tình hoang vắng"*, *"Sóng gió làng quê"*. Tiểu thuyết *"Cõi thực"* được trao hai giải B cùng một lúc (không có giải A) trong đợt thi tiểu thuyết của Hội Nhà văn Việt Nam và Liên hiệp các Hội VHNT Việt Nam năm 1999 - 2000. Ông còn được rất nhiều giải thưởng khác về sáng tác kịch bản sân khấu chèo, thơ người tàn tật của Ty Văn hoá Hà Bắc...

Với thành tích xây dựng và đóng góp cho cho hoạt động VHNT, ông đã được tặng Huy chương "Vì sự nghiệp Văn học Nghệ thuật" của Liên hiệp các Hội VHNT Việt Nam. Hiện nay tuy tuổi cao nhưng ông luôn là cánh chim bay không biết mỏi, những tác phẩm được nhiều độc giả đón nhận. Với đời, ông luôn giữ gìn bản chất người lính "Bộ đội Cụ Hồ" thương binh tàn nhưng không phế, sáng mãi niềm tin của người CCB Việt Nam như cuốn sách mà ông đã viết./.

ĐÊM NAY TRĂNG MUỘN

VŨ THẾ THỰC

Một nhân viên bưu điện giao giấy mời còn yêu cầu ông ký là đã nhận. Chuyện gì quan trọng rồi, đọc xong ông xúc động bồi hồi.

Tua ngược thời gian, ông Lê Văn Dưỡng qua đời khi ông Tâm đang làm cán bộ Thương binh xã hội xã. Mười năm sau ông mới nghỉ hưu, nay đã về hưu được 10 năm, vị trí ông ấy đã 20 năm rồi cõi tạm. Hai mươi năm, hồ sơ đề nghị suy tôn liệt sĩ cho ông đã bị lãng quên giờ tái xét vậy phải có chủ trương hay sự tiếp sức phi thường nào chứ, đến Thiếu tướng lãnh đạo quân khu còn chịu kia mà... đời người chả khác chi con đường, khi thẳng, khi cong khi khúc khuỷu lại còn muôn vàn lối nhỏ thông vào ở hai bên, qua đâu biết đó không thể mang kinh nghiệm của lối này áp dụng thành công vào lối khác được.

Nghe tin hồ sơ suy tôn liệt sĩ của thương binh Lê Văn Dưỡng được xem xét vào đợt 27/7 năm nay mà cả xã Phú Dư vui mừng, riêng ông Tâm vừa vui vẻ tin tưởng còn phảng phất nổi bức xúc hoài nghi.

Thương binh Lê Văn Dưỡng loại 1/4, tỷ lệ thương tật 81 phần trăm, chết tại bệnh viện đa khoa huyện do tái phát thương tật. Đối chiếu quy định, đối chiếu hồ sơ gốc ông hoàn toàn đủ điều kiện suy tôn là liệt sĩ. Song, hướng đi của chân lý đã vào lối cụt do những ý kiến rất mù mờ khó hiểu.

Huyện Đồng Lư có 27 xã và một thị trấn, cả huyện có 35 thương binh nặng thì xã Phú Dư có 4 người. Thời ấy (vào những năm 1970-1990) đất đai tài sản gom lại, lao động tập chung, ăn chia phân phối, thiếu máy móc, thiếu giống vốn kinh nghiệm, cơ sở hạ tầng bằng không mà làm ăn tập trung

hèn chi chả thiếu thôn đói rách tùm lum. Thương binh có bốn hạng, thương binh tỷ lệ thương tật 81 % trở lên gọi là thương binh hạng 1, được chăm sóc ở trại nuôi dưỡng thương binh, ai muốn về sống với gia đình ngoài nhận được trợ cấp cho bản thân còn thêm một xuất lương cho người chăm nuôi, cả bốn thương binh nặng xã Phú Dư đều xin về với gia đình. Thời buổi khó khăn, cả bốn gia đình cửa nhà xiêu vẹo, ông Vũ Thiết Qué bị thương cột sống dẫn đến hai chân cứng đờ bốn mùa nằm liệt. Ông Vũ Duy Tường mất hai mắt dò dẫm đi được, ông Nguyễn Hữu Lan mất sức 91%, mù hai mắt lại mất hai xương vè, sức ép không làm gì được nhưng có thể ngồi sau xe máy được, ông Lê Văn Dưỡng tỷ lệ thương tật 81%, thị lực kém, chân phải cụt ngang đùi. Tay trái gãy hai khúc, khúc cánh tay khúc đòn tay lúc nào cũng khuỳnh vuông góc nhưng còn cầm bát được, lắp chân giả chống nặng lọc cọc đi lại được, chân cụt nhưng hay đi nên bà con gọi yêu là Dưỡng Cụt làm tổ trưởng tổ thương binh nặng, được cấp cái xe lăn ba bánh, có cần lái và một cần kéo cho nó lăn đi. Ông đã tập kỹ trong sân vậ mà mới ra đường đã tòm xuống mương sâu phải huy động gần chục người chạt vật mới trục lên được. Từ đấy ông có thêm cái tên rất dễ thương Dưỡng Nhảy Dù. Đã mấy lần ông lên xã xin hỗ trợ sửa nhà sợ nó sập vào mùa mưa bão. Xã của ông là xã anh hùng, qua ba cuộc chiến tranh xã có 186 liệt sĩ, 85 thương bệnh binh, 3 mẹ Việt Nam anh hùng, cán bộ lão thành, cán bộ tiền khởi nghĩa có 4 người, người bị địch bắt và tù đầy 13, người bị nhiễm chất

độc da cam 12... những đối tượng này được Nhà nước trợ cấp hàng tháng theo quy định thì địa phương phải lo thăm hỏi động viên khi ốm đau, một số hộ thiếu nhân lực phải huy động hội đồng phụ nữ, đoàn thanh niên lao động giúp. Thời buổi kinh tế quá khó khăn muốn quan tâm cũng không có. Đề nghị không được, ông Dưỡng cho vợ con ra đi chặt tre phòng hộ về làm nhà bị xã mời ra làm việc. Ông ra đập chân gỗ lên bàn Chủ tịch, quát tháo rồi bỏ về. Hai hôm sau ông Tâm cùng đồng chí Bí thư đảng ủy xã vào nhà, đồng chí Bí thư nhỏ nhẹ:

- Chúng em đã nhận được đơn xin hỗ trợ sửa nhà không chỉ một đơn của bác mà cả mấy cụ thương binh chống Pháp, của mấy hộ liệt sĩ nữa, chúng em cũng đã tính, phải chờ cho phi lao bạch đàn cứng thêm vài năm nữa cho hạ đi giúp đối tượng sửa nhà giờ còn non quá, nay bác cho người xuống chặt tre phòng hộ để chống bão lũ, huyện về quả trách chúng em. Bác có thương bọn em không? Toàn



bộ cán bộ xã ta đều đã trải qua đời lính cả đấy, bác xem này...

Bí thư kéo áo lên một vết mỗ dài ngang bụng:

- Em bị thương trong trận giải phóng Tà Con đó, ruột lòi hết ra ngoài, giờ chính em cũng không thể trả lời tại sao em không chết? Xã có tám ngàn khẩu mà hơn ba trăm đối tượng thương binh liệt sĩ chúng em vất vả lắm, bác Tâm đây có tâm lắm mới hoàn thành nhiệm vụ nay bác làm như vậy chả ai kỷ luật bác cả mà kỷ luật chúng em. Chúng em biết nói với các đối tượng trong xã thế nào? Nếu thêm một vài người làm theo bác thì chúng em bị kỷ luật hết!

Mặt ông Dưỡng đang đỏ au chuyển vàng ệch và tái mét. Ông khóc. Khóc cực thân. Ông xua tay: “Thôi. Các chú về đi. Anh biết lỗi rồi!” Chiều ấy ông cho vợ con chở toàn bộ số tre đã chặt ra sân ủy ban còn mua 10 cân lân ra bón các khóm tre mà vợ con ông vừa chặt. Ông bảo: “Tôi mang trả để nêu kỷ cương, cho các chú dễ làm việc.”

Hôm sau, ông Chủ tịch Ủy ban cùng ông Tâm đi gặp lãnh đạo phòng Lao động Thương binh và Xã hội huyện. Nghe chuyện, ông trưởng phòng động viên và chia sẻ:

- Thương binh là liệt sĩ sống, cả xã hội phải chăm lo, các ông động viên họ chứ huyện lúc nào cũng lo đi xin từng cân gạo, mét vải hỗ trợ thương binh, chậm gạo chậm tiền họ xuống đây thúc giục, mắng mỏ chúng tôi cũng chỉ biết có động viên chờ đợi chứ biết làm sao được...

Sau lần ông Dưỡng bị trục vớt ông ngồi lỳ, chỗ mỗ cụt ở đùi hay co giật và sốt mỗi lần như vậy phải ra trạm xá xã điều

trị. Nhà ông áp với tường của trạm y tế xã nên thấy khó chịu là ông ra chứ không chịu đi điều trị tuyến trên, rất sợ đi điều dưỡng vì ông luôn bảo không đâu bằng nhà mình. Nhà ông có con lợn thầu đang lớn phải bán vì gạo không còn cám đâu để nuôi lợn. Thịt thật là ông Phong thương binh đi hai chân giả, một mắt giả, tỷ lệ thương tật còn cao hơn cả ông Dưỡng mấy phần trăm. Phong còn bố mẹ già, ba con nhỏ phải xoay nghề mổ lợn để nuôi gia đình. Chuyện của hắn như trong cổ tích, có lần bắt lợn bị lợn đập ngã lăn hai chân giả văng mỗi chỗ một cái, nhặt lấp vào lại chiến tiếp. Mỗi sáng làm một con. Thịt xong hắn lái, vợ ôm lợn phía sau, bên tiết bên lòng chở về pha chế. Lần ấy sáng sớm mù sương, ngược chiều là chiếc xe ô tô. Cả hai bên đi chậm nhưng đường hẹp, chiếc ô tô vẫn quẹt vào hai chân con lợn chia ra làm xe Phong đổ, vợ văng một chỗ, lợn văng một chỗ, sô tiết lợn đổ ập vào người. Tay lái dừng xe chạy tới nhìn người bị nạn cụt cả hai chân, toàn thân đầm máu thì hú lên ngất lịm. Người đi đường dòn đến cũng hú vía! Họ giúp người vợ đưa hàng về bán rồi đưa cả hai đi cấp cứu. Khi các nhân viên bệnh viện làm vệ sinh sạch sẽ cho Phong, anh mới hỏi hai chân của anh đâu, bệnh viện mới cử người nhặt về còn tay lái xe vốn sợ máu, nhìn máu me be boét là ngất. Vụ ấy làm chấn động tư duy của ông Dưỡng, nhìn vợ chồng Phong cụt bắt lợn, chọc tiết, cạo lông tuôn lòng, ông Dưỡng rất khâm phục, khi mà cả xã hội cùng khó như nhau nếu không tự cứu thì ai mang an vui đến cho mình? Từ đấy ông Dưỡng khác, ít đòi hỏi chê trách mà tự lực nhiều hơn. Một buổi

trưa tháng Bảy, nắng chang chang, nóng như đốt, trong căn nhà không điều hòa, giấc ngủ trưa nhọc nhằn, khi ông chợp mắt có cụ già dáng dấp như tiên đưa mình đi lên núi tìm thuốc quý, dạy cho cách nấu cao dược liệu rồi chào thăng lên mây. Ông nhìn theo xúc động vô chùng mới chấp hai tay kính cẩn: “Con cảm ơn thầy” thì tỉnh giấc. Tỉnh giấc mà mọi cử chỉ lời nói cái vạc nấu cao, cách đập vỡ xương, cao tủy dùng nứa già đánh bóng, nấu đổ nước đầu cho hết chất đậm trong xương cứ như in trước mặt. Ông tin đó là khóa học thật sự mà thượng đế dành cho riêng mình. Ông quay về trại điều dưỡng thương binh mở lò nấu cao ngựa, cao ích mẫu. Các thương binh ở trại đang buồn chán được tận mắt chứng kiến, được uống tiết ngựa, ăn lòng thịt ngựa. Uống rượu cao cháy đáy xoong quả là một dịp vui như hội. Cao ích mẫu bổ dưỡng cho các bà, cao ngựa khỏe cho các ông. Cao nguyên chất mà giá thành rẻ ai cũng thích. Ông Dưỡng, ông Phong đã thành hai tấm gương tàn không phế, được đi dự hội nghị của huyện của tỉnh cả của Trung ương. Người ta nhìn vợ con ông Dưỡng béo đẹp hơn xưa, bà lại sinh được con trai nói dối ông hãnh diện lắm. Mỗi lần nấu cao ông đều mời ông Tâm xuống ăn cháy xoong rất thơm và béo, rồi đổ rượu vào ngâm và đun lên cho chất cao bám xung quanh nồi tan ra mời cả xóm thưởng thức rất vui vẻ hả hê.

Tiếng lành đồn xa, có người đồng đội với ông đến thăm, xin đổi bè xoan ngâm, tre ngâm lấy cao vợ chồng bồi dưỡng. Ông đã sửa được nhà. Nhà ông bây giờ rất vui vì thường có khách. Có cả ông

cán bộ Sở Thương binh Xã hội lần nào về huyện cũng ghé qua chơi còn dặn nếu có khó khăn gì cứ bảo ông ấy giúp. Ông Dưỡng hãnh diện lắm. Một vị tướng quê Bắc Giang mua về quê con ngựa bạch cho xe mời đón ông đi nấu cao giúp. Ông vui sướng tràn trề giục bà chuẩn bị hành lý đồ nấu cùng đi. Cuộc nấu cao cho tướng rất vui vẻ. Khi mẻ cao đổ ra, bạn của tướng về đông. Nhìn mọi người hân hoan vui vẻ ông sung sướng vô cùng, ông không thể ngờ cuộc sống lại mến thương đến thế. Hứng lên, ông cộc cộc chân gỗ đi bắt tay chào đón từng người. Vô tình trượt chân, cái chân gỗ văng ra, ông ngã, mỏm cụt đập vào thành tường tóe máu, cánh tay thương tật đập mạnh xuống sân đau điếng người. Người xô lại nâng ông dậy, đưa ông ngay ra bệnh xá. Nằm ở trạm xá xa lạ ông buồn mới bảo vợ xin tướng cho vợ chồng ông về quê cho tiện chăm sóc. Xe đưa ông về, mọi việc đều nhẹ nhõm bình thường. Ông ngủ ngon, gằn sáng, sốt nhẹ, gáy cứng, buồn nôn, vợ ông cho uống thuốc hạ sốt, đến sáu giờ sáng bà bế ông lên xe lăn đưa ra trạm y tế xã. Tại chỗ vết thương có sung, chỗ thịt rách còn rỉ máu, thần thái ông khá tốt. Qua cương đến nhược, đau sốt tăng dần. Sang ngày thứ ba, trạm trưởng thấy tiên lượng của ông xấu hơn mới gọi xe cứu thương, đến nửa đường người rục lên vừa nhập viện xong thì qua đời. Đám tang xong xuôi gia đình có đơn, xã có hồ sơ đề nghị suy tôn liệt sĩ. Phòng thương binh xã hội, Ủy ban huyện đã hoàn tất hồ sơ đề nghị suy tôn liệt sĩ Lê Văn Dưỡng.

Cản trở bắt đầu từ một người lạ xưng là người của Sở nói với vợ ông là đã xác

minh ông Dương bị tai nạn do uống rượu, chết do nhũn não gia đình phải chịu trách nhiệm... Chị Dung vợ ông vốn là người đàn bà bất hoạt, bảo sao làm vậy đã không biết hành vi điều tra lén, bắt chứng kiên đáng phải dẫn về Ủy ban nhân dân xã cho sáng tỏ thì chị lại ký vào tờ giấy hẩn viết sẵn. Khi vị khách lạ về còn dặn: “Án tại hồ sơ, bệnh án ghi kiểu ấy cho được cũng được mà bảo không được cũng được, ý gia đình thế nào cần sớm gặp trưởng phòng chính sách trên Sở”. Từ ngày ông Dương hy sinh, chị Dung ít ngủ, sống lặng lẽ và có sở đoản lạ, thích tâm sự cùng trăng, thích mùi dạ hương, thích chờ trăng lên và ngắm đêm, kể cả trăng muộn hai mươi giắc tốt hai một nửa đêm như thể căn duyên tiền định vậy. Chị mang chuyện người lạ đến nhà tâm sự cùng trăng và kể với nhiều người, ai cũng cho rằng đó là tên bán tơ vô lại mình đoàng hoàng không phải gặp ai cả. Lại có người thì lửng lơ: “Khôn cũng hỏng mà đại cũng hỏng biết thì được”. Nửa năm sau, Ủy ban huyện nhận công văn của Sở Lao động Thương binh Xã hội nội dung thế này: “Đề nghị Ủy ban nhân dân huyện cho ngành y kiểm tra xác minh xem trường hợp bệnh nhân Lê Văn Dương đến bệnh xá trong thể trạng cứng gáy buồn nôn là bệnh nhũn não hay tái phát thương tật?” Trưởng phòng Thương binh Xã hội khi ấy nay đã là Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện. Ông ấy quả quyết: “Tôi chỉ có một quan điểm không có hai, đã ký vào đơn và hồ sơ, tôi không phải trả lời, duyệt hay không là quyền của họ”. Sở thì cậy quyền nếu huyện không trả lời sở thì sở không xem xét! Thế là hai con trâu húc nhau ruồi muỗi

chết, bản thân ông Dương và gia đình ông thiệt thòi, hồ sơ kia xếp lại.

Quá bất ngờ, bao nhiêu, niềm tin lại bấy nhiêu thất vọng. Gia đình gửi đơn kêu cứu khắp nơi. Hội Thương binh nặng của huyện cũng ký đơn kiến nghị tập thể, vị Thiếu tướng cũng về thấp hương hứa sẽ có ý kiến. Đơn từ gửi đi nhiều nơi, đã có một vài đoàn về xã làm việc xong cứ dửng dăng như vậy rồi bỏ quên. Có người hỏi chị Dung sao bảo có mấy ông cán bộ Sở tốt lắm sẵn sàng giúp đỡ đâu rồi? Chuyện lo tiền đi gặp ai với chị Dung là chuyện tây thiên mịt mù chị không hiểu nhưng chị nhớ đã nấu cơm cho chồng tiếp khách khá nhiều, khách về biểu dương, viết bài, có khi mang về cho ông cái bằng khen vì ông ít khi đi dự các hội nghị, còn cái ông Trưởng phòng chính sách tên Nguyễn ấy có mũi điều hâu ăn cơm uống rượu ở đây rồi còn xin anh chị một lạng cao ngựa một lạng cao ích mẫu thì chị nhớ.

Nay đã 20 năm bỗng nhiên lại được quan tâm đúng là kỳ án? Nhận được lời mời, ông Tâm xuống thăm phòng Lao động Thương binh Xã hội huyện, lớp cán bộ ngày ấy đều đã nghỉ hưu, sở cũng vậy, chuyện là cô Lê Thị Lệ con gái thứ ba của cha Dương làm kế toán cho Công ty gạch men Đồng Tâm mà vợ ông Giám đốc Sở Lao động Thương binh và Xã hội là Chủ tịch Hội đồng quản trị. Đúng là số trời sắp đặt, kỳ án mới được mở ra xem xét lại.

Hội nghị hôm ấy có Giám đốc Sở Lao động Thương binh và Xã hội, đại diện phòng hồ sơ Sở Thương binh tỉnh, phía huyện có ông Phó Chủ tịch ủy ban huyện, có đại diện Hội đồng nhân dân, Mặt trận

Tổ quốc, phòng Lao động Thương binh xã hội, Huyện đội, Cựu chiến binh huyện, xã có đại diện Ủy ban nhân dân, cán bộ chính sách hiện tại và ông Tâm cựu cán bộ chính sách và đại diện gia đình. Sau khi đại diện sơ khái quát nội dung hội nghị. Thông qua đơn của gia đình ông Lê Văn Dưỡng, cán bộ Sở thông qua hồ sơ đề nghị suy tôn liệt sĩ Lê Văn Dưỡng. Chủ tọa yêu cầu ông Tâm nhân chứng và thành phần ký trong biên bản trình bày trước. Ông Tâm trình nói như thuộc lòng:

- Kính thưa chủ tọa hội nghị! Kính thưa các ông bà có mặt tại hội nghị quan trọng này. Sự việc xảy ra đã 20 năm, nhưng trong tôi như mới xảy ra. Tôi chốt lại là sự quan liêu cửa quyền đã làm cho mỗi chúng ta mỗi một. Từ khi còn là trưởng phòng, câu cửa miệng của ông trưởng phòng Nguyễn Minh Hùng gọi các thương binh nặng là liệt sĩ sống, ông Dưỡng qua đời ở bệnh viện mới 50 tuổi do tái phát thương tật, ông Hùng đã thay mặt phòng xác nhận hồ sơ. Rồi ông Hùng tiến lên làm Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện rồi Giám đốc Sở Công Thương, Trưởng Ban Dân vận Tỉnh ủy nay đã nghỉ hưu cũng đã bắt lặc, ông Dưỡng hy sinh khi chưa đưa con nào có gia đình, vợ ông còn sống nay bà ấy đã không còn các con ông đều đã có gia đình công lý mới trở lại hỏi còn xót xa nào hơn. May thay cho ông còn có cuộc họp mặt hôm nay, sự thật phải là sự thật. Vương mắc chi một câu rất khiên cưỡng: “Huyện cho ngành y trả lời xem cứng gáy buồn nôn là nhũn não hay tái phát vết thương?” Còn ông Hùng cũng có lỗi, sợ ký cóp trả lời sẽ ảnh hưởng tới mình chẳng mà cứ áp

úng như ngậm hạt thị khur khur quan điếm không trả lời để hồ sơ đẹp đẽ như thế phải xếp lại. Xin thưa, không có ánh sáng thì hoa không nở, thanh tra kiêu bệ ánh sáng, suy đoán cực đoan trích dẫn cắt xén cụt què là có ý đồ xấu thì chỉ có bóng tối tiêu cực thì hoa mới nở. Ông Dưỡng là thương binh cụt chân, gãy tay chỉ cần thời tiết thay đổi đã tác động toàn thân, nay bị tác động trực tiếp đúng chỗ vết thương, vết thương tái phát, tái phát dẫn đến nhiễm trùng tử vong là chết do tái phát thương tật quyền gì mà lèo sang bệnh nhũn não? Đáng trách cho một cơ quan sinh ra để bênh vực quyền lợi cho đối tượng lại lọt vào những con sâu hồng mưu lợi vô minh? May thay ánh sáng công lý đã đến, gia đình ông Dưỡng đã tìm được minh chủ mới có hội nghị hôm nay. Chia khóa công lý đã thuộc về lẽ phải, tôi may mắn và được vinh dự có mặt, được bày tỏ quan điếm là tôi cảm ơn, là tôi hạnh phúc”. Hội nghị nhanh chóng kết thúc.

Vài tháng sau. Cậu con trai ông Dưỡng đến nhà ông Tâm. Cháu hồ hởi báo cáo:

- Bố cháu đã được Bộ công nhận là liệt sĩ rồi, cháu đại diện cho các con cháu trong gia đình cảm ơn chú, kính mời chú tới dự lễ truy tặng liệt sĩ của bố cháu.

Cậu ấy vui vẻ còn ông Tâm đã không tìm được nước mắt.

- Chú cảm ơn các cháu, nhất định chú sẽ xuống thấp hương cho bố mẹ cháu và mừng cho các cháu.

Hôm ấy là ngày 12 tháng 7, tức 20 tháng 6 âm lịch trăng muộn. Chắc muộn nữa chị Dung cũng chờ. Tiễn cháu về ông Tâm phát hiện chậu địa lan nhà ông cũng vừa nở đúng một bông tươi đỏ, thơm ngát./.

"TỪ GIẤC MƠ CON ĐẾN ƯỚC MƠ LỚN" - CUỐN CẨM NANG VỚI NGƯỜI LÀM KHUYẾN HỌC Ở CƠ SỞ

NGHIÊM ĐÌNH THƯỜNG

Thế mà cũng đã 5 năm trôi qua, kể từ ngày xã Đông Tiến, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh tổ chức Lễ khai trương mô hình Khuyến học mới và quỹ khuyến học "Ước mơ lớn".

Thời gian chưa phải là dài nhưng những việc làm đầy tâm huyết của lãnh đạo Đảng ủy, UBND xã, Hội Khuyến học, các nhà trường, học sinh, phụ huynh và đặc biệt người sáng lập đề án Chủ tịch danh dự Quỹ khuyến học "Ước mơ lớn" - Ông Cao Văn Hà - Nguyên Tỉnh ủy viên, nguyên Giám đốc Sở Xây dựng Bắc Ninh, người con của quê hương Đông Tiến, người thấp lùn và truyền lửa cho khuyến học Đông Tiến hôm nay, đủ thuyết phục mọi người rằng: Đề án về mô hình Khuyến học mới áp dụng tại xã Đông Tiến đã có hiệu quả, chắc chắn để sau 5 năm, 10 năm Đông Tiến sẽ ở tốp đầu trong huyện là xã tiêu biểu về công tác khuyến học, khuyến tài "điểm sáng lan tỏa của tỉnh và cả nước" (Công văn số 87/CV-HKH, ngày 9/10/2023 của Hội Khuyến học tỉnh Bắc Ninh)

Để chuẩn bị Tổng kết 5 năm (2019 -

2024), ông Cao Văn Hà viết cuốn sách Từ giấc mơ con đến ước mơ lớn. Đây có thể là cuốn tự truyện của tác giả về ý tưởng, hình thành, ra đời và tổ chức và kết quả hoạt động của mô hình khuyến học mới và quỹ khuyến học "Ước mơ lớn" trong thời gian qua.

Các câu chuyện trong cuốn sách này chân thật và cảm động. Từ chuyện thời thơ ấu, khát vọng con đường học vấn qua lời trăng trối của người cha, chuyện thành đạt của con cái đến chuyện các cháu trong làng, trong xã... Ông rút ra bài học nêu thành khẩu hiệu hành động của mọi người hôm nay "Học để thay đổi".

Tôi đã có thời gian 15 năm tham gia công tác khuyến học huyện Yên Phong, đọc cuốn sách này, tôi càng hiểu, càng quý hơn những điều ông nghĩ, ông làm cho khuyến học của Đông Tiến, cũng là cho khuyến học Yên Phong nói chung.

Cuốn sách có nhiều mẫu chuyện rất cảm động, đọc mà rung rung nước mắt, có những cuộc đấu tranh nội tâm, âm ỷ nhưng

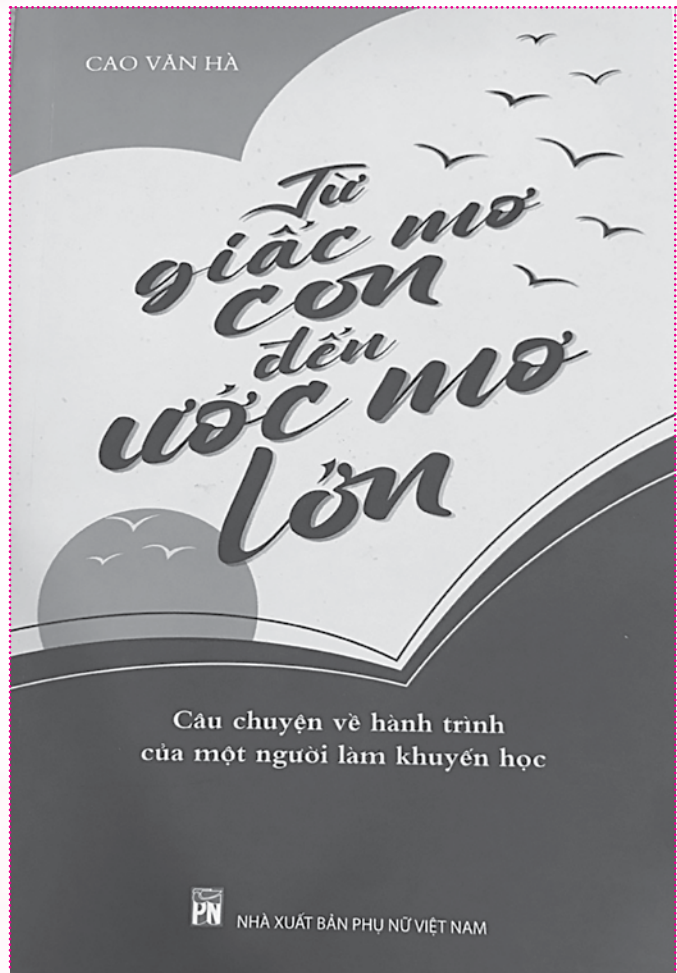
quyết liệt “Tôi suy nghĩ nhiều về thiết thời của người nông dân, cho dù xã hội có tiến lên hơn nữa thì họ vẫn luôn là những người đi sau... Vậy họ sẽ làm gì nếu không bật lên bằng con đường học hành”. Ông Hà dẫn thân vào con đường khuyến học thấp lên ngọn lửa về khát vọng tri thức với niềm tin mà ông luôn tự nhủ: “Nay mình bỏ công sức một thì sức mạnh sẽ được nhân lên gấp trăm, gấp nghìn lần”.

5 năm mới bấy nhiêu ngày.

Cuốn sách này là hoa thơm, quả ngọt của khuyến học Đông Tiến thời gian qua mà ông Cao Văn Hà là cánh chim đầu đàn. Vì vậy ấn tượng để lại trong tôi, đây là cuốn sách cảm nang đối với những người làm khuyến học ở cơ sở, bởi mấy lẽ sau đây:

Một là: Coi “Học để thay đổi” là triết lý của khuyến học và làm mới sự nghiệp khuyến học Đông Tiến như một sứ mệnh.

Là cán bộ đầu ngành của tỉnh về hưu, ông có thể an nhàn, nghỉ ngơi, giúp con bảo cháu, nếu có làm thêm thì làm nghề xây dựng, vừa đúng nghề lại có thu nhập, đằng này ông lại “... tự nhận trách nhiệm với quê hương làm mới sự nghiệp khuyến học của xã như một sứ mệnh” và ông dồn hết thời gian, tâm trí cho khuyến học Đông Tiến. Ông đau đáu tâm niệm “Học để thay đổi”, không học không nên người, đói tri thức, không làm việc gì nên hồn, nhất là thời kỳ 4.0 hiện nay. Đây là triết lý, là khởi



nguồn là nguyên nhân, kết quả của khuyến học Đông Tiến sau này.

Là người mới nhập cuộc khuyến học, ông chịu khó tìm hiểu hoạt động này từ xưa đến nay và các điển hình tiên tiến trong tỉnh, ông nhận xét, ở quê mình “Phong trào khuyến học như một dòng chảy êm đềm, từ năm này qua năm khác, đến đầu năm thì rộ lên như mùa lũ, mùa lũ năm sau lớn hơn mùa lũ năm trước... Sau lễ khen thưởng thì dường như mọi cấp, khuyến học lại rơi vào khoảng trống im lặng như thể dành thời gian yên bình “tự thưởng” thành tích”.

Làm thế nào để Đông Tiến khai thác tiềm năng về kinh tế phát triển GD&ĐT, tiến tới xây dựng xã hội học tập, làm sao con em Đông Tiến có ước mơ "Học để thay đổi". Đây được coi là triết lý về giáo dục, về khuyến học vừa dễ hiểu vừa như lời động viên khích lệ mọi người hãy cố gắng. Cần phải thổi vào nếp khuyến học quen thuộc một tư duy mới, một góc nhìn mới từ mục tiêu, đến bộ máy tổ chức, nhân sự, nội dung và phương pháp hoạt động, xây dựng quỹ, phát động để các ngành rồi toàn dân hưởng ứng. Những điều ấy được ông Cao Văn Hà nung nấu ấp ủ và tháng 11/2018 cho ra đời đề án "Mô hình khuyến học mới ở xã Đông Tiến".

- Về mục đích không có gì khác là phải nâng cao hiệu quả công tác khuyến học khuyến tài tạo sự chuyển biến mạnh mẽ về nhận thức, của lãnh đạo địa phương, các ban ngành của xã, các bậc phụ huynh, các thầy cô giáo, các em học sinh để có nhận thức đúng về công tác khuyến học, khuyến tài, tạo chuyển biến tích cực, có kết quả vượt bậc "Xây dựng xã hội học tập thực sự của xã Đông Tiến".

- Về ý nghĩa tạo sự thay đổi về chất lượng mang tính đột phá gắn khuyến học với khởi nghiệp, đảm bảo tính định hướng, tính khoa học, thực tiễn và khả thi.

Với mục tiêu sau 5 năm, 10 năm khuyến học Đông Tiến phải ở tốp đầu của huyện.

Có 8 điểm mới của mô hình, con đường và những cột mốc đã được vạch ra. Công tác chuẩn bị cho lễ khai trương sao cho chu đáo hoành tráng để gây ấn tượng

ngay khi vào vạch xuất phát. Có ai dự Lễ khai trương mới thấy sự công phu và chuyên nghiệp của ông Cao Văn Hà, mới thấy được môi duyên nghiệp của ông với khuyến học xã Đông Tiến.

Hai là Truyền cảm hứng và xã hội hóa các hoạt động khuyến học.

Làm khuyến học không chỉ có tâm, có sức, có hiểu biết, có trách nhiệm mà biết truyền cảm hứng đến mọi người dân. Vì vậy buổi lễ được chuẩn bị chu đáo từ nội dung đến hình thức, từ thành phần dự họp đến các việc cần làm sau cuộc họp, từ người chủ trì cuộc họp cho đến các thành viên luôn giữ gìn hòa khí, thân ái, đoàn kết, lấy gương người tốt việc tốt để truyền cảm hứng.

Tập sách ghi lại nhiều câu chuyện cảm động về việc "truyền cảm hứng" như đưa 100 học sinh lớp 11 thăm Văn miếu Quốc Tử Giám, thăm trường Đại học Công nghệ (Hà Nội) nhằm chấp cánh ước mơ cho các em, để định hướng tương lai. Hội Khuyến học còn tổ chức tham quan các và giao lưu với các điển hình tiên tiến của tỉnh, như Phú Mẫn (Thị trấn Chờ), xã Mão Điền (Thuận Thành)... từ đó gieo vào lòng mỗi hội viên một câu trả lời "Người ta làm được thì mình sẽ làm được và phải làm tốt hơn".

Đồng hành và cùng ông Cao Văn Hà để truyền cảm hứng cho khuyến học Đông Tiến có nhiều người bạn quý. Đó là Nguyên Bộ trưởng Bộ Thông tin - Truyền thông Lê Doãn Hợp, Giám đốc - Tổng Biên tập Nhà Xuất bản Phụ nữ Khúc Thị Hoa Phương, Tiến sĩ Vũ Dương Thúy Nga - Nguyên Vụ

trưởng Vụ Thư viện Bộ Văn hóa. Vợ chồng Tiến sĩ Lê Đắc Sơn, Cao Thị Hòa Trường Đại học Đại Nam, diễn giả về sách và đọc sách Nguyễn Quốc Vương cho đến “cửu vạn sách” Nguyễn Quang Thạch... Những người nổi tiếng này thổi vào khuyến học, chiến lược, biện pháp để “học suốt đời”. Đồng hành với khuyến học Đông Tiến có ông Nguyễn Bá Cự - PCT Thường trực Hội Khuyến học tỉnh và nhiều Nhà báo như Thanh Tú, Xuân Me... các văn nghệ sĩ tỉnh Bắc Ninh như Nhà báo Lê Quang Thuận, Nhạc sĩ Bá Quang... trực tiếp tuyên truyền cả bề rộng lẫn bề sâu “góp lửa và truyền lửa” cho hoạt động khuyến học Đông Tiến. Các câu chuyện viết trong tập sách này đều là sự thật và giàu cảm hứng, không hề có mục đích làm văn chương. Có nhiều câu chuyện cảm động, những tình huống phức tạp xảy ra và để tạo ra sự đồng thuận đâu phải một sớm một chiều, đòi hỏi “thủ lĩnh” có bản lĩnh có niềm tin, có uy tín với mọi người. Bởi vậy cuốn sách không khô khan mà ngược lại cuốn sách có luận đề mà vẫn cuốn hút bạn đọc .

Ba là: Khuyến đọc là hoạt động trọng tâm của Mô hình mới khuyến học mới Đông Tiến

“Xây dựng mô hình Công dân học tập”, Đông Tiến triển khai khuyến đọc là hoạt động trọng tâm vì đây là biện pháp cơ bản để thực hiện được việc “học suốt đời” của mỗi người dân. Phải thổi vào Đông Tiến làn gió mát lành, không khí thi đua đọc và làm theo sách.

Đông Tiến xây dựng mô hình khuyến đọc từ trường đến các thôn, các dòng họ,

các gia đình. Để phát triển văn hóa đọc cho nhân dân địa phương, Hội Khuyến học đã đi thực tế tìm hiểu thư viện nhiều làng ở tỉnh Bắc Ninh và nhiều nơi khác nữa, áp ủ xã hội hóa một thư viện phù hợp với hoàn cảnh địa phương. Nguyên vọng ấy lại trùng hợp với nguyện vọng của bà Đào Thị Khanh, vợ cố PGS - TS Nguyễn Đức Lữ - Nguyên Viện trưởng Viện Tôn giáo - Tín ngưỡng (Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh) quê ở làng Đông Xuyên, nơi có đàn cò hàng nghìn con là thắng cảnh của Yên Phong. Thư viện lấy tên là Thư viện Làng cò Đông Xuyên. Đây là thư viện phối hợp giữa gia đình và Hội Khuyến học, quỹ khuyến học Ước mơ lớn xã Đông Tiến, theo hướng xã hội hóa. Tại đây bạn có thể được đọc sách, chia sẻ những thông tin về sách, nghe giới thiệu về sách, nơi gặp gỡ trao đổi học hỏi nâng cao kiến thức, nơi nâng cánh ước mơ và hoài bão của tuổi trẻ thông qua sách ở một không gian rất đẹp. Ngoài cách đọc sách truyền thống còn có thể đọc sách qua mạng, kết nối được với nhiều thư viện khác.

Ngày 13 tháng 12 năm 2020, Hội khuyến học xã Đông Tiến, quỹ khuyến học Ước mơ lớn và dòng họ Nguyễn Đức cùng với gia đình bà Đào Thị Khanh tổ chức khai trương Thư viện Làng cò Đông Xuyên. Với hơn 7000 đầu sách (hiện nay có hơn 1 vạn bản) phong phú và đa dạng về thể loại được đặt trong khuôn viên rộng 700m², thiết kế hiện đại đủ các phòng, không gian đọc sách yên tĩnh và thoải mái.

Thư viện phục vụ miễn phí cho người dân trong thôn, trong xã và đón cả bạn đọc

các xã bạn. Đây là nơi truyền cảm hứng và giúp cho mọi người có điều kiện học suốt đời. Đến nay các thôn đều có Thư viện dòng họ như họ Cao làng Đông Thái, họ Trương Chi 4 ở Đồng Thôn, họ Phạm ở Thượng Thôn, làng nào cũng có hàng chục Tủ sách gia đình. Điều đáng nói Hội Phụ nữ xã và các Chi Hội Phụ nữ thôn đi đầu vận động, tổ chức Lễ công nhận làng hoàng, chấm dứt chuyện “đánh trống ghi tên”. Đáng mừng là sự lan tỏa của “Thư viện Làng Cò Đông Xuyên và các thư viện dòng họ” mà nhiều bạn bè của ông Hà đã thành lập Thư viện ở quê mình.

Nhiều người chưa đến với Đông Tiến thì vẫn cứ trầm trồ khen ngợi, quỹ khuyến học Đông Tiến gần 5 tỷ đồng thì việc gì mà chẳng làm được. Ông Cao Văn Hà người lập Đề án đồng thời Chủ tịch danh dự Quỹ khuyến học Ước mơ lớn lại quan niệm "Điều quan trọng hơn chính là con người, ở bộ máy tổ chức, sự hoạch định chủ trương và nội dung hoạt động cụ thể"

Điểm cốt yếu là sự chỉ đạo quyết liệt có hiệu quả từ Đảng ủy, UBND xã đến Hội Khuyến học để thực hiện các mục tiêu của đề án. Ở đây có sáng kiến lập Ban Tư vấn, gồm những con người tâm huyết với sự nghiệp giáo dục ở quê hương, đang làm việc ở ngoài xã. Gia đình ông Hà, các con gái, con rể đều hoạt động trong Ban cố vấn. Đây là địa phương có mô hình lập Ban Tư vấn hoạt động thiết thực, hiệu quả, đem lại kết quả ấn tượng.

Với kinh nghiệm làm công tác khuyến học của mình ở một huyện, tôi tin rằng những ai làm khuyến học ở Yên Phong,

đọc cuốn sách này sẽ được truyền cảm hứng nghề nghiệp, tìm được lời giải cho những tình huống gặp phải trong công tác. Vấn đề còn lại, bạn có yêu thích công việc đó mà tìm hiểu hay không? Bởi vậy tôi gọi cuốn sách này là cẩm nang của người làm khuyến học ở cơ sở.

Khép lại cuốn sách **Từ giấc mơ con đến ước mơ lớn** ấn tượng không thể phai mờ trong tôi là hình ảnh logo màu vàng của Hội Khuyến học Đông Tiến, lúc nào cũng lấp lánh trên ngực người làm công tác khuyến học. Hình ảnh quyển vở đang mở cũng lại là hình ảnh cánh cò quê hương, đưa chúng ta bay tới bầu trời đầy sao, đầy ước mơ không phải Hội Khuyến học nào cũng có logo giàu cảm hứng như vậy. Về Đông Tiến hôm nay, bạn lại được nghe bài hát truyền thống "Về với quê tôi" nhạc của Bá Quang, phổ thơ Cao Văn Hà tha thiết trữ tình trở thành bài hát truyền thống của quê hương ai cũng nhớ, ai cũng thuộc.

*Về với quê tôi viết những vần thơ
Đông Tiến hôm nay rộng dài phỏ xá
Ôi cháy bỏng khát khao bao điều mới lạ
Cháy bỏng yêu thương hai tiếng quê nhà.*

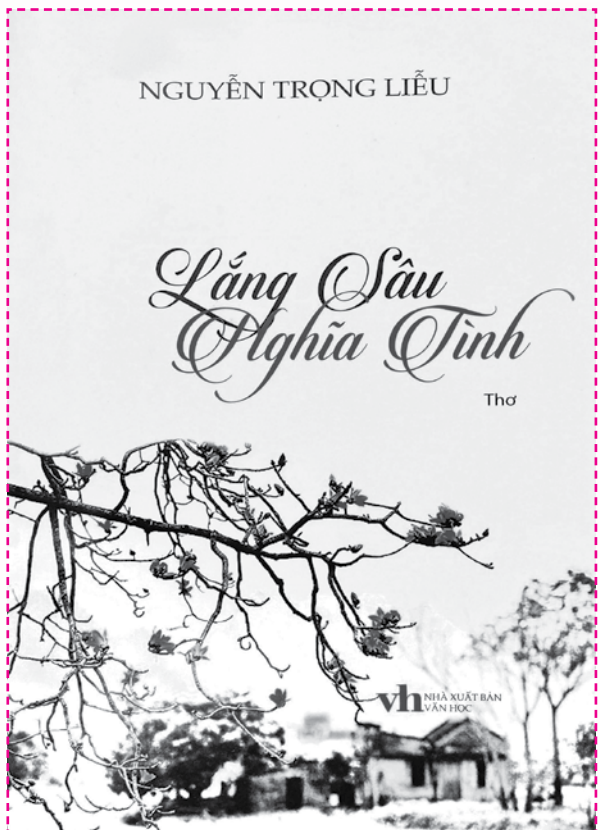
Xin được nhắc lại lời nhận xét của Chủ tịch danh dự Quỹ khuyến học Ước mơ lớn "Về Đông Tiến bây giờ bất cứ người dân nào cũng có thể hào hứng nói về học tập và khuyến học, họ đang nuôi dưỡng ước mơ lớn và khát vọng cháy bỏng về một tương lai giàu sang, bởi họ hiểu trong thời hiện đại ngày nay muốn giàu thì phải học và muốn giàu sang thì càng phải học, học tập không ngừng, học để thay đổi..." để làm lời kết cho bài viết này./.

ĐÔI ĐIỀU TÂM ĐẮC NHÂN ĐỌC TẬP THƠ “LẮNG SÂU NGHĨA TÌNH” CỦA TÁC GIẢ NGUYỄN TRỌNG LIỄU

VŨ TUẤN ANH

Nhà giáo Nguyễn Trọng Liễu, sau tập thơ **Người mẹ trồng cây** in năm 2017, ông đã cho ra mắt bạn đọc tập thơ thứ hai **Lắng sâu nghĩa tình** do Nhà xuất bản Văn học ấn hành quý I năm 2022. Đọc một mạch hết tập thơ, tôi nhận ra tiêu đề ông chọn cho tập thơ thật là chí lý. Hai trường ca, tám mươi sáu bài thơ (chưa kể hai bản nhạc do nhạc sỹ Trọng Tĩnh phổ nhạc từ thơ ông). Là những thông điệp về tình cảm của nhà thơ với cuộc đời, với lãnh tụ vĩ đại, danh tướng tôn kính và với những con người gần gũi trong cuộc sống đã được lắng đọng trong từng chữ, từng câu.

Mở đầu tập thơ là trường ca **“Con đường Bác đi”** với 310 câu thơ viết theo thể lục bát, tác giả đã khái quát toàn bộ cuộc đời và sự nghiệp cách mạng vô cùng phong phú của Chủ tịch Hồ Chí Minh đối với dân, với nước và phong trào Cộng sản quốc tế.



Như chính Nguyễn Trọng Liễu tâm sự khi viết đã mong muốn: “một lần nữa chúng ta khắc sâu hình ảnh của Người,

tiếp tục học tập và làm theo tấm gương tư tưởng, đạo đức, phong cách của Chủ tịch Hồ Chí Minh trong công cuộc đổi mới và xây dựng đất nước hiện nay. Bài thơ như một nén hương thơm kính dâng lên anh linh của Người”. Tôi thầm cảm phục nhà thơ Nguyễn Trọng Liễu và trộm nghĩ không phải nhà thơ nào cũng làm được một tác phẩm như thế. Trường ca thứ hai cũng mang lại cho người đọc ấn tượng sâu sắc và cả sự ngạc nhiên khi tác giả viết về Đại tướng Võ Nguyên Giáp với tiêu đề **“Vị tướng huyền thoại”**. Tác phẩm gồm 114 câu thơ viết theo lối truyền thống nhuần nhị dễ nhớ dễ hiểu gần gũi, khiêm nhường mà lớn lao như con người và tính cách vị đại tướng của nhân dân. Chỉ bàn riêng về hai trường ca in trang trọng ở đầu tập thơ thôi cũng đã đủ để bạn đọc cảm nhận, phân tích và rút ra những điều bổ ích.

Đa số các nhà thơ khi sáng tác và xuất bản những tập thơ đầu tay đều dành phần lớn dung lượng cho những bài thơ viết về những người có công sinh thành dưỡng dục, người tay áp má kè, những người ruột thịt, con cháu trong gia đình, đồng nghiệp, bạn bè... Nhà thơ, nhà giáo Nguyễn Trọng Liễu cũng vậy. Qua bài **“Bố tôi”**, **“Nghĩa tình mẹ tôi”**, không cần hỏi thăm nhiều, chỉ đọc hai bài thơ này ai cũng có thể hiểu được khái quát “lý lịch” của gia đình nhà thơ và hiểu được vì sao ông cũng như các thế hệ con cháu nối tiếp lại có chí hướng và quyết tâm phấn đấu và phấn đấu thành công như thế. Hai bài thơ không chỉ kể về

cảm xúc thông thường của người con với cha, mẹ của mình mà còn là những dòng tâm sự đầm nước mắt, không chỉ mang lại cho người đọc biết về gia cảnh riêng mà còn thấy cả bức tranh chung của một thời kỳ sáng tối đan xen. Ông kể những điều hiện thực nhưng không oán trách, than vãn mà ngược lại vẫn đầy ắp niềm tin vào cuộc sống cùng sự tự hào được làm con của các bậc thân sinh: **“Gia đình thoát cảnh đắng cay/Lại cùng hàng xóm dựng xây cuộc đời/Ông trời có mắt đầy thôi/ Nhà ta con cháu nên người hiển vinh” (Bố tôi)** hoặc **“Khó khăn cố gắng miệt mài/Lòng trong, tâm sáng có phai bao giờ” (Nghĩa tình mẹ tôi)**. Nhà thơ Nguyễn Trọng Liễu không chỉ dành riêng tình cảm kính trọng cho người trực tiếp sinh thành dưỡng dục ra mình mà còn có cả những bài thơ tặng riêng cho cô, cho chú, cho chị, cho anh của mình và tất nhiên là ông không thể quên viết tặng bà người đã cùng ông chia sẻ ngọt bùi, cay đắng nhiều chục năm qua với một niềm tự hào ẩn trong xúc cảm của tình yêu vô bờ bến **“Mừng vui chúc cả nhà mình/ Cuộc đời êm ấm, nghĩa tình chung vai” (Ám áp đầu xuân)**. Viết về gia đình, tặng con, tặng cháu nhà thơ Nguyễn Trọng Liễu luôn mong muốn **“Cầu mong con cháu bền lâu/ Gia đình luôn được tươi màu bên nhau” (Tươi màu bên nhau)**. Trong số những bài thơ viết cho con tôi thực sự xúc động khi đọc hai bài ông viết cho con dâu thứ của mình đó là bài **“Tâm vững tình này”** và **“Nhấn con”** trong đó có những câu gan

ruột “*Tuy là dâu thứ trong nhà/ Bây giờ bố nghĩ con là gái sau*”, “*Bên con luôn có gia đình/ Con là gái út nhà mình bên lâu*”. Viết cho con gái Nguyễn Thị Hương ông rất tự hào “*Một thời trúc xinh*”...

Không chỉ đối với các con, với các cháu gọi nhà thơ bằng ông, bằng cậu, bằng bác cũng đều được nhà thơ viết tặng.

Ngoài mảng đề tài về gia đình, nhà thơ, nhà giáo Nguyễn Trọng Liễu còn có nhiều bài viết về quê hương từ thôn đến xã, từ huyện đến tỉnh với niềm tự hào và yêu mến vô bờ. Đặc biệt là khi viết về nghề giáo với nghĩa thầy tình bạn trong sáng, thủy chung, những lần gặp gỡ âm tình. Viết về những kỷ niệm đẹp với những mái trường ông từng đóng góp sức lực, trí tuệ vào trang sử truyền thống như Đại học Nông Lâm Thái Nguyên; Phổ thông trung học Từ Sơn, Trung học phổ thông Lý Thường Kiệt... ông viết nhiều về đồng nghiệp, đồng môn, về bạn bè một thuở và cả những nhân tố mới ông gặp, ông biết của địa phương với những tình cảm nâng niu trân trọng.

Khi nói về mình, nhà thơ Nguyễn Trọng Liễu luôn thể hiện tinh thần lạc quan không theo đuổi hư danh, coi nhẹ tiền bạc, luôn bằng lòng với cuộc sống “*Bạn mừng tôi được cảnh giàu/ Đúng là giàu thật nhưng giàu tình thôi/ Bao năm sống ở trên đời/ Làm nghề chèo lái tình người chứa chan/ Học sinh, đồng nghiệp người thân/ Tin yêu quý trọng luôn gần bên tôi*” (Bài Cảm nhận), ở bài Niềm vui tuổi xế chiều

nhân dịp nhận kỷ niệm chương Người cao tuổi tác giả viết “*Lớp người tuổi đã xế chiều/ Mừng vui được thấy bao điều đổi thay/ Rộn rang nhịp bước hôm nay/ Tuổi cao gương sáng tháng ngày vừng tin*”.

Đọc tập thơ **Lắng sâu nghĩa tình** không thể không nhắc tới bài thơ “**Bước thêm trường đời**” nhân dịp mừng thọ tuổi 75, xuân Nhâm Dần - 2022 vì đó là lời tự sự, sự tự hào ân chứa lòng biết ơn, niềm mong ước cô đọng nhất mà tác giả muốn gửi gắm, trong đó có câu:

*“Nhâm Dần thất thập ngũ niên
Mừng vui mình vẫn còn duyên với đời”*

Tập thơ **Lắng sâu nghĩa tình** được thể hiện qua nhiều thể thức khác nhau có thơ đường luật, thơ năm chữ, bảy chữ... nhưng chủ yếu là thể thơ lục bát, thơ truyền thống dễ gieo vần, bày tỏ cảm xúc, người đọc dễ hiểu, dễ thuộc. Có nhiều bài thơ có chất lượng mang hơi thở của cuộc sống, nhiều câu thơ hay giàu hình ảnh ngôn ngữ.

Đọc thơ của tác giả Nguyễn Trọng Liễu, tôi nhận ra tính mô phạm của một nhà giáo, chất lãng mạn của một nhà thơ, và sự dí dỏm, hài hước của một chàng trai, một người đàn ông yêu đời, yêu cuộc sống mọi lúc, mọi nơi hòa quyện với nhau. Cùng với sự đa dạng về nội dung, những nét đặc sắc về nghệ thuật đã mang lại thành công cho tập thơ **Lắng sâu nghĩa tình** của nhà thơ nhà giáo Nguyễn Trọng Liễu./.

TẠ THỊ CHÂM

Mùa sen nở rộ

Thoáng mà đã tới mùa sen
 Rủ nhau tìm đến hương quen quê nhà
 Sen đầm đương độ nở hoa
 Cánh hồng cánh trắng ngọc ngà ngát thơm
 Bướm vàng bướm trắng rập rờn
 Lũ chuồn chuồn ớt ghen hờn với sen./.

TRUNG DU

Hồn quê



Ta về tìm lại hồn quê
 Dòng sông bên nước bờ đê ân tình
 Nôi sinh nuôi lớn ra mình
 Bao nhiêu kỷ niệm in hình khắc tâm.

Đâu là chỗ núp bóng râm
 Đánh bi chơi đáo dưới chân cây bàng
 Chỗ này bới trộm khoai lang
 Bắt đàn đom đóm ao làng tối đen.

Rồi hôm đốt đuốc soi đèn
 Mưa rào bắt ếch ở ven ruộng chùa
 Ngày hiu hiu gió không mưa
 Cánh diều vi vút giữa trưa đầu trần.

Hồn quê vạn nhớ nghìn thương
 Hoàn thành nghĩa vụ vẫn vương tìm về
 Thiêng liêng giữ trọn câu thề
 Thỏa lòng mong đợi miền quê nghĩa tình./.

DOÃN DUY QUYẾN

50 năm trong tôi có Đảng

Bảy mươi một tuổi đời, tròn năm mươi tuổi Đảng
 Nhìn lại chặng đường dài, tôi bỗng thấy xôn xao
 Nửa thế kỷ trôi qua tôi cứ ngỡ hôm nào
 Nghe thấy Đảng gọi tên mình: Đồng chí.

Ô! giờ phút thiêng liêng cao quý
 Tôi thấy mình hoà nhập với đoàn quân
 Tuổi trẻ xông pha tôi đâu có ngại ngần
 Chân bước tiếp những chặng đường dang dở.

Quảng Trị - Khe Sanh - Tà Cơn còn đó
 Đường chín - Nam Lào nơi chiến trường xưa
 Rừng Trường Sơn ngày nắng đêm mưa
 Ta đã trải những ngày gian khổ nhất.

Đồng đội của tôi ơi! Ai còn ai mất
 Có nhớ về những năm tháng gian nan
 Núi cao vực sâu gió núi mưa ngàn
 Bao trận đánh có tôi và đồng chí.

Ôi! Nếu được sống lại những ngày như thế
 Tôi tự nguyện làm người lính tiên phong
 Sẽ xông pha trên trận tuyến anh hùng
 Không hổ thẹn cùng nước non sông núi.

Năm mươi năm chặng đường dài vơi vợi
 Tu dưỡng luyện rèn phấn đấu vươn lên
 Và hôm nay lại nghe Đảng gọi tên
 Tặng huy hiệu 50 năm tuổi Đảng.

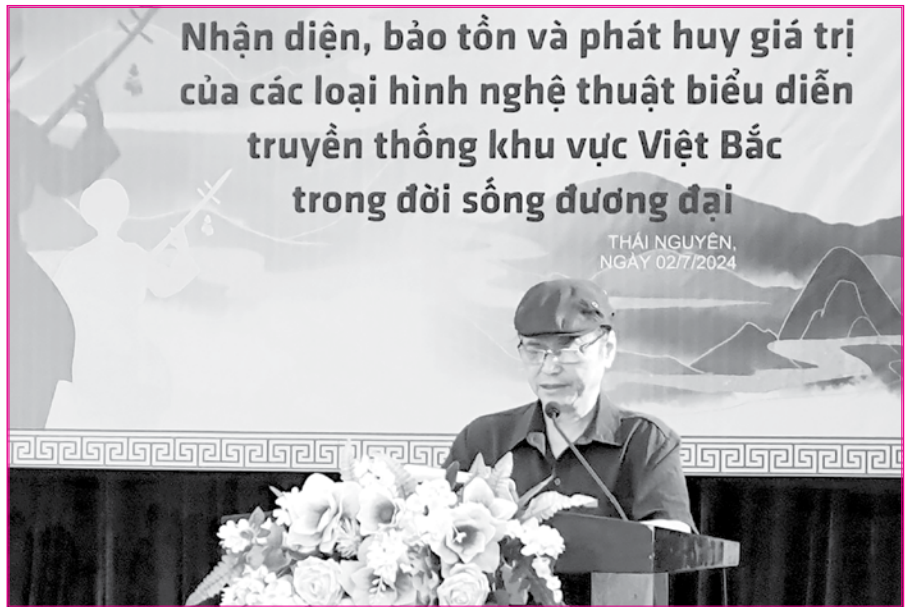
Ôi! Hạnh phúc tràn về niềm vui toả nắng
 Tôi mãi một lòng theo Đảng tiên phong
 Đảng Cộng sản Việt Nam - Dân tộc anh hùng
 Đưa đất nước lên một tầm cao mới./.

MỘT SỐ VẤN ĐỀ VỀ BIỂU DIỄN DÂN CA VÀ CA KHÚC MANG ÂM HƯỞNG ÂM NHẠC DÂN GIAN

NGUYỄN TRUNG

Văn hóa các dân tộc Việt Nam nói chung và miền núi Việt Bắc nói riêng là một khám phá tuyệt vời của sự đa dạng và phong phú của Văn hóa các dân tộc Việt Nam. Việt Bắc nằm ở phần phía Bắc của đất nước, nơi mà những ngọn núi cùng với thung lũng xanh rờn tạo nên một bức tranh thiên nhiên hùng vĩ và hoang sơ.

Tuy nhiên, không chỉ có phong cảnh đẹp, Việt Bắc còn là nơi sinh sống của nhiều dân tộc thiểu số với văn hóa độc đáo và đặc trưng riêng. Là thành tố quan trọng cấu thành nên văn hóa nghệ thuật cổ truyền, âm nhạc dân gian Việt Bắc luôn gắn liền với đời sống tinh thần và tâm linh



Nhạc sỹ Nguyễn Trung trình bày tham luận tại Hội thảo

của đồng bào dân tộc thiểu số miền núi phía Bắc. Âm nhạc truyền thống của các dân tộc thiểu số đã góp phần làm đa dạng, phong phú nền âm nhạc Việt Nam, có tư duy về giai điệu, điệu thức, điệu quãng, nhạc cụ và cách thể hiện riêng. Tuy nhiên, do nhiều nguyên nhân, âm nhạc của đồng bào các dân tộc thiểu số hiện đang đứng

trước nguy cơ mai một. Vấn đề bảo tồn, gìn giữ, phát huy giá trị âm nhạc truyền thống các dân tộc đang được đặt ra cấp bách trong giai đoạn hiện nay. Để bảo tồn âm nhạc dân tộc miền núi, ngoài xây dựng các cơ chế, chính sách, các hoạt động đầu tư, mua sắm nhạc cụ theo các dự án bảo tồn văn hóa dân tộc thiểu số, cần phát huy vai trò của người dân với tư cách là chủ thể văn hóa, thông qua việc duy trì và truyền bá âm nhạc được thể hiện trên sân khấu. Hiện nay, tại các địa phương có đông đồng bào dân tộc thiểu số và có phong cảnh tự nhiên tươi đẹp thì du lịch được xác định là mũi nhọn phát triển kinh tế. Trong các sản phẩm du lịch thì âm nhạc truyền thống của các dân tộc thiểu số chính là một “đặc sản”, là yếu tố tạo ra sự đa sắc, đa hương cho vườn hoa nghệ thuật âm nhạc truyền thống và tạo nên sức hấp dẫn với du khách. Rất mừng là các hoạt động bảo tồn văn hóa dân tộc đã bắt đầu được tiếp sức bởi Dự án Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch trong Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn (2021 - 2030), giai đoạn I: từ (2021 - 2025). Trong Dự án này, nhạc cụ dân tộc là một nội dung được hỗ trợ nghiên cứu, phục hồi, bảo tồn, phát huy.

Thực tế cho thấy hiện nay, các loại hình nghệ thuật biểu diễn dân gian đang bị mai một nhanh chóng nên việc bảo tồn đã trở thành một vấn đề quan trọng. Tuy nhiên, để làm sống lại các loại hình nghệ thuật biểu diễn truyền thống, trước hết cần phải nhận thức rõ về nguyên nhân. Sở

dĩ nghệ thuật biểu diễn tồn tại bền vững trong suốt lịch sử của các dân tộc vì nó được truyền dạy qua các thế hệ khác nhau. Những điệu múa, điệu hát, lời ca... Vì vậy mà được trao truyền từ thế hệ này qua thế hệ khác để đáp ứng nhu cầu của con người. Nhưng hiện nay, sự trao truyền đó đang bị đứt quãng. Những người già vẫn còn thích các điệu múa, điệu hát của dân tộc mình và mong muốn truyền dạy lại cho con cháu. Nhưng những người trẻ lại khác, hoặc họ bận rộn với công cuộc tìm kiếm sinh kế trong xã hội hiện đại, hoặc tìm đến các loại hình nghệ thuật khác mà ít quan tâm đến nghệ thuật biểu diễn truyền thống của dân tộc mình. Vì vậy mà gây ra nguy cơ thất truyền của nghệ thuật biểu diễn nghệ thuật truyền thống.

Trong bối cảnh hiện nay, muốn nghệ thuật biểu diễn âm nhạc của các dân tộc không bị thất truyền, quan trọng là phải để người dân bản địa giữ được vai trò chủ đạo, quyết định việc khôi phục nghệ thuật biểu diễn truyền thống. Cần giúp họ chủ động trong việc lựa chọn, định hướng và thực hiện bởi họ là những người thực hành văn hóa đó. Nhà nước có thể giúp đỡ người dân bằng những biện pháp gián tiếp như nâng cao đời sống, tuyên truyền các giá trị của văn hóa truyền thống để người dân hiểu và lấy lại tâm lý tự tin, qua đó làm cho họ có điều kiện, năng lực để phục dựng, phát huy giá trị nghệ thuật biểu diễn truyền thống của mình. Bên cạnh đó, một việc quan trọng cũng cần được gấp rút thực hiện là số hóa nghệ thuật biểu diễn của các cộng đồng dân tộc thiểu số. Phải xác định việc xây dựng cơ sở dữ liệu về nghệ thuật

biểu diễn truyền thống các dân tộc thiểu số bằng kỹ thuật số hiện đại là vấn đề quan trọng cần làm ngay bởi chậm một ngày, lại có thêm những loại hình di sản bị mai một. Cơ sở dữ liệu này vừa là hệ thống tư liệu cho quá trình nghiên cứu, vừa là nền tảng cho việc lựa chọn khôi phục loại hình nghệ thuật biểu diễn. Có như vậy mới khơi dậy nguồn sống cho nghệ thuật biểu diễn của cộng đồng các dân tộc hiện nay

Sự tham gia vào lĩnh vực sáng tác các ca khúc mang âm hưởng âm nhạc dân gian cho ta thấy sự hấp dẫn và tính khả thi trong việc nối dài, phát triển của loại hình âm nhạc này ở tương lai. Cho thấy không gian vô cùng rộng mở và quyến rũ của âm nhạc âm hưởng dân gian miền núi phía Bắc, từ đây đem đến nhiều phong cách biểu diễn hiện đại nhưng vẫn giữ vẹn bản sắc văn hóa truyền thống của các tác phẩm. Có thể thấy các tác phẩm đã mang đến hơi thở mới cho nét âm nhạc dân gian, dù chỉ là một mảng khái quát về dân gian Việt Bắc, nhưng đã gợi mở cho người nghe và người làm âm nhạc thấy rằng Văn hóa, văn nghệ dân gian chính là hồn cốt của đất nước. Ca khúc mang âm hưởng dân gian miền núi Việt Bắc rất đa dạng và đã góp sức vào việc khẳng định vẻ đẹp, tính lan tỏa và tìm kiếm hướng đi mới tươi trẻ, mới mẻ trong đời sống âm nhạc hiện đại hôm nay. Những ca khúc mang âm hưởng dân gian Việt Bắc là những ca khúc mới do các nhạc sĩ sáng tác dựa trên chất liệu dân ca Việt Bắc về ca từ, hình ảnh, lối so sánh ví von...; Về thang âm, điệu thức, giai điệu... Qua đó, người nhạc sĩ có thể đưa vào ca khúc của mình vẻ đẹp, sự độc đáo, phong phú của những bài

dân ca Việt Bắc trên nhiều phương diện. Những ca khúc này giúp người nghe hình dung được đời sống vật chất và tinh thần, phong tục tập quán và tín ngưỡng, văn hóa và nghệ thuật... của người dân Việt Bắc; cảm nhận được bản sắc của âm nhạc dân gian vùng Việt Bắc. Một số ca khúc tiêu biểu phải kể đến như như: "**Điệu Then Tô Mạ**" - sáng tác của NSND Triệu Thủy Tiên, "**Huyền thoại Pác Pó**" của Nhạc sĩ Nguyễn Đình Đức, "**Xứ Lạng quê em**" của Vi Hồng Nhân hay "**Non đăc nòn đĩ**", "**Du du điềng điềng**" của nhạc sĩ Phạm Tịnh... Những ca khúc mang âm hưởng dân gian đó thường dễ đi vào lòng người nghe do mang đậm nét của âm nhạc truyền thống, đậm đà bản sắc dân tộc. Những bài hát này đã góp phần làm đời sống âm nhạc của chúng ta thêm phong phú và độc đáo.

Bên cạnh việc sáng tác những ca khúc mang âm hưởng âm nhạc dân gian thì việc thể hiện tốt những tác phẩm này cũng là một vấn đề đặt ra đối với các nghệ sỹ. Có thể nhận thấy sự dung hòa và mối quan hệ giữa hai yếu tố nghệ thuật thanh nhạc trong âm nhạc mới với nghệ thuật ca hát truyền thống dân gian, đây là vấn đề cần thiết để tạo nên nghệ thuật thanh nhạc chính quy của Việt Nam hội nhập với thế giới, đồng thời lại mang đậm những dấu ấn của dân tộc. Những làn điệu dân ca là sản phẩm tinh thần của tổ tiên từ thuở sơ khai, phản ánh phong tục tập quán, thói quen, cách cảm nghĩ... của cha ông. Từ bao đời nay, dân ca là một phần đời sống tâm hồn gắn bó với mỗi người Việt ta. Khi thể hiện, đôi khi chúng ta lo để ý quá nhiều vào cao độ, tiết tấu, lời hát mà quên

đi phần cốt lõi quan trọng nhất của hát ca khúc mang âm hưởng dân ca đó là cảm thụ và xử lý ca khúc.

Để việc hát ca khúc mang âm hưởng dân ca vừa đạt được về mặt học thuật (kỹ thuật, kỹ năng, kỹ xảo) của thanh nhạc, vừa phát huy được màu sắc cũng như nét đặc trưng trong các làn điệu dân ca Việt Nam, thì việc giúp người hát tìm hiểu và cảm thụ âm nhạc dân gian Việt Nam cần phải được lưu ý bởi những yếu tố được rút ra từ kho tàng văn hóa dân gian và âm nhạc cổ truyền của dân tộc. Đó chính là những yếu tố biểu hiện bản sắc văn hóa trong ca khúc mang âm hưởng dân ca Việt Nam, bao gồm: âm điệu của các bài dân ca nhạc cổ, yếu tố ngũ cung, lối biến đổi giai điệu giữa không và có tiết nhịp, các thủ pháp ca từ trong dân ca và các hình tượng ca từ được rút từ đời sống bình dị của người dân hoặc văn học cổ truyền của dân tộc. Đây cũng chính là những yếu tố góp phần quan trọng trong việc tạo nên sức sống và sức lôi cuốn của bản sắc văn hóa dân tộc trong ca khúc sáng tác mới mang âm hưởng dân ca Việt Nam.

Nhận diện được màu sắc, âm hưởng dân ca trong ca khúc chính là cơ sở đầu tiên, quan trọng nhất để áp dụng các phương pháp thể hiện các ca khúc này. Mỗi thể loại ca khúc có một lối thể hiện khác nhau, đó là một thực tế, ca khúc mang âm hưởng dân ca cũng không ngoại lệ. Để thể hiện sắc thái của ca khúc mang âm hưởng dân ca thì trước hết người hát phải được trang bị và hiểu biết về âm nhạc dân tộc Việt Nam nói chung và những làn điệu dân ca nói riêng. Đó chính là lối hát sử dụng hư từ (từ không

có nghĩa) trong hát dân ca, chúng thay cho tiếng nói của tâm tư, tình cảm cũng như tư tưởng của con người Việt.

Chúng ta có thể thấy trong các làn điệu dân ca Việt Nam có những hư từ (từ không có nghĩa) như: à, i, í, a, chẳng, u, hự, hội, ối a, u, tang tình, uầy, oả... những hư từ không có nghĩa đó lại rất cần thiết đối với những làn điệu dân ca, bằng ngữ điệu, những hư từ đã trở thành thực từ (từ có nghĩa) để biểu đạt sắc thái tình cảm. Chính từ cách biểu hiện nội dung ngữ nghĩa từ giọng điệu, ngữ điệu ấy, với suốt chiều dài lịch sử, từng bước, từng bước, đã được nâng cao dần lên, phát triển thêm, xây dựng thành những quy ước với một hệ thống những phương tiện diễn tả của loại hình dân ca như ngày nay. Lối hát kèm với các hư từ trong những ca khúc mang âm hưởng dân ca là yêu cầu tiên quyết, nhưng mỗi vùng miền lại có cách sử dụng hư từ rất khác nhau, do đó để làm nổi bật những sắc thái phong phú, đa dạng của mỗi vùng miền thì việc sử dụng hư từ đúng thì nó sẽ trở thành tiếng nói của tình cảm, là sự biểu hiện một dạng tình cảm của người nghệ sĩ trước hiện thực cuộc sống.

Ở tỉnh Bắc Ninh trước đây, ngoài trường Trung cấp văn hóa nghệ thuật Bắc Ninh là nơi đào tạo nghệ sĩ hát Quan họ chuyên nghiệp, có giảng dạy môn hát dân ca Quan họ. Qua thực tế ta thấy thường là khi dạy hát dân ca nói chung, dân ca Quan họ nói riêng, các thầy - cô giáo mới chỉ dạy học sinh hát đúng nhạc bài dân ca, còn chưa cung cấp cho học sinh - sinh viên những hiểu biết về nghệ thuật thể hiện, về cách trình diễn... Do đó người học chỉ biết

hát các bài dân ca còn nói về sự hiểu biết để phân biệt các loại hình dân ca nói chung và dân ca Quan họ Bắc Ninh nói riêng thì rất ít ỏi. Với mong muốn đổi mới phương pháp dạy học hát dân ca trong các trường âm nhạc chuyên nghiệp, trong hệ thống giáo dục phổ thông để góp phần phổ cập dân ca Việt Nam trong đó có Quan họ Bắc Ninh một cách toàn diện hơn. Tỉnh Bắc Ninh hiện nay đã và đang tiếp tục hoàn chỉnh giáo trình dạy hát dân ca Quan họ tất cả các cấp học từ mầm non đến trung học phổ thông một cách phổ cập trong toàn ngành giáo dục.

Đất nước ta vốn có nền văn hóa lâu đời. Trong đó, cha ông ta đã tạo dựng được một nền âm nhạc truyền thống có bản sắc riêng, phong phú về hình thức, đa dạng về thể loại, có vị trí và vai trò quan trọng trong đời sống của người dân các dân tộc Việt Nam. Đặc biệt, đối với dân ca - thể loại âm nhạc mang đậm bản sắc dân tộc, được cho là “hồn cốt” của dân tộc - Điều đó lại càng thể hiện rõ nét. Vì vậy, có thể nói rằng, việc giữ gìn những tinh hoa truyền thống của âm nhạc dân tộc, trong đó có dân ca, là việc làm mang tính thời sự và cấp thiết! Một trong những cách bảo tồn và phát huy các giá trị của dân ca là đưa dân ca đến mọi tầng lớp, nhất là các em học sinh, để dân ca dần trở thành một thành tố âm nhạc không thể thiếu của cuộc sống hiện đại. Muốn vậy, công tác đào tạo, bồi dưỡng cho đội ngũ giáo viên âm nhạc; công tác giới thiệu, định hướng cho đội ngũ ca sĩ, diễn viên các đoàn nghệ thuật về âm nhạc cổ truyền nói chung, về dân ca nói riêng cần được đặc biệt chú trọng hơn nữa.

Thiết nghĩ, đặc trưng của âm nhạc dân tộc chính là tính ngẫu hứng, dị biệt và dị bản, chủ yếu được lưu truyền bằng phương thức truyền khẩu và truyền dạy trực tiếp. Do đó, tính nguyên gốc cũng như sự tồn tại của âm nhạc dân tộc phụ thuộc lớn vào các nghệ nhân. Vì thế, trong bối cảnh những “báu vật sống” của nền âm nhạc dân tộc hầu như đã ở vào tuổi “xưa nay hiếm”, chúng ta cần có chính sách đãi ngộ, vinh danh phù hợp, huy động tối đa khả năng truyền dạy của các nghệ nhân đối với lớp nghệ sĩ trẻ, bởi đây chính là biện pháp “bảo tồn sống” vốn âm nhạc dân tộc, song song với việc sưu tầm, lưu giữ, nghiên cứu các tác phẩm âm nhạc cổ truyền để có những cách thức vừa đơn giản, vừa hiệu quả trong việc đưa âm nhạc dân tộc đến gần hơn với đời sống đương đại. Và để tính đến con đường phát triển trong tương lai của nền âm nhạc dân tộc, ngay từ lúc này, không chỉ như Bắc Ninh đã làm, nhất thiết phải có những biện pháp đưa âm nhạc truyền thống vào học đường. Âm nhạc dân tộc phải được tác động vào tâm hồn học sinh để các em hiểu một cách nghiêm túc, rồi từ hiểu mới dẫn đến thích, từ thích dẫn đến đam mê. Muốn thế, các cấp, ban, ngành liên quan cần phối hợp với các chuyên gia âm nhạc dân tộc biên soạn giáo trình đào tạo âm nhạc cho các cấp, đồng thời tính đến phương án đào tạo âm nhạc dân tộc cho các giáo viên âm nhạc. Đây không phải chuyện một sớm một chiều mà là con đường lâu dài, đòi hỏi sự dốc tâm, dốc sức của cả một tập thể, nhưng là con đường không thể không đi, vì một nền âm nhạc truyền thống Việt Nam đa dạng, giàu bản sắc và đậm giá trị văn hóa./.

HOA TUYẾT RƠI LŨNG TRỜI

NGUYỄN TIẾN LỘC

Tôi hơi ngỡ ngàng khi ngày đầu tiên đến trường đại học kinh tế, bang Colorado miền Trung - Tây nước Mỹ, vào tháng hai trời đầy tuyết, đọc được ở vòm cổng trường dòng chữ: “Nghĩ đến lợi ích 10 năm phải trồng cây. Nghĩ đến lợi ích 100 năm phải phát triển giáo dục”. Bên dưới ghi tác giả: “Nhà thơ Trung Hoa - 500 năm trước công nguyên”. Một trường đại học ghi ra một câu như thế này, chứng tỏ nước Mỹ đã biết quan tâm đến văn hóa phương Đông. Điều đó có lý trong thời kỳ hội nhập toàn cầu. Mỗi nền văn hóa đều có những bản sắc riêng mà mỗi dân tộc cần tham khảo, trao đổi, học tập.

Mục đích tôi đến trường này là nâng cao trình độ tiếng Anh, học bổng do một tổ chức quốc tế cấp để rồi về quản lý một dự án do nước nước ngoài tài trợ. Trong một lần tìm tài liệu tham khảo, tôi tình cờ xem cuốn đại bách khoa toàn thư của Mỹ thấy có mục về Chủ tịch Hồ Chí Minh. Họ giới thiệu về Bác rất trân trọng kèm theo bức

ảnh chụp vào khoảng 1945 - 1946. Các nhà văn Nguyễn Tuân, Nguyễn Đình Thi, nhạc sĩ Văn Cao, Đoàn Chuẩn, Trịnh Công Sơn được họ nêu những nét cơ bản về tài năng, tính chất. Họ nhận xét nhạc Đoàn Chuẩn mang tính hiện đại nhiều hơn cả. Tôi mừng vì các văn nghệ sĩ ta đã có chỗ đứng trong lĩnh vực văn học nghệ thuật của Mỹ. Nhưng họ hiểu về các danh nhân cũng như con người, dân tộc Việt Nam còn sơ sài, nhầm lẫn. Những khiếm khuyết ấy không phải là do thiếu tư liệu, vì Mỹ là nước có hệ thống tổ chức xã hội, khoa học chu đáo. Vào năm nước Mỹ kỷ niệm 200 năm ngày thành lập thì nhiều cơ quan khoa học, giáo dục của Mỹ cũng kỷ niệm 200 năm ngày ra đời của mình. Những thiếu sót khi họ giới thiệu các nhà văn lớn của nước ta nói ở trên phải chăng phát sinh từ bản tính kiêu ngạo vốn có của người Mỹ. Lúc nào cũng tự cho mình là nhất thiên hạ, siêu nhân, siêu đẳng, siêu cường, “hạ mục vô nhân”. Làm cái gì họ cũng muốn đẹp

nhất, bèn nhất, to nhất. Làm chiếc bánh hamburger họ muốn nó ngon nhất, nhiều tầng, to nhất, để ngoạm mỗi miếng thật to cho khoái khẩu. Do vậy, tuy họ đã nhận ra văn hóa phương Đông là hữu ích thì họ cũng còn chệnh mảng nhiều.

Buổi chiều chủ nhật đầu tháng hai ấy, khi tôi đã vào ở ký túc xá trường này gần một tháng, tuyết vẫn rơi trường kỳ, ngày này sang ngày khác, tuyết trắng xóa những lùm cây hai bên đường, tuyết chỉ ngừng cách quãng đôi chút vào trưa và chiều. Rét đến âm hai mươi độ. Tuyết phủ trắng các nóc nhà trên phố. Từ phòng ở của tôi nhìn xuống, những chiếc ô tô đậu dọc hai bên đường chỉ bé bằng con bọ hung, tuyết phủ gần như kín hết, chỉ phần dưới của bốn cái lớp còn hở.

Hôm đó, tôi chỉ ở trong phòng, học tiếng Anh suốt ngày. Buồn đến điên người, lại thêm ngột ngạt vì điều hòa hai cục hoạt động liên tục, nuốt hết khí tươi. Thèm nói một câu tiếng Việt mà không có ai để nói. Không có ai để gặp hoặc gọi điện thoại. Trường này có gần một nghìn sinh viên chỉ một mình tôi là người Việt. Mấy tuần nay, chưa nói một câu tiếng Việt nào, cả ngày nói tiếng Anh, lú cả lưỡi, trọ cả hàm. Nói ở trên lớp. Nói lúc ăn, lúc giải trí. Cô giáo còn bảo ai nói tiếng Anh trong khi ngủ nữa mới đáng khen. Tôi cảm thấy cô đơn như một tội phạm bị giam cầm bởi tuyết giữa một nơi xa lạ. Tôi buồn vì mình có tiếng Việt mà không biết nói với ai. Thèm nói tiếng Việt đến chết mà không ai nói với mình.

Bỗng có tiếng chuông điện thoại réo. Tôi định không bắt máy để khỏi phải nghe

mấy cái giọng tiếng Anh “giả cày” âm ớ hơn cả mình của vài ông bạn sinh viên châu Phi chuyên gọi điện hỏi bài vở, vay tiền để ăn chơi. Nhưng nghĩ lại, nhờ có giảng viên quản lý mình gọi thì sao. Tôi nhắc máy lên. Ở đầu dây bên kia có một giọng hỏi rất hách dịch: “L. đấy phải không?”. Tôi mừng vì có người Việt gọi cho mình, nhưng không nhận ra tiếng ai, không phải là vợ con, hồi đó điện thoại ở Việt Nam chưa phát triển đến mức gọi quốc tế và gia đình tôi cũng chưa có điện thoại, nhưng không dám làm mất thì giờ của người đang gọi mình ở xứ tuyết này, hơn nữa đang thèm được nói tiếng Việt, nên vội vàng trả lời, thưa gửi rất lễ phép. Giọng hách dịch ấy hỏi rằng có phải tôi mới từ Hà Nội sang, đang cần có việc làm. Tôi trả lời là đúng, đầu tuần vừa rồi tôi được xe của trường đưa đi siêu thị “Asian Food” mua thực phẩm, tôi có nhờ cô nhân viên thu ngân người Thái Lan mà tôi tưởng nhầm là người Việt, tìm hộ một chân nấu bếp. Cô ta nhận lời. Tôi tưởng cô ta chỉ hứa suông, không ngờ cô ấy đã thực hiện đúng lời hứa.

Giọng “ông chủ” tương lai của tôi lại vang lên, hỏi địa chỉ, dẫn tôi khoảng mười lăm phút nữa ra đón ở trước cửa hàng sách gần trường. Tôi ra đến nơi đã thấy có một chiếc xe Renault kiểu Pháp đỗ ở chỗ hẹn. Một người đàn ông tầm thước, đôi mắt to, thông minh lộ đầu ra, hỏi tôi vẫn câu lúc nãy: “L. đấy phải không?”. Tôi chưa kịp trả lời, ông đã ra khỏi xe, bảo tôi đưa lên phòng ở. Tôi đoán ông muốn lên kiểm tra chỗ ở của tôi cho chắc chắn, khỏi nhầm lẫn. Ông ngồi trên chiếc giường ngủ của tôi, rút bao thuốc hút một mình một cách tự

nhiên. Tôi thấy khuôn mặt ông có vẻ khác
 khô, đuôi mắt có nhiều vết chân chim, tuổi
 chừng năm mươi. Ông tự giới thiệu ông
 đang làm việc cho Khoa giáo dục thường
 xuyên, trường đại học tổng hợp Colorado,
 mà trường tôi học là một đơn vị trực thuộc
 của trường ấy. Cách giới thiệu của ông cốt
 để cho tôi phải coi trọng vị trí của ông.
 Ông hỏi tôi có biết nấu nướng không và
 đòi bao nhiêu một giờ. Tôi không trả lời
 trực tiếp mà kể với ông về chuyện tôi đã đi
 làm cho quán ăn của một người I-rắc ở ngã
 ba gần chỗ ông đỗ xe. Những ngày đầu mới
 sang, tôi thường ăn trưa ở đó, các bữa khác
 tự nấu ở nhà. Chủ quán biết tôi là người
 Việt Nam, tỏ ra rất có cảm tình, nói với
 tôi rằng, dân Việt Nam đánh thắng Pháp,
 thắng Mỹ ròng rã ba mươi năm, người
 I-rắc phục lắm, vì đánh nhau thì quân chết,
 dân chết, đời sống vô cùng khổ cực, thế
 mà dân Việt Nam vẫn chịu được. Còn dân
 I-rắc đánh nhau với I-ran chết nhiều quá,
 chỉ sau một ngày, cả hai bên đều xin ngừng
 chiến. Ông chủ Iraq trả tiền công cho tôi 5
 “đô” một giờ, thấp hơn mức quy định một
 “đô” vì tôi đi “làm chui”, không có thẻ an
 sinh. Tôi làm được một tuần thì bỏ việc
 do ông chủ bắt chuyển giờ làm từ chiều
 tối sang sáng, phạm vào giờ học mà tôi đi
 làm với mục đích là có dịp giao tiếp tiếng
 Anh là chính, chứ không phải để kiếm tiền.
 Còn bây giờ làm cho ông, tiền công bao
 nhiêu cũng được, vì tôi muốn có chỗ để nói
 tiếng Việt với khách hàng người Việt cho
 đỡ nhớ quê hương. Ông quan sát phòng
 tôi khá kỹ, rồi chỉ vào mấy hộp xếp đựng
 đồ ăn của Nhà hàng Trung Hoa ở gần tủ
 lạnh, hỏi tôi: “Cậu vừa đi ăn nhà hàng về

đây à?”. Tôi kể lại với ông rằng, tối thứ
 sáu vừa qua, chủ nhiệm khoa tiếng Anh,
 bà Barbara Sihombing mời tôi đi ăn ở nhà
 hàng Trung Hoa cùng với ông chồng và
 đưa con khoảng bốn tuổi. Bà bảo đáng nhẽ
 mời tôi đến nhà hàng Việt Nam để tôi bớt
 nỗi nhớ nhà, nhưng ở đây không có. Chính
 bà đã ra tận phòng chờ sân bay đón tôi, vì
 tôi là bạn của bà. Bà đã sang trường tôi
 làm việc, đã góp phần xin cho tôi học bổng
 học ở đây. Cuối bữa ăn hôm ấy, còn thừa
 khá nhiều đồ ăn, bà gọi bồi bàn đem “dogy
 bag” đến, mãi sau tôi mới hiểu đó là loại
 hộp đựng đồ ăn cho chó và bà sai cậu ta
 trút mấy đĩa “sơn hào, hải vị” vào để bà
 đem về. Đức tính tiết kiệm của người Mỹ
 thật đáng học tập. Bà chọn nhà hàng này
 là vì tôi và còn vì con bà, trẻ em dưới năm
 tuổi được ăn miễn phí. Trên ô-tô đi về sau
 bữa ăn, có một điều bất ngờ xảy ra là bà
 chuyển ba hộp đồ ăn ấy cho tôi, nói: “Ông
 cầm những thứ này. Ông sẽ đủ ăn trong hai
 ngày đấy”. Tôi hơi ngần ngại, suy nghĩ một
 chút rồi nhận ngay, vì thấy vẻ mặt của bà
 rất chân tình. Sau đó, tôi hỏi bà rằng, ông
 Hiệu trưởng sẽ mời tôi ăn tối vào cuối tuần
 này, bà có dự không. Bà nói, hôm ấy là
 buổi tiếp khách riêng của hiệu trưởng, ông
 ấy tự bỏ tiền ra với mục đích là tìm hiểu kỹ
 hơn về trường của tôi để năm sau ông ấy
 sang cùng phối hợp điều hành dự án cho
 khỏi ngỡ ngàng. Bà không dự. Còn buổi chiều
 đãi của Ban Giám hiệu nhà trường trước
 khi tôi về nước, thế nào bà cũng dự. Cách
 làm việc của nước Mỹ thật hay. Nghe xong
 những câu chuyện của tôi vừa kể, giọng
 hách dịch của “ông chủ tương lai” của tôi
 chùng xuống và nói: “Thế là tôi hiểu cậu

rồi. Bà Barbara cũng là bạn của tôi. Trước, tôi cũng đã dạy tiếng Anh ở đây. Thời còn ở Việt Nam, tôi đã từng là phiên dịch cấp quân đoàn của chế độ Việt Nam Cộng hòa. Nhưng thôi, chuyện đó nói sau. Còn bây giờ, nhà nước cũ cậu sang bên này học là hay lắm, khác với hồi mình ở trong nước.”

Nhìn quanh một lát, ông bảo tôi còn thiếu nhiều thứ, sang bên ông, ông sẽ cho một ít. Tôi coi đó như là lời tuyên bố nhận tôi là người giúp việc. Ông đứng lên bảo tôi ra xe về nhà ông, bắt đầu công việc luôn. Trên xe, ông nói, ông sinh năm Giáp Thân, 1944, tên là Bằng, quê Hà Nội. Như vậy là ông hơn tôi bốn tuổi. Tôi sẽ được giao một chiếc chìa khóa. Theo đúng lịch, một tuần ba buổi, tự đi đến nhà ông mà nấu nướng, làm món gì, ông ghi sẵn trên giấy đặt ở phòng khách, thiếu thứ gì gọi điện cho ông, đừng hỏi hàng xóm làm phiền nhau, người Mỹ không thích. Làm xong về, nhớ khóa cửa cẩn thận. Hôm ấy, tôi ở nhà ông làm đầu bếp buổi đầu tiên dưới sự chỉ dẫn của ông. Ông tỏ ra hài lòng vì tôi làm mọi việc cẩn thận, sạch sẽ. Trong khi tôi làm thì ông nằm nghỉ, thỉnh thoảng đứng lên bảo cho tôi cách làm thứ này thứ nọ theo ý của ông. Chợt có tiếng chuông đồng hồ réo vang. Ông bảo đó là chuông báo giờ ăn của ông. Ông sử dụng thời gian rất chặt chẽ, hàng ngày phải đặt chuông báo những việc quan trọng, để khỏi quên. Làm việc cho Mỹ căng thẳng lắm, sơ xuất là dễ về xua gà cho vợ. Ông mời tôi cùng ăn, ông phải ăn đúng giờ để còn kịp đi làm thêm ở cây xăng từ 11 giờ đêm đến 6 giờ sáng. Sau đó về cơ quan nghỉ đến 8 giờ làm việc tiếp. Ông phải làm thêm công việc phụ mới đủ

tiền nuôi hai con học đại học. Đây chính là lý do ông cần người giúp việc.

Trên xe ô tô đưa tôi về ký túc xá, ông nói, ông vui vì tìm được một người giúp việc tốt, thật thà, ăn nói lưu loát, những người có nhiều uẩn khúc mưu tính trong lòng không thể như thế được. Từ đó, ông không gọi tôi là cậu nữa. Cuối tháng ấy, ông trả tôi 6 “đô” một giờ, tổng lương của tôi đáng lẽ chỉ bảy mươi hai “đô” ông chi cho tôi một trăm “đô”. Tôi cầm số tiền ấy trong giây lát để tỏ rằng tôi đã nhận rồi trả lại ông ngay, tôi nói rằng làm việc cho ông, tôi đã được ông cho ăn và nhất là có dịp nói tiếng Việt với ông là thỏa mãn rồi. Còn nếu có thể, thỉnh thoảng đi đâu đó, ông cho tôi đi cùng vì tôi muốn hiểu biết nhiều về nước Mỹ.

Trong những tháng tiếp theo, tôi vẫn là người giúp việc cho ông. Xen kẽ vào những lúc rảnh rang ông hỏi về nhân thân. Tôi kể vợ tôi dạy cấp hai ở quận nội thành. Tôi chỉ có hai con trai, chúng có học bổng của nước ngoài cho, đang học đại học ở châu Âu. Một đứa viết thư cho tôi, thăm dò về việc nó định lấy một cô gái lai, bố người Thụy Sĩ, mẹ người Philipin. Tôi trả lời là tùy nó. Tôi lấy ảnh gia đình tôi cho ông xem. Xem xong, ông nói tôi là người hạnh phúc. Nhiều người ở nước ngoài dễ gì được như thế. Từ đó, ông nhìn tôi với con mắt khác.

Tôi còn nói về nỗi cô đơn và thèm nói tiếng Việt của tôi vào những ngày tuyết rơi trường kỳ cho ông nghe. Nếu cứ kéo dài thế, có lẽ tôi sẽ bỏ học về trước hạn rồi. May mà gặp ông. Ông nhìn tôi vẻ thông cảm, nói với tôi rằng, hiện nay, ông cũng

có nỗi cô đơn, khắc khoải như thế, có khi còn khủng khiếp hơn và khi nào chết thì mới hết. Ông có vợ mà không nói chuyện được. Hồi ở trong nước, ông vừa học xong đại học văn khoa, bị bắt đi quân dịch, bị đẩy ra Vùng chiến thuật Một. Chịu hết nổi pháo của Việt Cộng ở vùng Cồn Tiên, Dốc Miếu, ông đành nhắm mắt lấy đại em gái của thượng cấp để được chuyển về Sài Gòn làm phiên dịch. Hạnh phúc được đúng ba bảy hai một ngày ông mới biết là vợ ông đang làm ở sở Mỹ vốn là nữ binh trong đoàn Thiên Nga tâm lý chiến. Ông không chịu nổi tính cách nổi loạn của vợ. Khi sang bên này, ông lại mắc vào cái thòng lọng khác. Ông nói, thực lòng ông không muốn đi Mỹ, dù là được đi theo kiểu bảo lãnh. Ông đã chán ngấy tội bạn của vợ, đều cằng, bi ối, tham tiền, hám gái. Vợ ông hư hỏng vì tội chúng. Ông đã ở lại Sài Gòn sống cuộc đời của một công dân lương thiện bằng những tài lẻ của một sinh viên văn khoa quê gốc Hà Thành. Mãi đến năm 1989 ông mới dứt áo ra đi vì quá nhiều người đến làm phiền. Họ hỏi đi hỏi lại mỗi một câu: “Nhà anh có năm anh em trai, bốn người đã đi Mỹ theo dịch, cả vợ anh cũng đã đi. Tại sao một mình anh ở lại”. Ông trả lời rằng, mỗi người một số phận, mỗi thằng một ý thích. Bốn thằng em tôi ở lại thấy làm ăn khó thì chúng đi. Tôi làm ăn được tôi ở lại. Còn vợ tôi là một con “quỷ cái”. Nó đi, tôi thoát nợ. Tại sao các anh soi mói đời tư của anh em chúng tôi làm gì? Nhưng giải thích mãi, họ vẫn không tin, vẫn đến “hỏi thăm”. Về sau ông đóng cửa không tiếp, họ đứng ngoài cửa nói chuyện với mấy cán bộ khu phố. Bực quá, ông nói

thẳng với họ: “Tôi có tội với cách mạng tôi đã đi cải tạo xong rồi, tôi chẳng sợ gì các anh, về đi”. Họ vịn vào câu nói đó, bắt ông lên quận cho rằng, ông thách đố cách mạng, coi thường cán bộ, ông ở lại là để làm nội ứng, chờ thời... Vu cáo, dậm dọa đến mức ấy thì ông phải đi. Nếu cứ kháng kháng ở lại, tai bay, vạ gió lúc nào không biết. Sang đến bên này, tìm việc rất khó, những chỗ béo bở và cả xương xẩu nữa, đều đã hết, vì ông sang muộn. Thêm vào đó, những “đồng đội” cũ lại giáng cho ông một đòn chí tử. Họ báo với chính quyền Mỹ trong thời gian lao động cải tạo, ông đã “bán mình” cho Cộng sản nên được gia ân về trước hạn. Quả có chuyện như vậy thật. Đó là theo quy định của nhà nước ta, các sĩ quan nguy thành khản hồi cải, khai báo hết tội lỗi, tích cực lao động cải tạo tư tưởng sẽ được trả quyền công dân sớm. Ông là đại úy, hạn cải tạo nói chung là ba năm. Ông gương mẫu, tích cực trong mọi hoạt động, được về sớm nửa năm. Khi sang Mỹ do có “phốt” đó, ông gặp nhiều khó khăn khi xin việc. Ông đành phải nhờ vào thế lực của người anh vợ, vốn là thượng cấp của ông. Trước ngày 30 tháng tư ông ta đã đeo lon thiếu tướng và đã cùng em gái cao chạy xa bay sang Mỹ ngay. Thời gian đó, mọi người loay hoay tìm việc làm và cách sinh sống ở California thì ông thiếu tướng với tầm nhìn chiến lược, đã nhanh chân đầu đơn xin làm chức chủ nhiệm khoa “Lịch sử chiến tranh” ở trường đại học tổng hợp Colorado. Đơn ấy được chấp nhận lập tức, vì “ngài” thiếu tướng đã từng được quan thầy cho sang tu nghiệp ở Mỹ vài lần trong những trường đại học quân sự danh tiếng

của Hoa Kỳ và có nhiều trải nghiệm chiến trường. Nhờ anh vợ, ông Bằng có việc làm ở đại học Colorado, chui vào chiếc thùng lọng của vợ ở Mỹ là như vậy. Tuy là sang Mỹ, ông vẫn ở riêng một mình nuôi dạy con cái.

Tháng cuối cùng trong chuyến du học của tôi là tháng có ngày kỉ niệm của Hội cựu chiến binh Hoa Kỳ. Trường đại học tổng hợp Colorado tổ chức một cuộc gặp mặt long trọng. Những cựu chiến binh Mỹ được mời ngồi ở hàng đầu cùng quan khách, ban giám hiệu. Những sinh viên quốc tế cũng được mời dự. Viên tướng, chủ nhiệm khoa “Lịch sử chiến tranh” đã đọc một bài dài ca ngợi nước Mỹ, đồng minh tin cậy của Việt Nam Cộng hòa đã có công ngăn chặn nạn xâm lăng, bành trướng của Cộng Sản ở miền Nam Việt Nam, để lại sự hãnh diện cho người dân Việt Nam. Ông Bằng trong lời phát biểu của mình đã cảm ơn chính sách hậu chiến thủy chung của Mỹ, đã tạo điều kiện cho những sĩ quan đã hợp tác với Mỹ trong chiến tranh ở Việt Nam có điều kiện thuận lợi sang định cư ở Mỹ. Đại diện cho khối sinh viên quốc tế, tôi phát biểu không chúc mừng, ca tụng mà chỉ kể một câu chuyện. Tôi kể rằng, trong chiến tranh, tôi làm việc ở một trường đại học, chúng tôi phải rời khỏi thủ đô, chuyển về vùng rừng núi để tránh bom đạn. Chúng tôi là loại nhân lực được nhà nước bảo đảm an toàn để đào tạo lực lượng xây dựng đất nước sau khi chiến tranh kết thúc. Tôi chưa một ngày nào ra mặt trận. Tôi chỉ xin kể chuyện về một ông tướng của quân đội nhân dân Việt Nam, vốn là giảng viên là ông thầy đã dạy ở trường tôi.

Năm 1953, ông tham gia chiến dịch Điện Biên Phủ. Chức vụ của ông lúc đó là tiểu đoàn trưởng. Khi đòi A1, một vị trí then chốt của trận tuyến Điện Biên Phủ được quân Pháp xây dựng rất kiên cố, bị quân đội Việt Minh dùng bộc phá, đại bác phá tan, chiếm được, có nghĩa là trận chiến đã kết thúc, Việt Minh đã thắng. Nhưng đại tướng Võ Nguyên Giáp của chúng tôi ở chỉ huy sở cách đó hai mươi cây số vẫn phái người tiểu đoàn trưởng (sau này, khi giải ngũ ông trở thành giảng viên của trường chúng tôi) đi kiểm tra xem đã thực sự chiếm được chưa, để nếu đúng, đại tướng mới dám báo cáo lên Chủ tịch Hồ Chí Minh. Viên tiểu đoàn trưởng cưỡi con ngựa hồng phi như bay đi kiểm tra. Thấy tận mắt cứ điểm đòi A1 đã tan hoang, ông sung sướng cho ngựa phi ba vòng xung quanh đồi A1 trong khói đạn bom còn mù mịt, sặc mùi thuốc súng để ghi nhận giờ phút vinh quang này, rồi mới phi nhanh về báo cáo với đại tướng. Sau hòa bình 1954, chống Pháp thắng lợi, ông chuyển ngành, về trường chúng tôi làm nghề thầy giáo. Khi cuộc chống Mỹ cứu nước vào giai đoạn quyết liệt, ông đã lại tình nguyện vào quân đội chiến đấu. Trong chiến dịch Hồ Chí Minh giải phóng Sài Gòn ông đã trở thành một viên tướng dẫn đầu đoàn quân tiến về sào huyệt cuối cùng của chính quyền Sài Gòn. Chính người lính của ông đã cắm lá cờ chiến thắng trên nóc Dinh Độc Lập, báo hiệu sự sụp đổ của một chế độ chính trị không được lòng dân.

Câu chuyện kể của tôi được cử tọa vỗ tay hoan nghênh hơn cả bài diễn văn ca tụng nước Mỹ của viên tướng bại trận. Máy ảnh bạn sinh viên da đen ôm lấy tôi

bảo, mày có ông thầy lãng mạn quá, ông ấy thật vĩ đại, đã đánh cả Pháp, cả Mỹ. Có thật thế không? Tôi mỉm cười gật đầu.

Càng gần ngày về nỗi nhớ gia đình, quê hương của tôi càng lớn. Ông Bằng biết vậy, động viên tôi: “Ngày về của anh gần rồi. Đường về của anh thênh thang. Còn tôi chẳng ai đón đưa cả. Trở đi mắc núi. Trở lại mắc sông. Ở bên này có gia đình cũng như không”. Tôi tự trách mình không quan tâm đến tâm trạng của ông. Cứ tưởng rằng cuộc sống vật chất cao chót vót sẽ làm người ta hạnh phúc. Thành ra, ông Bằng cũng đầy trăn trở con đường trở về. Ông nói, ở Hà Nội, họ hàng, gia đình bên nội nhà ông nhiều người thành đạt lớn, mảnh đất khu vực rạp Đại Nam trước đây là của ông nội định để cho ông. Ông nhờ khi nào tôi về thử đi qua xem như thế nào. Ông còn nhớ cây bàng lá đỏ ở phố Hàng Bọt ra quả thơm ngon, ngon nhất trong dãy bàng ở phố ấy, ông thường phải tranh nhau với lũ trẻ con bên Hàng Lọng mỗi khi quả chín. Tôi nói, nó ở gần một nhà thờ, ông gật đầu. Tôi nhận lời dặn dò của ông và nói với ông rằng, đường về đã mở, nó có thênh thang hay không một phần cũng do mình nữa. Cây bàng lá đỏ mà ông nhớ đã trở thành cổ thụ rồi, vẫn ra quả xum xuê, vẫn ngọt, còn nó có ngọt như xưa không tôi không dám chắc, bởi vì việc thưởng thức hương thơm quả lạ còn phụ thuộc vào tâm



trạng, tuổi tác và sự trải nghiệm nữa, lần đầu tiên khác với những lần sau. Nhưng có một điều tôi dám cam đoan với ông rằng, nếu ông trở về, đến nếm lại vị ngọt, thơm phảng phất của quả bàng lá đỏ ngày xưa thì lũ trẻ con phố Hàng Lọng ngày ấy sẽ không tranh nhau với ông nữa đâu. Bọn chúng cũng người còn người mất, chân trời, góc biển, trong Nam ngoài Bắc và chỉ những đứa có tình cảm với quê hương đất nước như ông thì sẽ nhớ. Phố Hàng Lọng cũng đã đổi tên thành Lê Duẩn, một con người nổi tiếng trong sự nghiệp giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước./.

Tim lại những mùa Ngâu

NGUYỄN HÀ HẢI

Tháng Bảy mưa ngâu, ai bắc cầu Ô Thước... câu hát cứ ngân vang, ngân vang như dội về kí ức của một thời tuổi thơ bên cánh võng đay của bà. Tôi ngồi trên giường, hé mở cánh cửa sổ nhìn ra ngoài trời mà thấy lòng buồn man mác. Mưa... mưa rồi lại mưa, những hạt mưa cứ nối tiếp nhau rí rách, rí rách như trăm ngàn nốt nhạc thời gian kéo hiện tại về với quá khứ xa xôi, thả trôi những hạt cảm xúc cứ miên man trôi chảy. Tôi xa mẹ từ nhỏ, cũng vì điều kiện, mẹ tôi phải đi làm xa, thư thoảng mới về thăm tôi được vài lần, căn nhà ngói 5 gian đã cũ đi vì thời gian chỉ có hai bà cháu, với tôi, tình yêu thương của bà đã làm voi đi nỗi nhớ mẹ. Mỗi lần về thăm tôi được mấy ngày, là mẹ tôi lại phải trở về thành phố đi làm, và rồi cứ mỗi lần mẹ tôi đi là tôi lại khóc, ngoại tôi phải dỗ dành, cưng nựng, tôi cố ngoái cổ nhìn bóng mẹ khuất sau những bụi tre mới chịu quay về. Những giọt nước mưa tháng Bảy

hòa trong những giọt nước mắt mặn chát của 1 đứa trẻ thơ đại khóc đòi mẹ ở lại chơi với tôi thêm ít ngày mãi in sâu vào trong kí ức tôi, nó như 1 phần hoài niệm không thể nào phai nhạt. Mỗi buổi chiều quê, khi những vạt khói lam mờ ảo như dải lụa màu mờ xa trên bầu trời, in dáng cánh cò chờ mưa về rắc hạt xuống sân, tôi ngồi dưới mái hiên nhà chìa bàn tay nhỏ gầy guộc hứng những giọt mưa tí tách, Chẳng ồn ào xối xả như mưa mùa Hạ, không lạnh buốt như mưa mùa Đông, cũng không bụi mờ rả rích như mưa mùa Xuân, mưa Ngâu chợt đến rồi cứ lưu luyến lặng thầm dằng dai mãi chẳng muốn rời...

Mưa ngâu mang cái trọng trách gieo rắc nỗi buồn cho những ai đang mãi miết lo toan. Quả là như vậy, ngoài vườn, tôi vẫn thấy ngoại lưng còng cặm cụi chăm bón từng luống rau, ngoại khoác cái mảnh vải mưa nhỏ đã rách sòn, mảnh vườn nhỏ xíu trước nhà cứ mưa là ngập, quần ngoại



xấn lên đến đầu gối, bấp chân gân guốc lấm đất, lấm bùn vẫn mãi miết, cần mẫn xới vun, ngoại lấy cái gáo dừa nhỏ múc từng gáo nước trong vườn đổ đi cho rau đỡ ngập, oi những giọt mưa vô tình thả xuống cuộc đời ngoại tôi bao nỗi truân chuyên, trĩu nặng. Bên cánh võng đêm đêm, tôi thiu thiu ngủ qua lời ru của ngoại, ngoại ru cánh cò chờ những cơn mưa đi qua mùa thương nhớ, cánh cò huyền diệu ấy như chờ cả mối tình Chúc Nữ, Ngưu Lang trong sâu thẳm đợi chờ. Ngoại kể mỗi năm Ngưu Lang Chúc Nữ chỉ được gặp nhau có một lần rồi lại phải chia xa. Cái ngày ấy tôi chưa biết tình yêu là gì, chỉ biết rằng

sự hội ngộ, gặp gỡ và yêu thương, được sà vào vòng tay của mẹ mỗi khi mẹ về, được mẹ xoa đầu, ôm ấp, được kể cho mẹ nghe những câu chuyện tuổi thơ là điều hạnh phúc, may mắn nhất rồi. Tôi mong chờ mưa ngâu để mẹ nhanh về, và mong cho trời đừng tạnh để mẹ ở bên tôi lâu hơn.

Mỗi tháng bảy âm lịch về, dù vẫn biết trời sẽ vẫn đổ mưa ngâu trong vòng quay luân hồi, nhưng sao nhiều người vẫn cứ thổn thức, băng khuâng. Người thì chờ mong những cơn mưa để làm dịu đi những cái nắng cuối hạ. Người thì mong ngóng đón chờ chỉ để thêm một lần tận thấy những cơn mưa chẳng vội vã, cứ chậm

chậm, lặng lẽ mà dằng dai như gửi vào đó những yêu thương nhung nhớ của những ngày xa cách, đợi chờ và lại chia xa.

Với tôi, dẫu đã đi qua bao mùa, nhưng mỗi mùa mưa ngâu ấy vẫn giống như cây cầu đi từ mùa hạ sang mùa thu. Cây cầu mưa ấy không thể đưa ngược về quá khứ, nhưng mang lại nặng trĩu bao nỗi niềm. Mỗi mùa mưa ngâu tới tôi lại muốn được đi trong ngâu, để cảm nhận từng bước đi qua cây cầu mưa ấy, và mỗi lần như thế lại gọi trong tôi bao nỗi nhớ không tên, băng khuâng một nỗi niềm hoài niệm vương vấn với những thứ tình cảm mông lung, khó tả.

Đã qua rồi cái thời vụng dại, đã qua đi cái tuổi thơ đầy ắp những cơn mưa, và đã qua những buổi chiều mưa ngồi bên hiên ngóng mẹ, những ban trưa nghe tiếng mưa rơi làm ướt cả lời ru, những giọt nước mắt thơ dại của một đứa trẻ gào khóc mỗi khi mẹ nó phải trở về thành phố để đi làm, những đêm mưa dầm dề, thao thức dưới mái ngói đã ngả màu sương khói, hạt mưa trâm bông như những nốt nhạc tuổi thơ đưa tôi bước qua cái tuổi dại khờ, để giờ đây khi lớn lên, ngoại cũng theo cơn mưa tháng Bảy về trời, còn mái tóc mẹ tôi cũng đã bạc trắng đi bởi những cơn mưa cuộc đời, tôi không còn mong mưa ngâu về nữa...cuộc sống đổi thay, thời tiết bốn mùa cũng xoay chuyển, ít khi còn giữ được cái quy luật tự nhiên như vốn có, ở 1 nơi chân trời phía xa kia, Nguru Lang có còn nhớ thương Chúc Nữ để thả những giọt lệ buồn vương vấn khắp nhân gian...chỉ biết rằng, mỗi độ tháng Bảy về, mẹ tôi lại ra

nhìn về vườn trâu của ngoại, đợi chờ một điều gì đó mơ hồ, trong tâm thức lại nhớ về những mùa ngâu xưa ấy, cái mùa ngâu giữa ruộng bãi mênh mông, từng con nước thỏa chí chơi đùa trắng xóa, nước từ sân men theo vườn ra ao nhỏ, lán qua gò, lút bãi nhập vào sông quê, bao dung và phóng khoáng, sông đưa nước ao vườn theo sóng phiêu du khắp đó đây, đưa ta về cái bậc cầu ao cũ xanh rêu mà đầy thương nhớ. Những mùa ngâu nay chỉ còn nhớ trong kí ức, bởi nó đã khác xưa nhiều, ruộng bãi không còn, những cái ao nhỏ cạnh nhà giờ cũng bị lấp đi, thay vào đó là những ngôi nhà kiên cố, ngâu cũng đồng đánh, trái tính trái nết, có khi bắc cầu chờ, mà tháng Bảy vẫn bừng ánh nắng, sang đến tháng Tám mới sầm sập quay về, ngâu như bão tố, dồn dập chẳng dịu êm, nước trắng trời, mặt đường không kịp thoát, nhiều nơi nước đi qua cửa tràn vào sân, vào nhà, xe cộ ngoài đường gặp mưa chết máy, ướt tất cả, ướt áo quần, ướt nụ cười, ướt cả nỗi nhớ mùa xưa.

Tôi thầm nhủ với lòng mình vẫn mong lắm những giọt mưa ngày thơ bé để lại một lần được trở về với kỉ niệm tuổi thơ, khi Nguru Lang vẫn còn tìm Chúc Nữ qua cây cầu Ô Thước tưởng chừng xa vời vợi, khi bầu trời còn tìm mặt đất, khi những người thương bên cạnh ta vẫn luôn muốn ở bên nhau chẳng muốn rời ra, chia cắt, thì mưa ngâu ơi, hãy ngược dòng thời gian quay lại để thả những giọt tâm hồn trong trẻo và dịu ngọt như xưa../.

KHOẢNG LẶNG CHIẾN TRANH

TRẦN QUỐC CƯỜNG

1. Nửa đêm. Bà nội rón rén bước xuống giường. Tiếng dép va vào nền xi măng lẹp xẹp. Tiếng ho khục khặc. Giọng thảng thốt: “Út! Út ơi! dậy! dậy! tháo huy chương...”. Tôi tiếc nuối giấc mơ tuyệt đẹp, đưa tay dụi mắt, nửa nằm, nửa ngồi, rên râm: “Người ta đi soi lươn, soi ếch đấy. Hòa bình lâu rồi mà nội cứ quên”. Bà nội lừng khừng: “Vậy à? Hòa bình rồi hử? Sao thằng Ba, con Năm, thằng Sáu chưa về? Hòa bình... Hòa bình...” - Bà nội lẩm bẩm.

Hòa bình đã bốn mươi năm rồi. Thi thoảng nửa đêm nghe tiếng chó sủa, bà nội tôi bật dậy quáng quàng, lập cập bê những tấm bằng huân, huy chương của các cô, chú tôi đem giấu vội vào hộc nhà vì sợ quân lính vào bắt bớ.

Đừng nói chi bà nội lẩn thẩn vì tuổi tác. Tôi đây, mấy năm sau ngày giải phóng, đêm nằm nghe tiếng chó sủa còn giật mình kinh hãi. Tiếng chó sủa của thời chiến như nổ bom chùm. Thoạt đầu phát

ra từ xóm dưới, xoáy sang xóm giữa, inh ỏi lên xóm trên. Ném vào không gian ư tịch thứ thanh âm rờn rợn, đay nghiến, gào réo nghe bảỉ hoại chân tay. Khi lũ chó cả xóm, cả làng đồng thanh tương ứng cũng là lúc tiếng mìn, tiếng súng nổ chát chúa, đing tai. Đường quê tôi trước năm 1975 là những con đường mới sẫm tối đã dày đặt mìn Claymore, mìn jip. Trên cánh đồng lúa chín vàng lỗ chỗ những hố đạn M79 sâu hoắm. Cảnh thương vong vì chiến tranh diễn ra hằng ngày đánh mất tuổi thơ hồn nhiên, trong sáng của tôi và lũ bạn cùng trang lứa.

Bà nội tôi có năm người con. Hơn một nửa trong số đó lần lượt lên đường tham gia cách mạng. Ông nội mất sớm. Cha tôi ốm đau dặt dẹo. Chú Ba Cỏn đứng mũi chịu sào. Chuyện cúng kính, mỗ mả ông bà, ruộng nương... bà nội đều trông cậy hết vào chú. Mỗi lần chú Ba cày bừa, tôi thường xách giỏ tre theo sau luống cày, rờng bừa bắt cua, bắt ốc. Đất ruộng bắt đầu

rã rữa, lán lầy cũng là lúc lũ cua bò lồm ngồm. Chú ba hét dí, thá chỉ huy con Cộ và con Mầm cò bị quàng vào gọng bừa, lại ca vọng cổ: “... Trời ơi! Bởi sa cơ giữa chiến trường thọ tiễn, nên Võ Đông Sơ đành chia tay vĩnh viễn Bạch Thu... Hà! Bạn tình ơi đừng hoài công mòn mỏi đợi chờ...”. Ca chưa trọn câu vọng cổ, chú Ba chuyển sang hát nhạc: “Chiến sỹ ta dầm mưa dãi nắng, mưa rét run người nắng sẫm màu da. Tấm vải ta làm ra mảnh áo, là chiến sỹ quyết tâm diệt thù...”. Tôi nghe chú Ba hát riết rồi thuộc lòng, vô tư hát cho lũ trẻ hàng xóm nghe. Lũ trẻ mục đồng truyền nhau hát vang vang khi ngồi trên lưng bò, lúc chơi trò đánh trống... Cho đến một hôm, gã lính xây dựng nông thôn nghe thấy. Gã mua kẹo, gọi chúng tôi lại chia đều, thủ thi: “Các cháu hát chiến sỹ ta dầm mưa dãi nắng hay đây! Thế ai tập hát cho các cháu?”. Bọn trẻ đổ dồn nhìn tôi, nhao nhao: “Thằng Út. Thằng Út đây chú! Chúng cháu nghe nó hát rồi hát theo”. Tôi kịp nhìn ánh mắt của gã lính áo đen sáng lên. Gã đặt bàn tay lên vai tôi, giọng ngọt như mía lùi: “Út cho chú biết ai dạy cháu hát nhé! Chú thưởng cháu năm đồng!” Đồng bạc hình răng cưa có bông lúa ở chính giữa hiện lên trong đầu tôi đầy hấp lực. Năm đồng bạc các mua được vô số kẹo. Tôi định nói, tự dưng hình ảnh chú Ba trùm mền mở đài nghe nhạc, nghe tin tức khiến tôi lo lắng, nói trớ đi: “Dạ! Cháu nghe thằng Cò hát đây ạ!”. Gã lính áo đen không bỏ lỡ cơ hội: “Cháu đưa chú gặp thằng Cò được không?”. Bọn trẻ lại nhao nhao: “Năm ngoái thằng Cò lội

boi qua sông chết đuối rồi chú ơi!”. Tôi không thành thật. Ấy thế, gã lính áo đen vẫn dúm vào tay tôi năm đồng mới cứng.

Về nhà, chú Ba nghe tôi kể đầu đuôi câu chuyện, liền ôm tôi hôn chùn chụt lên má, lên trán, giọng run run: “Cháu của chú giỏi quá! Cháu mà khai ra thì chú chết chắc. Từ đây cháu không được hát theo chú nữa nhé. Đây là bài hát của quân giải phóng”. Sau này tôi mới hiểu chú Ba hát bài hát của một nhạc sỹ cách mạng sáng tác từ trên chiến khu và càng hiểu vì sao mỗi lần nghe nhạc, chú Ba phải trùm mền.

Chẳng mấy khi được chú Ba khen, tôi thích lắm. Nghĩ lại chuyện đổ oan cho thằng Cò, tôi bức rức thế nào ấy. Chú Ba thấy tôi đang vui, vẻ mặt chột ỉu xìu thì vỗ về: “Cháu có chuyện gì buồn à?”. Tôi bối rối: “Biết thằng Cò có thông cảm cho cháu không?”. Chú Ba xoa đầu, an ủi: “Chiều nay chú cháu mình ra bờ sông đốt cho Cò nén nhang. Chắc nó không giận cháu đâu”.

Thằng Cò, con dì Hai ở xóm dưới là bạn thân của tôi. Nó cao lêu đêu, giọng nói chang chảng. Trong các trò chơi đánh đáo, đánh trống, kéo co, chạy thi, boi trải đều vượt trội lũ trẻ hàng xóm. Một lần tắm sông, nó boi ra giữa dòng định vớt một khúc củi khô, không may đuối nước. Chúng tôi chỉ còn biết kêu gào. Những người đốt rạ trên đồng chạy đến nơi, thằng Cò đã chìm mất dạng. Người ta phải dùng lưới trủ rà kéo khắp dòng sông, hôm sau mới vớt được xác.

Chú Ba lấy thẻ nhang ra bật lửa đốt, trao cho tôi mấy cây. Về mặt chú như tôi

hắn: “Cháu xin lỗi Cò đi. Người khuất mặt cũng nghe được chúng ta nói”. Tôi cầm nhang, đứng thẳng, đầu hơi cúi, nghe cò hòng nghèn nghẹn. Chú Ba giục: “Cháu nghĩ gì nói nấy, đừng ngại”. Chú Ba đưa nén nhang lên ngang mày, hướng ra mặt sông thì thào khấn vái. Tôi thấy hối hận, thấy thương Cò vô cùng: “Bạn đừng giận mình ghen Cò... cực chẳng đã mình...”. Mắt tôi ngấn nước. Chú Ba lay xong cầm nhang xuống bờ sông, quay sang phía tôi: “Chú cháu mình ngồi nán lại với Cò cho có bạn. Nhang cháy đều tức là Cò đã vui lòng tha thứ cho cháu”.

Từ dạo ấy, chú Ba không còn hát “Bài ca may áo”. Những lúc cày ruộng xong, chú bước lên ngồi bên gốc đa giữa đồng bơi móc cái gì đó trong hốc cây. Hoặc trước lúc về nhà, chú Ba vào trong đám mía đầy bí ả. Gã lính áo đen và một vài người lạ thì thoảng đi ngang qua nhà tôi nhìn vào bằng cái nhìn lăm lét. Theo lời của lũ trẻ, kẻ đã cho tôi năm đồng bạc cắc vẫn còn lăn la tìm hiểu ai dạy cho chúng tôi bài hát “Bài ca may áo”. Có hôm, bọn cảnh sát chặn đường kiểm tra thẻ căn cước chú tôi. Chúng biết chú tôi làm giấy tờ khai nhỏ tuổi để trốn lính. Ngặt là giấy trắng mực đen, đóng con dấu đỏ đành rành, không thể làm khó dễ. Để chú tôi có được thẻ căn cước nhỏ tuổi, bà nội đã không ngần ngại bán gần mẫu ruộng ở vùng Rộc Quéo.

Làng trên, xóm dưới ai cũng quý chú tôi sống hào phóng, thẳng ngay, hay giúp đỡ người nghèo. Các cô thôn nữ thì khỏi nói, họ thể hiện sự ngưỡng mộ chú

Ba ra mặt. Trong số những người đẹp xóm Lầm, có cô Thê tóc dài, da trắng, mắt bò câu được chú tôi để ý từ lâu. Tôi là cánh chim xanh đưa thư cho hai người. Bà nội hỏi thúc chú Ba lấy vợ. Chú cười buồn: “Thời buổi chiến tranh cưới nhau sợ làm khổ người ta”. Bà nội thuyết phục không được, nhờ cha tôi to nhỏ không xong. Đùng một cái, chú Ba mất tích. Bọn mật vụ mặt đằng đằng sát khí ào đến nhà tôi lục tung mọi thứ từ trong ra ngoài. Sau đó, tôi nghe người hàng xóm kể lại, bọn mật vụ đào bới gốc đa giữa đồng. Chúng tìm tài liệu. Chúng phát hiện chú tôi lập “hòm thư chết” ở gốc đa để liên lạc với cộng sản. Rằng chú tôi là cộng sản nằm vùng. Buồn cười là khi chúng biết được sự việc thì chú Ba đã cao bay xa chạy lên mật khu mất rồi.

Tội nghiệp cô Thê một lòng một dạ chờ đợi chú Ba, chờ đợi ngày hòa bình để cùng chú Ba nên duyên chồng vợ. Đau đớn thay, năm 1969 trong một lần về làng xây dựng cơ sở bí mật, chú Ba bị địch phục kích hy sinh.

Chú Sáu Cẩn trầm tĩnh, hiền lành là thế, nghe tin chú Ba Cản hy sinh, khóc liền mấy ngày rồi lên đường tòng quân trả thù anh, đền nợ nước trong một đêm mưa tầm tã. Lần này bọn mật vụ không đến nhà tôi lùng sục. Chúng bắt bà nội tôi đưa về trụ sở xã giam giữ, khảo tra cả tuần, không khai thác được điều gì mới gọi cha tôi đến đưa về.

Chú Ba hy sinh. Chú Sáu thoát ly. Con thuyền gia đình, cha tôi phải cầm lái. Mẹ càng bận bịu hơn việc đồng áng. Nếu

không nhờ cô Năm chăm sóc bà nội, phụ giúp việc nhà, có lẽ mẹ không cáng đáng nỗi phận làm dâu.

2. Hồi đó, ở xóm dưới có một thanh niên nhà giàu, đẹp trai, lịch thiệp và có năng khiếu điêu khắc. Người ấy tên là Lâm. Chú Lâm chưa từng học qua lớp điêu khắc nào, bỗng dưng làm cho mọi người đi từ ngạc nhiên này đến ngạc nhiên khác. Chú mua sắt về làm cốt, lấy đất thịt đắp thành tượng thiếu nữ trong sân vườn. Làm mái che tượng bằng rạ có dáng hình cột nầm. Mọi người lần lượt đến xem tượng thiếu nữ mặc áo dài đứng nghiêng nghiêng, một tay vuốt tóc, một tay đặt trên ngực thật duyên dáng và sống động. Người ta xem tượng, mỗi người có một cách cảm nhận khác nhau. Khổ nỗi nhiều người quả quyết rằng chú Lâm nặn tượng cô Tuyết (cô Năm tôi). Mỗi lần ra đường, người ta chọc gheo cô Năm điều này thứ nọ. Cô Năm không đủ can đảm đến nhà chú Lâm xem tượng. Cô nhờ tôi đi xem với lời hứa chắc như đinh đóng cột: “Út đi xem tượng về cho cô biết pho tượng ấy có giống cô không, cô sẽ đúc bánh bò cho cháu ăn thả giàn”. Nghe nói tới bánh bò nóng, tôi nhảy cẫng lên reo hò: “Cô Năm nói nhớ giữ lời với Út nghe. Con đi ngay đây”. Trong xóm, tôi chạy bộ chỉ thua thằng Cò. Tôi chạy chân đất, hai bàn tay nắm lại đưa về phía trước. Tay phải vịn vịn như vịn tay ga xe máy, miệng rú lên uỳnh!... uỳnh!... Tay trái thì thoảng bốp còi miệng toe!... toe!... Đây là những lúc gặp mấy ông già, bà già, cô gái đi bộ trên đường. Người ta giật mình, phát hiện ra

tôi, mắng mỏ: “Cái thằng Út Đực xe với còi!” hoặc là “Đồ vịt đực làm ồn ào xóm làng!”... Nói gì kệ họ. Tôi vô ga, tăng tốc chạy một mạch tới trước ngõ nhà chú Lâm cho “tắt máy”, rón rén vào sân. Chú Lâm vừa thấy tôi đã kêu toáng lên: “Út! Cháu vào đây chơi với chú”. Tôi thấy người nhẹ hẫm. Từ lâu tôi biết chú Lâm quý mến tôi qua cử chỉ, lời nói ám áp (khi ấy tôi chưa đủ khôn để hiểu rằng chú Lâm quý tôi còn vì một lý do khác nữa). Khu vườn nhà chú Lâm rộng mát, trồng nhiều cam, bưởi... Tôi chăm chăm nhìn pho tượng một hồi, rồi “nổ máy”, rồ ga chạy bay ra đường, quên bém chào chú Lâm.

Cô Năm ngồi thêu đan, mắt chong ra ngõ. Tôi vừa thấy cô, liền bật cười toe toét: “Giống y chang cô ơi!”. Cô Năm dừng tay nhìn tôi không chớp: “Xạo! Cô bằng xương bằng thịt, còn tượng bằng đất, bằng cát giống thế nào được”. Tôi đồ quạu: “Cô hồng tin Út thì xuống dưới đây mà coi!”. Cô Năm biết tôi nói thật. Mặt cô chột ửng hồng, nở nụ cười thật dễ thương: “Cô giống với con, chứ cô không tin Út thì còn tin ai!”. Tôi dúm đầu vào ngực cô, ỡng ỡng: “Cô nhớ đúc bánh bò nha!”. Cô Năm cười rạng rỡ: “Chó con tham ăn đừng lo. Cô chuẩn bị các thứ rồi”.

Khác với chú Ba Cỏn, cô Năm Tuyết rất kín đáo trong chuyện yêu đương. Chuyện chú Lâm nặn tượng cô Năm để tỏ tình thật lãng mạn làm cô xúc động. Biết vậy, cô Năm vẫn giận chú. Tình cờ tôi nghe cuộc đối thoại của hai người ở dưới bếp: “Anh có biết người ta đùa cợt em như

thể nào khi xem tượng không?”... “Anh biết lỗi rồi. Đừng giận anh nữa nhé!”...

Hôm trước gia đình chú Lâm đi dặm ngô cô Năm. Hôm sau xe jeep chở mật vụ và cảnh sát dã chiến áp tới nhà tìm bắt cô Năm. Thật lạ lùng. Bữa đó, tôi cứ ngỡ cô Năm đi cấy khuya. Cô Năm nhận lời cầu hôn của chú Lâm, vậy mà...

Bà nội, cha mẹ tôi, chú Lâm đều không biết cô Năm làm cơ sở cách mạng. Tôi ăn chưa no lo chưa tới làm sao biết được việc làm của người lớn. Mạng lưới an ninh dày đặt không bủa vây được cô tôi. Chúng tức tối, điên cuồng lại bắt bà nội, lại thất bại chua cay.

Chú Lâm nghe tôi đôi cách xưng hô, gọi chú bằng xưng Năm từ lúc dặm ngô, mỗi lần gặp tôi, xưng ôm vào lòng: “Chắc Út thương nhớ cô Năm nhiều lắm hả?”. Tôi nhìn xưng Năm, gật đầu, không nói. Nước mắt đầm bờ mi. Xưng Năm quay mặt đi. Tôi biết xưng vô cùng đau khổ khi xa cách cô Năm.

Đêm đêm tiếng súng vọng về. Bà nội cựa mình thao thức. Cha tôi đốt thuốc lá liền tay. Mẹ thức thòm mỗi lần nghe chó sủa. Tôi co quắp, hãi hùng vì tiếng gió rít ngoài cửa sổ. Đêm đen. Ngày dật dờ. Không khí chiến tranh bao trùm tang tóc. Chiều. Từ ba giờ. Nhà nhà vội vàng cơm nước. Vội vàng mang va ly, gióng thúng, gạo thóc, xoong nồi ra thềm. Khóa cửa. Và tiếng súng nổ. Tiếng kêu gào. Tức thì trên đường làng dòng người hốt hải chạy chung với trâu bò, xe cộ. Tôi lóng cóng chạy theo mẹ đang gồng gánh. Cha chờ bà nội bằng

xe đạp. Vô số những buổi chiều tiếng súng, tiếng kêu la, tiếng chân người lộp đi, lộp lại đáng sợ và nhàm chán, đau thương và vô vị.

Rồi một sáng. Buổi sáng mà suốt cuộc đời tôi không thể nào quên. Mọi người lảng giềng tụ tập, xầm xì trước ngõ nhà tôi. Cô Bốn Luyến (người em kê chú Ba Cỏn) mắt đỏ hoe, tất tả xộc vào sân, kéo mẹ vào nhà thì thào. Gương mặt mẹ tái nhợt, quày quả ra vườn tìm cha. Mẹ khóc. Cha bán loạn. Tôi nôn nao. Khi cha mẹ chấp chới bước ra ngõ cùng cô Bốn, tôi vùng chạy theo. Mẹ tức tưởi: “Con ở nhà chăm sóc nội. Không được ra đường!”. Tích tắc, thằng Ngự áo thun, quần đùi tông ngồng tạt vào nhà tôi, ghé tai nói nhỏ: “Cô Năm mày bị lính bắn chết ngoài sông!”. Tôi điếng người, quên bém lời mẹ dặn, tốc hộc chạy thẳng ra sông. Đồng trơ gốc rạ. Những gié lúa nhỏ nhoi, non nớt nhú lên hứng lấy sương mai sau cơn mưa phá hậu. Những bờ ruộng bị sạt lở sau mùa gặt làm bàn chân tôi chậm lại. Bên bờ sông cạnh lũy tre một nhóm người ngơ ngác. Cách đấy không xa là bọn lính đi đi, lại lại bên xác người nằm sóng soãi. Chúng có vẻ đắc ý, cười nói hể hả.

Tôi nghệt thở, xăm xăm tiến về phía bọn lính. Ngay khi ấy có một bàn tay chộp lấy bờ vai tôi giữ chặt: “Út bình tĩnh. Cháu đến đó bọn lính sẽ bắt đưa đi”. Tôi ngoái đầu nhìn ra phía sau, nắc lên: “Xưng Năm ơi! Có phải cô Năm...?”. Xưng Năm gật đầu, nhìn tôi, đôi mắt như có lửa.

Đội bọn lính rút lui. Xé chiều. Cha mẹ tôi, cô Bốn, xưng Năm và một số cụ



già trong xóm âm thầm mai táng cô tôi bên gò đất soi ven sông không cờ, không trống, không dám khóc lớn tiếng. Bàn thờ cô Năm ở nhà dưới không dám đặt di ảnh.

Cô Năm hy sinh chưa tròn tháng. Dượng Năm và một số trai làng bí mật lên chiến khu.

3. Đến cuối năm 1975 bà nội tôi mới biết chú Sáu Cần hy sinh ở Quảng Trị. Nỗi đau đã vón thành cục trong trái tim nhân hậu của bà. Nội không còn nước mắt để khóc con. Cha tôi và cô Bốn là chỗ dựa của nội. Tôi là niềm vui thấp sáng mỗi lần nội suy tư, buồn bã. Chỉ có dượng Năm là lạnh lặn trở về sau cuộc chiến tàn khốc. Bộ quân phục màu cỏ úa. Hàm thiếu tá. Mũ cối đính sao vàng lấp lánh. Vóc dáng cao ráo, săn chắc. Màu da phong trần. Đôi mắt sáng quắc, ầng ậng niềm tin. Dượng Năm là hiện thân của một người lính giải phóng phảng phất chút nghệ sỹ tài hoa. Nhà tôi là điểm dừng chân đầu tiên của dượng sau bao năm dài xa quê hương. Nội đứng nhìn trân trối. Tôi ngỡ ngợ. Chao ôi! Khi người đàn ông nở nụ

cười là tôi ào tới. Tôi chưa bao giờ quên nụ cười biết nói của dượng: “Nội ơi! Dượng Năm về... r...ồ.ồ...i...!!!”. Bà nội chồm tới ôm chầm dượng Năm. Tiếng khóc của nội khô khốc. Nước mắt của nội như những viên thủy tinh: “Con về đây, còn con Tuyết...”. Dượng Năm cắn chặt vành môi rớm máu: “Me! Con nhớ mẹ... Con mãi mãi là con rể mẹ...”. Dưới đáy chiếc ba lô bạc phếch của dượng Năm là ảnh chân dung khắc gỗ. Cô Năm hiện ra thời con gái xinh đẹp và thùy mị. Tôi nhói lòng nhớ lại ngày trước cô Năm hy sinh, gia đình tôi không dám thờ di ảnh.

Sau này dượng Năm còn nặn tượng bán thân của cô Năm và những đồng đội thân yêu của dượng đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước chưa tìm được hài cốt. Dượng xây một gian phòng thờ đồng đội. Tượng cô Năm đặt đối diện với cửa chính. Có lẽ dượng Năm muốn mỗi ngày thức dậy dượng nhìn thấy hình ảnh của người mà mình yêu thương, nhưng nhớ./.

Yêu người con gái Bắc Ninh

Tình cảm - Sâu lắng

Nhạc : Trọng Tĩnh

Thơ : Nguyễn Viết Tại

Không hiểu vì sao từ hôm ấy. Lòng anh rạo rức cánh chim bay. Không hiểu vì sao từ dạo ấy. Anh luôn dào dạt và mê say. Có phải tình em nguồn ấm nóng, ủ kín lòng anh những đêm thâu. Có phải tình yêu thành biển sóng. Đào dạt lòng anh lúc nhớ em. Yêu lắm thương lắm yêu tất cả. Những vật em dùng những chốn em qua. Mến cả từng nhánh cây ngọn lá. Được gần em cũng biến thành hoa. Mảnh đất Bắc Ninh anh chưa từng đến. Cả con sông Cầu anh chưa từng qua. Mà nay mến thương như quê mẹ. Mà nay mến thương như quê cha. Chắc cả trăm bài ca Quan họ. Chắt lọc bây giờ được tình em. Chắc cả bốn nghìn năm văn hiến Hôm nay bỗng tạc dáng hình em Có lẽ em ơi từ bữa ấy. Em là đẹp nhất giữa lòng anh. Anh nguyện làm đôi bờ sông trắng. Suốt đời ôm mãi nước em xanh Có lẽ em ơi từ bữa ấy. Em là đẹp nhất giữa lòng anh. Anh nguyện làm đôi bờ sông trắng. Suốt đời ôm mãi nước em xanh

Rall...(Chậm lại để kết)

Lá tình yêu



Nhạc : Trần Ngọc Sơn
Thơ : Mạc Mạc

Allegretto - Yêu thương

Lá này em gọi tình yêu. Lá thương lá nhớ bỏ nhiều cách xa. Bỏ cho kín
những mặt mà. Bỏ cho chặt những thiết tha ân tình. Lá này em gọi duyên
xinh. Mọc chi cho khéo nghĩa tình người ơi. Lòng em lắng giữa chơi vơi. Chìa tay em
với về nơi có chàng. Lá này em gọi miền
man. Lá si lá dại lá tràn nhớ nhưng. Nhớ chi héo
hắt kiệt cùng. Nhớ chi nhớ tới nỗi bùng lửa thiêu. Lá này em gọi phiêu
diêu. Tình tang em gảy khúc chiều lửa đôi. Lá
này lá thắm trâu tôi. Hồng môi em bước làm đôi với
chàng. Tình tang em bước làm đôi với chàng.
bước làm đôi với chàng.

SỔ TAY TẠP CHÍ

Trong số này, Tạp chí Người Kinh Bắc đã nhận được tác phẩm tham gia cộng tác của các tác giả:

* **Trong tỉnh:** Nguyễn Huy Phách, Mai Kháng, Hà Nguyên Thảo, Nguyễn Thị Dương, Nguyễn Thị Thiệp, Nho Thuận, Phan Thị An Ngọc, Lê Đăng Khuê, Đặng Công Giáp Xuân Vẽ, Chu Minh Chí, Phạm Thuận Thành, Trần Thiết, Ngọc Bích, Nguyễn Thành Hương, Nguyễn Việt Tại, Phương Hữu Thiện, Lê Việt Hùng, Nguyễn Đình Tự, Trung Du, Mai Hoàng Hanh, Trần Lưu Đóa, Vũ Thị Phương, Nguyễn Trung, Đỗ Đình Thanh, Thanh Huyền, Kim Oanh, Đỗ Anh Quân...

* **Ngoài tỉnh:** Đặng Ngọc Lan (Nghệ An), Trần Thị Thanh Tú (Phú Thọ), Nguyễn Ánh Nguyệt (Hải Phòng), Nguyễn Thị Mai Phương (Bắc Giang), Hồ Ngọc Diệp (Quảng Bình), Trần Văn Thiên (TP Hồ Chí Minh), Lê Ngọc Sơn, Vũ Tuyết Nhung (Thanh Hóa), Lê Hứa Huyền Trân (Bình Định), Nguyễn Minh Thuận (Bạc Liêu), Nguyễn Duy Hà (Lâm Đồng), Trần Thị Kỳ Duyên, Huỳnh Thị Kim Cương (Kiên Giang), Đoàn Huy Cảnh (Bắc Giang), Nguyễn Thanh Bình (Long An), Nguyễn Thanh Tuấn (Quảng Nam), Kim Liên, Bùi Văn Phẩm (Phú Thọ), Nông Tử Lệnh Anh, Ngọc Linh, Nguyễn Thị Hòa, Lê Thị Kết, Nguyễn Văn Chiến, Nguyễn Thị Loan, Nguyễn Thị Hải, Ái Nhân (Hà Nội), Huỳnh Thạch Thảo (Phú Yên), Nguyễn Văn Toàn, Ngô Công Tấn (Thừa Thiên Huế), Lê Trần Trường An, Lê Thị Hồng Châu, Trần Thị Thùy Linh (Sóc Trăng), Ngô Thế Lâm (Khánh Hòa), Đoàn Trung Phong, Đinh Hạ (Nghệ An), Nguyễn Ngọc Chiến (Quảng Trị), Bùi Nhật Lai (Thái Nguyên)...

Tạp chí xin trân trọng cảm ơn sự cộng tác của quý tác giả và mong muốn thường xuyên nhận được những ý kiến đóng góp của hội viên, cộng tác viên, độc giả ở trong và ngoài tỉnh về chất lượng, nội dung, hình thức... của Tạp chí để từng bước nâng cao hơn nữa chất lượng Tạp chí Văn nghệ tỉnh nhà.

Ban Biên tập Tạp chí Người Kinh Bắc trân trọng kính báo tới Hội viên Hội VHNT tỉnh Bắc Ninh, cộng tác viên trong và ngoài tỉnh chủ đề Tạp chí số 9 năm 2024: Kỷ niệm 79 năm Cách mạng tháng Tám và Quốc khánh 2/9; Kỷ niệm 15 năm Dân ca Quan họ Bắc Ninh được UNESCO công nhận là Di sản Văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại (2009 - 2024); Học tập làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh... Kính mong Hội viên, cộng tác viên và độc giả gửi tác phẩm về Tòa soạn Tạp chí Người Kinh Bắc trước ngày 10/7/2024.

Bài viết gửi về email: tapchinguoiKinhbac@gmail.com hoặc qua Bưu điện theo địa chỉ: Hội VHNT tỉnh Bắc Ninh (Số 01, Lý Thái Tổ - TP Bắc Ninh - Tỉnh Bắc Ninh). Truy cập Website nguoiKinhbac.vn để xem nội dung của Tạp chí hàng tháng.

Trân trọng cảm ơn!

BBT